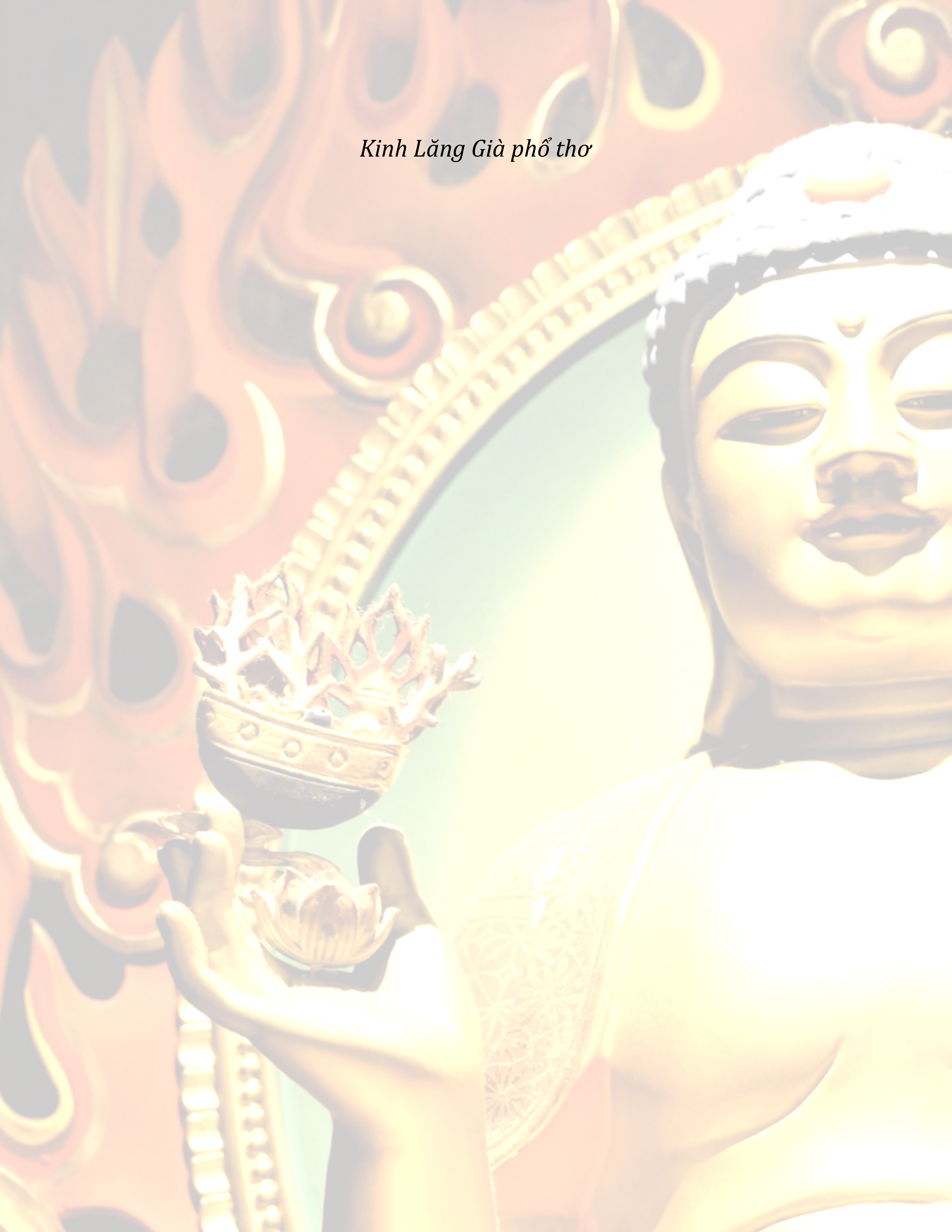


Kinh Lăng Già phổ thơ

First Printing, 2022

Images: OpenClipart – Vectors on Pixabay

ISBN 978-1-4717-1274-6
Imprint: Lulu.com

Kinh
Lăng Già
Phổ thơ





Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cầu Na Bạt Đà La
Việt dịch: Tỳ kheo Thích Duy Lực
Phổ thơ: KT Cát Quang Huy
Biên tập: Tiểu Long Nữ Huệ Tâm
Tôn Nữ Như
Tôn Nữ Như Hạnh
Tôn Nữ Thanh Xuân
Phật Tử Diệu Chánh
Đức Dương Rose tự Đào Hồng,
Pháp danh Diệu Huyền Thanh
Đạo Hữu Đỗ Xuân Phong
Đạo Hữu Bùi Thị Tố Hồng

Nhân Ngày Đức Phật Thích Ca Thành Đạo, Phật Lịch 2566
Mê Sa Cung, Arizona, Hoa Kỳ
Washington DC, Hoa Kỳ
California, Hoa Kỳ
Hà Nội, Đà Nẵng, Huế,
Sài Gòn, Kiên Giang, Việt Nam
Würselen, Đức



MỤC LỤC

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM- QUYỂN MỘT 13

DUYÊN KHỞI 13

MỘT TRĂM LẺ TÁM CÂU HỎI 14

PHẬT LẶP LẠI CÂU HỎI 20

PHẬT ĐÁP MỘT TRĂM LẺ TÁM CÂU PHI 22

PHÂN LOẠI CÁC THỨC 24

ĐOẠN KIẾN CỦA NGOẠI ĐẠO 26

CHÁNH NHÂN PHÂN BIỆT TÀ VỌNG 27

BÁC THUYẾT CÓ KHÔNG CỦA NGOẠI ĐẠO 28

LÌA VỌNG ĐƯỢC CHỨNG 30

HỎI VỀ TÁM THỨC NĂM PHÁP 32

NHÂN DUYÊN TÁM THỨC CHUYỂN 32

TÀNG THỨC LÀ BỜ MÉ CỨU KÍNH 33

HIỆN LƯỢNG TỰ TÂM LÌA VỌNG 34

BA TƯỚNG TỰ GIÁC THÁNH TRÍ 37

ĐẠI HUỆ HỎI TỰ TÁNH VỌNG TƯỞNG 38

PHÁ VỌNG CHẤP CÓ, KHÔNG 40

DIỆT THỨC PHI ĐỐN PHI TIỆM 43

BA PHẬT NÓI PHÁP 43

NHỊ THỪA TỰ GIÁC THÁNH TRÍ 44

THÁNH TRÍ THƯỜNG BẤT TƯ NGHÌ 46

NIẾT BÀN CỦA NHỊ THỪA 48

NĂM LOẠI CHÚNG SANH 49

NHẤT XIỂN ĐỀ 52

BA TỰ TÁNH 54

HAI VÔ NGÃ 56

LÌA KIẾN LẬP VÀ PHỦ ĐỊNH 57

BỒ TÁT THỊ HIỆN ĐỦ THỨ THÂN 59

PHÁP TÁNH KHÔNG, VÔ SANH BẤT NHỊ 61

TƯỚNG VÔ SANH 62

TƯỚNG BẤT NHỊ 63

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN HAI 65

NHƯ LAI TẠNG KHÁC CHƠN NGÃ NGOẠI ĐẠO 65

BỐN PHÁP TU HÀNH 66

AN LẠC THÁNH TRÍ 67

NHƯ LAI TẠNG LÌA CÁC NHÂN DUYÊN 69

NHƯ LAI TẠNG LÌA NGÔN THUYẾT 73

NHƯ LAI TẠNG LÌA TỨ CÚ 76

BỐN THỨ THIỀN 83

NHƯ LAI NIẾT BÀN 86

HAI TƯỚNG CỦA TỰ TÁNH 87

HAI THẦN LỰC KIẾN LẬP 88

NHƯ LAI TÀNG PHI NHÂN DUYÊN 90

NGÔN THUYẾT VÀ TÁNH 92

MÊ HOẶC LÀ THƯỜNG 93

MÊ HOẶC KHỞI HAI CHỦNG TÁNH 95

LÌA VỌNG BÌNH ĐẲNG CHÂN NHƯ 95

MÊ HOẶC NHƯ HUYỄN 96

NHƯ HUYỄN TỨC PHI HUYỄN 97

NÓI VÔ SANH NHƯ HUYỄN KHIẾN LÌA HY VỌNG 99

LÌA LỜI NÓI ĐƯỢC NGHĨA 100

NGHĨA CHẲNG Ở LỜI NÓI 101

BỐN QUẢ THANH VĂN 105

QUẢ TU ĐÀ HOÀN 105

QUẢ TƯ ĐÀ HÀM 108

QUẢ A NA HÀM 108

QUẢ A LA HÁN 108

QUÁN SÁT GIÁC 110

VỌNG TƯỞNG GIÁC 111

TỨ ĐẠI TẠO SẮC 112

NIẾT BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO 114
VỌNG TƯỞNG DIỆT LÀ NIẾT BÀN 115
VỌNG TƯỞNG TỰ TÁNH 116
TỰ GIÁC THÁNH TRÍ 121
NHẤT THỪA 122
TAM THỪA TUỲ CƠ 122
NHẤT THỪA BÌNH ĐẲNG 123
PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN BA 125
BA THỨ Ý SANH THÂN 125
TỪ SƠ ĐỊA ĐẾN THẤT ĐỊA 125
ĐỆ BÁT ĐỊA 125
PHẬT ĐỊA 126
NĂM HẠNH VÔ GIÁN 127
HAI CĂN BẢN ĐOẠN 127
PHÁP CỨU CÁNH ĐOẠN 127
NGŨ ẤM CỨU CÁNH ĐOẠN 128
BẢY THỨC ĐOẠN 128
NGOẠI NGŨ VÔ GIÁN 128
TRI GIÁC PHẬT 131
BỐN THỨ BÌNH ĐẲNG 131
PHẬT GIÁC KHÔNG THỂ NÓI 134
PHẬT GIÁC XA LÌA HAI BÊN 136
TÔNG THUYẾT ĐỀU THÔNG 139
DO ĐÂU VỌNG TƯỞNG SANH 140
TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỞNG CHẲNG SANH 142
THẾ NÀO LÀ NGỮ, NGHĨA 145
BA THỨ TRÍ 148
THỨC TRÍ SAI BIỆT 148
CHÍN THỨ CHUYỂN BIẾN LUẬN 151
HỎI VỀ TƯƠNG TỤC VÀ GIẢI THOÁT 153
MƯỜI MỘT THỨ TƯƠNG TỤC 154

PHÁP TỊCH TỊNH 154
NGHI CÁC PHÁP ĐOẠN DIỆT 156
THÁNH TRÍ TỰ TRI 157
NGHI THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ 158
THÁNH TRÍ LÌA CÓ KHÔNG 160
CHẲNG LẬP TÔNG BẤT SANH 160
NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI 161
THÁNH TRÍ XA LÌA SỞ TRI 164
PHÀM PHU CHẤP PHƯƠNG TIỆN 167
TÔNG THUYẾT KHÁC KIẾN TƯỚNG PHÀM PHU 167
THẾ LUẬN CHIÊU CẢM KHỔ 169
NHƯ LAI CHỈ NÓI TỰ THÔNG 171
THẾ LUẬN CHẤP NHẬN THAM DỤC 176
NÊN CHẤP NHẬN CHÁNH PHÁP 176
NIẾT BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO 179
NIẾT BÀN CỦA NHƯ LAI 182
PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN BỐN 185
PHÁP THÂN LÌA TỨ CÚ 185
PHÁP THÂN THƯỜNG LẶNG LẼ 186
PHÁP THÂN CHẲNG ĐỒNG CHẲNG KHÁC 186
PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI KHÔNG TÁNH 187
PHÁP THÂN TÊN KHÁC THỂ ĐỒNG 189
PHÁP THÂN LÌA VĂN TỰ 190
NƠI NGÔN THUYẾT RỜI NGÔN THUYẾT 191
BỐN NHÂN TƯỚNG CỦA NGOẠI ĐẠO 194
TỰ TÂM HIỆN LƯỢNG VỌNG TƯỞNG KHÔNG SANH 196
NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CHẲNG THẬT 196
THẬT TÁNH VỌNG TƯỞNG TỨC CHÂN TỊCH TỊNH 197
CHỈ THẲNG VÔ SANH 198
PHÁP DO NHÂN DUYÊN SANH 199
BẢY THỨ VÔ THƯỜNG CỦA NGOẠI ĐẠO 202

PHÁP NHƯ LAI PHI THƯỜNG PHI VÔ THƯỜNG 206
HÀNH TƯỚNG BÁT ĐỊA 208
CHÁNH GIÁC THƯỜNG TRỤ 215
CHÁNH GIÁC THƯỜNG HIỆN BÀY 216
CHÂN GIÁC THƯỜNG BÌNH ĐẲNG 216
HỎI VÔ NGÃ THÌ AI SANH DIỆT 218
NHƯ LAI TẠNG THANH TỊNH 218
NHƯ LAI TẠNG DIỆT CÁC THỨC 219
NHƯ LAI TÀNG TỰ GIÁC 220
NĂM PHÁP HAI VÔ NGÃ 223
DANH TƯỚNG DO VỌNG TƯỞNG 224
CHUYỂN VỌNG THÀNH TRÍ 224
BA TỰ TÁNH GOM VÀO NĂM PHÁP 226
TÁM THỨC GOM VÀO NĂM PHÁP 226
PHẬP PHÁP GOM VÀO NĂM PHÁP 227
PHÁP THÂN KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN 229
PHÁP THÂN TỰ TÁNH TRONG SẠCH 230
PHÁP THÂN KHÔNG HOẠI 231
PHÁP THÂN KHÔNG HẠN LƯỢNG 231
PHÁP THÂN KHÔNG TĂNG GIẢM 232
BI NGUYỆN KHẮP PHÁP GIỚI 232
PHÁP THÂN TUỲ THUẬN NIẾT BÀN 232
BIẾT VỌNG ĐƯỢC GIẢI THOÁT 233
CHỈ NGHĨA SÁT NA 234
NHƯ LAI TẠNG PHI SÁT NA 236
BA LOẠI BA LA MẬT 237
THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN BA LA MẬT 237
SIÊU VIỆT BA LA MẬT PHI SÁT NA 238
SÁU CHỖ NGHI 240
TRỪ NGHI THỌ KÝ A LA HÁN 240
TRỪ NGHI CHẲNG NÓI MỘT CHỮ 241

TRỪ NGHI KHÔNG SUY XÉT NÓI PHÁP 242
TRỪ NGHI THÀNH PHẬT THỨC SÁT NA HOẠI.. 242
TRỪ NGHI KIM CANG HỘ VỆ.. 242
TRỪ NGHI CÁC NGHIỆP BÁO.. 243
HỎI VỀ TỘI PHƯỚC ĂN THỊT 245
TỘI LỖI CỦA ĂN THỊT 246
CHÚ THÍCH...252

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM- QUYỂN MỘT
DUYÊN KHỞI

Chính bản thân tôi nghe như vậy
Một hôm kia Phật tại Lăng Già
Gần bờ biển Nam nguy nga
Có đủ thứ hoa trân quý trang hoàng
Đại tỳ kheo và hàng Bồ Tát
Từ mười phương cõi Phật đến đây
Đều đủ tự tại tuyệt vời
Vô lượng chánh định sáng ngời thần thông
Ngài Đại Huệ là hàng thượng thủ
Phật đích thân ban đủ sức thần
Làm phép quán đảnh trong lành
Cảnh giới hiện lượng tựu thành tự tâm[46]
Với chúng sanh đã thông tâm sắc
Đã vô lường chứng đắc pháp môn
Năm pháp tự tánh làu thông
Hai thứ vô ngã đã từng siêng tu
Hiểu nghĩa lý chân như cứu cánh
Lúc bấy giờ đại thánh hai người
Đại Huệ, Ma Đế đồng thời
Mới từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay
Rồi cung kính trịch vai áo phải
Mà nói lên bài kệ như sau:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Thế gian lìa sanh diệt
Như hoa đốm trên không.
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn,
Xa lìa nơi tâm thức.
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại bi.
Xa lìa chấp đoạn thường,
Pháp thế gian như mộng.
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại bi.
Biết nhơn pháp vô ngã
Phiền não và nhĩ diệm[1]
Thường trong sạch vô Tướng,
Mà khởi tâm đại bi.
Niết Bàn chẳng thể lập,

Chẳng có Niết Bàn Phật,
Chẳng có Phật Niết Bàn,
Lìa năng giác, sở giác.
Hoặc có hoặc không có,
Cả hai thảy đều lìa.
Pháp thiền quán tịch tịnh,
Vốn lìa sự sanh khởi.
Chẳng đời này đời sau,
Gọi là chẳng thủ xả.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát
Nói kệ tán thán xong,
Tự xưng tên họ rằng:
- Con tên là Đại Huệ,
Thông đạt pháp Đại Thừa
Một trăm lẻ tám câu,
Dùng kệ hỏi Thế Tôn.

Đức Phật nghe kệ rồi,
Quán sát tất cả chúng.
Bảo các Phật tử rằng,
-Nay cho mặc tình hỏi.
Tôi sẽ vì các ngươi,
Thuyết cảnh giới tự giác.

Khi ấy, ngài Đại Huệ
Kính vâng lời Đức Phật,
Đảnh lễ chân Phật rồi
Chắp hai tay cung kính,
Dùng kệ mà hỏi rằng:

MỘT TRĂM LẺ TÁM CÂU HỎI

- Thế nào niệm trong sạch?
Thế nào niệm tăng trưởng?
Tại sao thấy mê hoặc?
Mê hoặc sao tăng trưởng?
Cách giáo hóa cõi Phật,
Chúng sanh và ngoại đạo?
Thế nào thọ, vô thọ?
Tại sao gọi vô thọ?

Phật tử là nghĩa gì?
Giải thoát đến mức nào?
Ai trói ai giải thoát?

Cảnh giới thiền ra sao?
Tại sao có Tam thừa?
Mong Phật giải thích cho.
Duyên khởi từ đâu sanh?
Sao nói tác, sở tác?
Sao có pháp đồng dị,
Giảm bớt và tăng trưởng?
Sao gọi vô sắc định,
Và gọi Chánh định diệt?
Thế nào là tưởng diệt?
Vì sao có xuất định?
Tại sao sanh sở tác,
Tinh tấn và trì thân
Thế nào hiện phân biệt?
Chư Địa từ đâu sanh?

Phá Tam giới là ai?
Thân này là thân gì?
Vãng sanh đến nơi nào?
Bồ Tát Tối Thắng Tử,
Nhân gì đắc thần thông,
Và tự tại Tam Muội?
Sao gọi Tam Muội tâm?
Cúi xin vì con nói.

Chữ "Tạng" là nghĩa gì?
Sao gọi ý và thức?
Sanh diệt là thế nào?
Sở kiến trả về được,
Năng kiến trả về đâu?
Thế nào là tâm lượng,
Chủng tánh phi chủng tánh?
Làm sao kiến lập tướng,
Nghĩa ngã và phi ngã?
Sao nói chẳng chúng sanh?
Sao gọi thuyết thế tục?

Cách nào chẳng sanh khởi,
Đoạn kiến và thường kiến?
Chư Phật và ngoại đạo,
Tại sao chẳng trái nhau?
Phật tánh vốn bất nhị,
Tại sao đời vị lai,
Nhiều bộ phái khác nhau?
Nhân gì lập nghĩa không?
Sao nói sát na hoại?

Thai tạng sanh là gì?
Thế pháp sao chẳng động?
Nhân gì như mộng huyễn,
Như thành Càn Thát Bà,
Như bóng trăng trong nước?
Thế gian như dương diệm,
Sao lại nói Giác Chi,
Và Thất Bồ Đề phần?
Quốc độ sao hỗn loạn?
Tại sao chấp hữu kiến?
Thế nào chẳng sanh diệt,
Thế pháp như hoa đốm?
Cách nào giác thế gian,
Thuyết pháp lìa văn tự
Lìa vọng tưởng là ai?
Sao dụ như hư không?
Mấy thứ pháp như thật?
Mấy tâm Ba La Mật?
Nhân gì độ chư Địa,
Đến nơi vô sở Thọ,

Và hai thứ vô ngã?
Làm sao cảnh trí sạch?
Trí huệ có mấy thứ?
Giới tánh có bao nhiêu?
Hạt chơn châu Ma Ni,
Thật tánh từ đâu sanh?
Ai lập ra ngữ ngôn,
Và chủng tánh chúng sanh?

Minh xứ và kỹ thuật,
Do đâu mà hiển bày?
Kệ tụng có mấy thứ,
Tụng dài và tụng ngắn,
Tất cả có mấy thứ?
Thế nào gọi là Luận?
Sao có sự ăn uống,
Và sanh những ái dục?
Tại sao gọi là vua,
Chuyển Luân và Tiểu Vương?
Cõi trời có mấy thứ?
Hộ vệ quốc độ nào?
Thế nào gọi là Địa,
Tinh tú và nhựt nguyệt?
Người tu hành giải thoát,
Mỗi môn có mấy thứ?

Đệ tử có mấy loại?
Sao gọi A Xà Lê?
Phật có bao nhiêu thứ?
Sự sanh có mấy loại?

Ma và các ngoại đạo,
Mỗi mỗi có mấy thứ?
Tự tánh và bản tâm,
Có mấy thứ riêng biệt?
Những số lượng thi thiết?
Niệm thông minh là gì?
Cúi xin Phật khai thị.
Hư không và gió mây,
Cây cỏ và rừng rậm,
Tất cả là thế nào?
Tại sao lại bắt lấy,
Những loài voi, ngựa, nai?
Thế nào là thấp hèn?
Nhân gì mà thấp hèn?
Làm sao dứt lục căn?
Sao gọi Nhất Xiển Đề?
Nam nữ, phi nam nữ?
Từ đâu mà sanh khởi?

Thế nào phát tâm tu?
Sao lại tu lui sụt?
Thiền sư dùng pháp gì?
Dạy cho những người nào?
Chúng sanh vào các cõi,
Tướng nào thuộc loại nào?

Thế nào là giàu sang?
Nhân gì được giàu sang?
Thế nào là Thích Chủng?
Nhân gì được Thích Chủng?
Thế nào dòng Cam Giá[(1)]?
Xin Thế Tôn giải thuyết.
Những Tiên nhơn khổ hạnh,
Truyền thọ như thế nào?
Sao thân Phật hiển hiện,
Khắp thời gian không gian,
Có đủ loại chúng sanh,
Và Bồ Tát nhiễu quanh?
Tại sao chẳng ăn thịt?
Tại sao cấm ăn thịt?
Những loại nào ăn thịt?

Nhân gì phải ăn thịt?

Sao hình thành nhựt nguyệt,
Tu Di và Liên Hoa.
Cõi nước rất thù thắng,
Trùm khắp cả thế giới?
Như lưới báu Đế Thích,
Tất cả những trân bửu.
Cây đàn dáng trống cơm,
Và đủ loại hương hoa,
Sáng chói lìa nhựt nguyệt,
Mỗi mỗi đều vô lượng?

Thế nào là Hóa Phật?
Thế nào Báo Thân Phật?
Thế nào Như Như Phật?
Thế nào Trí Huệ Phật?
Tại sao nơi Dục giới,
Chẳng thành Đẳng Chánh Giác?
Sao cõi Sắc Cứu Cánh,
Lìa dục đắc Bồ Đề?
Chư Phật nhập Niết Bàn,
Ai duy trì chánh pháp?
Như Lai và chánh pháp,
Được trụ thế bao lâu?
Thành tựu và kiến chấp,
Mỗi loại bao nhiêu thứ?
Từ giới luật tỳ kheo,
Thanh Văn và Duyên Giác,
Cho đến bậc Bồ Tát,
Nhân duyên gì kiến lập?
Nhân gì nhiều biến đổi?
Tại sao Vô sở Thọ?

Thế Tục Thông là gì?
Tại sao xuất thế gian?
Thế nào là Thất Địa?
Cúi xin Phật diễn thuyết.
Tăng Già có mấy loại?
Thế nào phá hoại Tăng?
Y Phương Luận là gì?
Bởi Do nhân duyên gì,

Sao lại Phật Thế Tôn,
Thuyết những lời như thế:
"Ca Diếp (Phật),Câu Lưu Tôn (Phật),

Câu Na Hàm (Phật) là Ta?"
Cớ sao nói đoạn thường?
Có ngã và vô ngã?
Sao không tất cả thời,
Đều diễn chơn thật nghĩa?
Mà lại vì chúng sanh,
Phân biệt thuyết Tâm lượng?
Tại sao cõi Ta Bà,
Núi Kim Cang, Thiết Vi,
Tất cả đều sung mãn,
Như trái Yêm Ma La?



PHẬT LẶP LẠI CÂU HỎI

Phật nghe xong bài kệ
Hỏi độ môn Đại Thừa
Và diệu tâm Chư Phật:
- Lành thay những câu hỏi.
Đại Huệ hãy lắng nghe,
Nay Ta vì các ngươi,
Theo thứ lớp giải đáp:

Pháp sanh và bất sanh,
Các loại đến Niết Bàn,
Sát na chẳng tự tánh.

Từ Phật tử, ngoại đạo,
Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ Tát Ba La Mật,
Và hạnh cõi vô sắc.
Mỗi mỗi việc như thế,

Núi Tu Di, biển cả,
Các bộ châu, quốc độ,
Tinh tú và nhựt nguyệt,
Cõi trời A Tu La,
Sức thiền Tam Ma Đề,
Giải thoát được tự tại.
Giác Chi, Như Ý Túc,
Và các phẩm trợ đạo;

Từ những thân ngũ ấm,
Cho đến Diệt Tận Định,
Gồm Vô lượng thiền định.
Phật từ Tam Muội khởi,
Thuyết pháp độ chúng sanh.
Tâm (thức thứ tám), Ý (thức thứ bảy), và Ý thức (thức thứ sáu),
Năm pháp và vô ngã,
Năng tưởng và sở tưởng,
Tự tánh hiện nhị kiến.

Các thừa và chủng tánh,
Vàng bạc, châu Ma Ni,
Cho đến Nhất Xiển Đề,
Nhiều loại với nhất Phật,
Trí Nhĩ Diệm chứng đắc.
Chúng sanh Hữu hay Vô,

Những cầm thú voi, ngựa,
Tại sao bị bắt lấy,
Do nhân duyên thành tựu
Năng tác và sở tác,

Tòng lâm cùng mê hoặc
Tâm lượng chẳng hiện Hữu,
Chư Địa chẳng đến nhau.
Biến hiện thọ, vô thọ,
Y phương và công xảo,
Nội ngoại trong ngũ Minh,
Đại địa, núi Tu Di,
Biển cả, nhựt, nguyệt, tinh,
Chúng sanh thượng, trung, hạ,
Quốc độ và sắc thân,
Mỗi mỗi bao vi trần.

Thước tấc và số dặm,
Số ngắn đến số dài.
Nói chung những câu hỏi,
Danh từ các số lượng,
Diễn tả sự hiện Hữu,
Không gian và thời gian,
Nên hỏi những việc này,
Đâu cần hỏi việc khác.

Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ Tát cho đến Phật,
Mỗi thân bao nhiêu trần,
Số lượng của tứ đại,
Thân ngũ uẩn con người,

Vua chúa trên thế gian,
Cho đến Chuyển Luân Vương,
Đều ham giữ của cải,
Làm sao được giải thoát?
Nghĩa hẹp và nghĩa rộng,
Như chỗ hỏi của ngươi,
Việc Phật tử nên hỏi.
Muốn mỗi mỗi tương ưng,
Phải xa lìa kiến chấp.
Thành tựu lìa ngôn thuyết.
Nay ta sẽ khai thị,
Kỹ càng từng lớp một,
Phật tử hãy lắng nghe.
Trăm lẻ tám câu này,

Như chư Phật sở thuyết.

– Hết trích –

PHẬT ĐÁP MỘT TRĂM LẺ TÁM CÂU PHI

Câu sanh câu bất sanh,
Câu thường câu vô thường,
Câu trụ dị phi trụ dị,
Câu sát na câu phi sát na,
Câu tự tánh câu ly tự tánh,
Câu không câu bất không,
Câu đoạn câu bất đoạn,

Câu biên câu phi biên,
Câu trung câu phi trung,
Câu duyên câu phi duyên,
Câu nhân câu phi nhân,
Câu phiền não câu phi phiền não,
Câu ái câu phi ái,
Câu phương tiện câu phi phương tiện,
Câu xảo câu phi xảo,
Câu tịnh câu phi tịnh,
Câu thành câu phi thành,
Câu ví dụ câu phi ví dụ,
Câu đệ tử câu phi đệ tử,
Câu sư câu phi sư,

Câu chủng tánh câu phi chủng tánh,
Câu tam thừa câu phi tam thừa,
Câu sở hữu câu phi sở hữu,
Câu nguyện câu phi nguyện,
Câu tam luân câu phi tam luân,
Câu hữu phẩm câu phi hữu phẩm,
Câu chung câu phi chung,

Câu duyên tự thánh trí hiện pháp lạc câu phi hiện pháp lạc,
Câu sát độ câu phi sát độ,
Câu thủy câu phi thủy,
Câu cung câu phi cung,
Câu thật câu phi thật,
Câu số câu phi số,
Câu minh câu phi minh,
Câu hư không câu phi hư không,

Câu vân câu phi vân,

Câu công xảo kỹ thuật minh xứ,
Câu phi công xảo kỹ thuật minh xứ,
Câu phong câu phi phong,
Câu địa câu phi địa,
Câu tâm câu phi tâm,
Câu thi thiết câu phi thi thiết,
Câu ấm câu phi ấm,
Câu chúng sanh câu phi chúng sanh,
Câu huệ câu phi huệ,
Câu niết bàn câu phi niết bàn,
Câu nhĩ diệm câu phi nhĩ diệm,
Câu ngoại đạo câu phi ngoại đạo,
Câu hoang loạn câu phi hoang loạn,
Câu huyễn câu phi huyễn,
Câu mộng câu phi mộng,
Câu diệm câu phi diệm,
Câu tượng câu phi tượng,
Câu luân câu phi luân,
Câu càn thát bà câu phi càn thát bà,
Câu thiên câu phi thiên,
Câu ẩm thực câu phi ẩm thực,
Câu dâm dục câu phi dâm dục,
Câu kiến câu phi kiến,
Câu Ba La Mật câu phi Ba La Mật,
Câu giới câu phi giới,
Câu nhựt nguyệt tinh tú câu phi nhựt nguyệt tinh tú,
Câu đế câu phi đế,
Câu quả câu phi quả,
Câu khởi diệt câu phi khởi diệt,
Câu trị câu phi trị,
Câu chi câu phi chi,
Câu thiền câu phi thiền,
Câu mê câu phi mê,
Câu hiện câu phi hiện,
Câu hộ câu phi hộ,
Câu tộc câu phi tộc,

Câu tiên câu phi tiên,
Câu vương câu phi vương,
Câu nhiếp thọ câu phi nhiếp thọ,
Câu bảo câu phi bảo,
Câu ký câu phi ký,
Câu nhất xiển đề câu phi nhất xiển đề,
Câu nữ nam bất nam câu phi nữ nam bất nam,
Câu vị câu phi vị,
Câu sự câu phi sự,

Câu thân câu phi thân,
Câu giác câu phi giác,
Câu động câu phi động,
Câu căn câu phi căn,
Câu hữu vi câu phi hữu vi,
Câu vô vi câu phi vô vi,
Câu nhân quả câu phi nhân quả,
Câu sắc cứu cánh câu phi sắc cứu cánh,
Câu thiết câu phi thiết,
Câu tòng thọ cát đằng câu phi tòng thọ cát đằng,

Câu tạp câu phi tạp,
Câu thuyết câu phi thuyết,
Câu tỳ ni câu phi tỳ ni,
Câu tỳ kheo câu phi tỳ kheo,
Câu xứ câu phi xứ,
Câu tự câu phi tự.

Đức Phật bảo thượng nhân Đại Huệ
Những câu này chư Thế Tôn ra
Một trăm lẻ tám câu hoa
Các đại Bồ Tát khéo đà nên tu

PHÂN LOẠI CÁC THỨC

Lúc bấy giờ thì ngài Đại Huệ
Bạch Phật rằng: - Thưa Đức Thế Tôn
Thức có mấy trụ diệt sanh
Hai sanh trụ diệt khó lòng nghĩ thông
Hai thứ sanh gọi là
Lưu chú sanh và tướng sanh
Hai thứ trụ gọi là
Lưu chú trụ và tướng trụ
Hai thứ diệt gọi là
Lưu chú diệt và tướng diệt

Các thức còn có ba thứ tướng
Chuyển tướng nghiệp tướng và chơn tướng
Lại phân ra ba thứ phân minh
Nói đủ có tám rành rành thức kia

Ba thứ thức chính là
Chơn thức hiện thức
Và phân biệt sự thức

Này Đại Huệ nên biết

Ví như trong gương sáng
Hiện ra những sắc tướng
Chỗ hiện của hiện thức
Cũng y hệt như thế
Này Đại Huệ! Hiện thức
Và phân biệt sự thức
Trong hai thức này thời
Tướng hoại và chẳng hoại
Lại làm nhân cho nhau
Này Đại Huệ nên biết
Huân tập bất tư nghì
Chuyển biến bất tư nghì
Là nhân của hiện thức
Nhận lấy các cảnh trần
Và huân tập vọng tưởng
Từ vô thỉ là nhân
Của phân biệt sự thức

Này Đại Huệ nên biết
Nếu hư vọng chẳng thật
Đang che khuất chơn thức
Đều bị tiêu diệt hết
Thì tất cả căn thức
Cũng sẽ bị tiêu diệt
Ấy gọi là tướng diệt

Này Đại Huệ nên biết
Sao nói tương tục diệt
Bởi cái nhân của nó
Đã bị tiêu diệt rồi
Thì tương tục phải diệt
Sở nhân đã bị diệt
Thì sở duyên cũng diệt
Nhân duyên đều đã diệt
Thì tương tục phải diệt
Vì có sở nương tựa
Nói nương tựa là vì
Vọng tưởng đã huân tập
Từ ngàn xưa vô thỉ
Nói duyên là bởi vì
Tự tâm hiện những cảnh
Là vọng tưởng của thức

Này Đại Huệ nên biết
Cục đất với vi trần
Có khác cũng không khác

Dùng vàng ròng làm ra
Đồ trang sức cũng thế
Này Đại Huệ nên biết
Cục đất với vi trần
Nếu bảo là có khác
Thì cục đất chẳng do
Vi trần họp mà thành
Mà thật ra thì do
Vi trần họp mà thành
Nên nói là chẳng khác
Nếu chấp nhận chẳng khác
Cục đất với vi trần
Chẳng thể có phân biệt

Như thế này Đại Huệ
Chơn tướng của chuyển thức
Với tạng thức nếu khác
Thì tạng thức chẳng phải
Cái nhân của chuyển thức
Nếu là nó chẳng khác
Thì chuyển thức khi diệt
Tạng thực cũng phải diệt
Mà chơn tướng của nó
Thật ra đâu bị diệt
Đại Huệ thế cho nên
Chẳng phải là tự thức
Của chơn tướng bị diệt
Chỉ là nghiệp tướng diệt
Nếu tự thức chơn tướng
Đã bị tiêu diệt rồi
Tạng thức cũng phải diệt
Đại Huệ ông nên biết
Nếu tạng thức diệt thì
Chẳng khác gì đoạn kiến
Của tà sư ngoại đạo

ĐOẠN KIẾN CỦA NGOẠI ĐẠO

Này Đại Huệ nên biết
Ngoại đạo lập luận rằng:
Cảnh giới nhiếp thọ diệt
Thì lưu chú của thức
Cũng lại bị diệt luôn
Nếu lưu chú thức diệt
Lưu chú từ vô thỉ
Đã phải đoạn dứt rồi

Này Đại Huệ nên biết
Ngoại đạo nói cái nhân
Sanh khởi của lưu chú
Chẳng phải do nhãn thức
Sắc không và sáng tối
Hoà hợp lại mà thành
Ngoài ra có nhân khác
Này Đại Huệ nên biết
Cái nhân của họ nói
Là thần ngã thắng diệu
Là sĩ phu tự tại
Thời gian và vi trần

Lại nữa này Đại Huệ
Có bảy thứ chủng tánh
Của tự tánh gọi là

Hoà hợp tự tánh
Tánh tự tánh
Tướng tự tánh
Đại chủng tự tánh
Nhân tự tánh
Duyên tự tánh
Thành tựu tự tánh

CHÁNH NHÂN PHÂN BIỆT TÀ VỌNG

Lại nữa này Đại Huệ
Bảy thứ đệ nhất nghĩa

Cảnh giới tâm
Cảnh giới huệ
Cảnh giới trí
Cảnh giới kiến
Cảnh giới siêu nhị kiến
Cảnh giới siêu tử địa
(Là siêu việt phiền não)
Cảnh giới Như Lai tự tại

Này Đại Huệ nên biết
Đây là đệ nhất nghĩa
Là Tâm của tự tánh
Của ba đời chư Phật
Quá khứ hiện vị lai
Ứng cúng đẳng chánh giác
Thành tựu pháp thế gian

Và cả xuất thế gian
Xuất thế gian thượng pháp
Do huệ nhãn bậc thánh
Soi vào tự cộng tướng
Mà kiến lập tạo ra
Kiến lập này không đồng
Ác kiến của ngoại đạo

Lại nữa này Đại Huệ
Thế nào là lập luận
Ác kiến của ngoại đạo
Ấy là cảnh giới vọng
Của tự kiến tà chấp

Chẳng thông tự cảnh giới
Không thông đạt ngằn mé
Đều tự tâm hiện ra
Này Đại Huệ nên biết
Ngu si của phàm phu
Nơi bất nhị tự tánh
Bản chất vốn vô tánh
Lập ra nhị kiến luận

BÁC THUYẾT CÓ KHÔNG CỦA NGOẠI ĐẠO

Lại nữa này Đại Huệ
Cái nhân vọng tướng khổ
Của Tam giới diệt rồi
Thì các duyên vô minh
Ái nghiệp liền bị diệt
Nay ta sẽ tuyên thuyết
Những cảnh huyễn hoá do
Kiến chấp tâm sở hiện

Này Đại Huệ nên biết
Sa môn Bà La Môn
Muốn khiến nhân quả của
Hữu chủng và vô chủng
Thời gian có sở trụ
Những cái do chấp ấm
Giới nhập nơi sanh trụ
Mà vọng biến hiện ra
Sự vật sanh hoặc hữu
Niết bàn hoặc đạo nghiệp
Quả hoặc là chân lý
Hoặc chính là thường trụ

Đều là đoạn diệt luận
Vì các việc kể trên
Vốn đều là vô thỉ
Hiện tiền bất khả đắc

Lại nữa này Đại Huệ
Bình bể chẳng dùng được
Hạt cháy chẳng nảy mầm
Như thế này Đại Huệ
Nếu tánh ấm giới nhập
Đã nay sẽ bị diệt
Do kiến chấp vọng tưởng
Của tâm vô nhân có
Sanh khởi chẳng thứ lớp

Lại nữa này Đại Huệ
Nếu nói thức vô chủng
Hoặc thức là hữu chủng
Ba duyên kiến tướng thức
Hòa hợp mà sanh khởi
Thì rùa nên mọc lông
Ép cát phải ra dầu
Tông họ ắt tự hoại
Trái với nghĩa quyết định
Thuyết hữu chủng vô chủng
Đều có lỗi như thế
Nếu theo đó kiến lập
Sự nghiệp đều hư dối

Này nữa này Đại Huệ
Cái thuyết ba duyên sanh
Của tà sư ngoại đạo
Lập phương tiện nhân quả
Tự tướng nơi ba thời
Quá khứ hiện vị lai
Tưởng hữu chủng vô chủng
Từ xưa cho đến nay
Đã trở thành sự thật
Giác tưởng xoay chuyển vần
Thừa kế lẫn với nhau
Là do lỗi tập khí
Tự sanh kiến chấp sai

Này Đại Huệ nên biết
Hàng phàm phu ngu si
Say mê các tà tưởng

Trí huệ bị ác kiến
Nuốt mất hết tiêu tan
Đem cái thuyết vô trí
Vọng xưng nhất thiết trí

LÌA VỌNG ĐƯỢC CHỨNG

Này Đại Huệ nên biết
Sa môn Bà La Môn
Lìa kiến chấp tự tánh
Biết trong ngoài tâm hiện
Như mây nổi vòng lửa
Như thành Càn Thát Bà
Như ảo ảnh sa mạc
Như bóng trăng trong nước
Như mộng huyễn hư dối
Những vọng tưởng sai lầm
Vô thỉ chẳng lìa tâm
Nếu nhân duyên vọng tưởng
Bị diệt hết tan rồi
Lìa năng thuyết sở thuyết
Lìa năng quán sở quán
Kiến lập thân tạng thức
Ngay nơi cảnh giới đó
Thức lại có thọ dụng
Nhiếp thọ và kẻ nhiếp
Đối những việc kể trên
Đều chẳng có tương ưng
Chẳng có cảnh giới ấy
Xa lìa sanh trụ diệt
Xa lìa tâm tự khởi
Xa lìa các chỗ nhập
Để mà phân biệt đó
Bồ Tát được như thế
Chẳng bao lâu chứng đắc
Sanh tử và Niết Bàn
Đều hoàn toàn bình đẳng
Được đại bi phương tiện
Khéo léo mà chẳng thấy
Có mở mang phương tiện

Này Đại Huệ nên biết
Nơi tất cả chúng sanh
Thảy đều là như huyễn
Chẳng do nhân duyên sanh
Lìa cảnh giới trong ngoài

Ngoài tâm không pháp khác
Lần nhập chỗ vô tưởng
Từ cảnh giới Tam Muội
Địa này đến địa kia
Phân biệt sâu quán xét

Rõ tam giới như huyễn
Đắc như huyễn Tam Muội
Siêu việt tự tâm hiện
Trụ nơi trí bát nhã
Lìa bỏ các phương tiện
Xa lìa kim cang dụ
Và pháp Tam Ma Đề
Liền vào thân Như Lai
Vào thần thông tự tại
Từ bi và phương tiện
Đầy đủ sức trang nghiêm
Vào tất cả cõi Phật
Và chỗ của ngoại đạo
Bình đẳng thảy Như như
Lìa tâm ý ý thức
Chuyển thân lần Bồ Tát
Đắc pháp thân Như Lai
Quy về vô sở đắc

Lại nữa này Đại Huệ
Muốn đắc thân Như Lai
Phải lìa ấm giới nhập
Và nhân duyên phương tiện
Thẳng quán xét vọng tưởng
Các tập khí hư dối
Từ vô thỉ đến nay
Sanh trụ diệt mê lầm
Phật địa vốn vô sanh
Tam giới chẳng thật có
Đến tự giác thánh trí
Tự tâm được tự tại
Đến chỗ hành vô hành
Như hạt châu ma ni
Tùy tâm lượng chúng sanh
Mà biến hóa hình tướng
Nên chư địa lần lượt
Được tương tục kiến lập
Cho nên này Đại Huệ
Việc tựu thành pháp thiện
Đều phải siêng tu học

HỎI VỀ TÁM THỨC NĂM PHÁP

Lúc bấy giờ Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
-Phật nói tâm ý ý thức
Tướng năm pháp tự tánh
Là tất cả chư Phật
Và Bồ Tát sở hành
Các cảnh giới sở duyên
Chẳng phải do hòa hợp
Pháp do tự tâm hiện
Thành ra tướng chơn thật
Nhất thiết Phật ngữ tâm
Là Phật thuyết cảnh giới
Tạng thức của pháp thân
Ở nơi trụ xứ của
Chư Bồ Tát tại núi
Ma La Da trong biển
Thuộc về nước Lăng Già

NHÂN DUYÊN TÁM THỨC CHUYỂN

Khi ấy Đức Thế Tôn
Bảo Đại Huệ lời rằng:
Do bốn nhân duyên mà
Nhãn thức bị lay chuyển
1. Tâm bất giác nhiếp thọ
2. Lỗi tập khí vô thỉ
3. Chấp trước tánh của thức
4. Muốn thấy đủ sắc tướng
Bốn thứ nhân duyên này
Từ dòng suối tạng thức
Sanh ra sóng chuyển thức

Như nhãn thức chuyển thì
Vi trần lỗ chân lông
Của các căn đều sanh
Các cảnh giới khác đều
Theo đó mà sanh khởi
Như gương sáng hiện tướng
Gió lớn thổi nước biển

Gió cảnh giới thổi tâm
Nổi lên làn sóng thức
Bởi vì tướng sở tác

Khác hay là chẳng khác
Do nghiệp duyên sanh tướng
Lại chấp trước sâu vào
Chẳng thể nào liễu tri
Tự tánh của các sắc
Nên cái thân năm thức
Theo đó mà lay chuyển
Lại nữa này Đại Huệ
Cái thân năm thức kia
Đều do cái biết của
Tướng phần đoạn sai biệt
Nên biết đó chính là
Cái thân của ý thức

Cái thân lay chuyển kia
Chẳng tự cho đã chuyển
Vì tâm hiện vọng tưởng
Chấp trước mà lay chuyển
Tướng hư vọng cùng chuyển
Do phần đoạn sai biệt
Phân biệt cảnh giới nên
Tạm gọi là lay chuyển

TÀNG THỨC LÀ BỜ MÉ CỨU KÍNH

Người tu nhập chánh định
Chuyển tập khí vi tế
Mà lại chẳng tự biết
Lại cho là thức diệt
Rồi mới nhập thiền định
Thực ra thức chẳng diệt
Mà nhập vào chánh định
Vì tập khí chẳng diệt
Nên cảnh giới lay chuyển
Mà thức không bị diệt
Chẳng vì không nhiếp thọ
Mà lại bị diệt vậy
Lại nữa này Đại Huệ
Cứu cánh của tạng thức
Vi tế như thế đó
Ngoài chư Phật Bồ Tát
Các Thanh Văn Duyên Giác
Ngoại đạo dù chứng đắc
Có trí huệ Tam Muội
Chẳng thể liễu tri được

HIỆN LƯỢNG TỰ TÂM LÌA VỌNG

Tướng trí huệ khéo léo
Năng phân biệt phán đoán
Khéo thẳng tiến vô biên
Thiện căn lại thuần thục
Lìa vọng tưởng hư dối
Tự tâm biến hiện ra
Tĩnh tọa trong núi rừng
Tiệm tu theo thứ lớp
Trải qua hạ trung thượng
Thấy vọng tưởng lưu chú
Được chư Phật quán đảnh
Sức tự tại thần thông
Biết các thiện tri thức
Là quyến thuộc Phật tử
Tâm ý ý thức kia
Chúng sanh nghiệp vô tri
Đọa vào biển sanh tử
Cảnh giới hư vọng ấy
Đều do tâm sở hiện
Các nhân duyên kể trên
Thảy đều đã siêu thoát
Cho nên này Đại Huệ
Những người khéo tu hành
Nên gần thiện trí thức

Khi ấy Đức Thế Tôn
Trùng tuyên mà kệ rằng:

— Kệ của của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Ví như sóng biển cả,
Là do gió thổi mạnh.
Sóng to vỗ biển rộng,
Chẳng có lúc ngừng nghỉ.
Biển Tạng thức thường trụ,
Gió cảnh giới lay động.
Mỗi mỗi sóng của Thức,
Ào ạt mà nổi dậy.

Các thứ màu sắc đẹp,
Các thứ đồ ăn ngon,
Các thứ hoa quả tốt,
Ánh sáng của nhựt nguyệt,
Hoặc khác hoặc chẳng khác,

Như biển nổi làn sóng.
Bảy thức cũng như thế,
Tâm cảnh hòa hợp sanh.

Như nước biển biến chuyển,
Nổi đủ thứ làn sóng.
Bảy thức cũng như thế,
Tâm cảnh hòa hợp sanh.
Nói chỗ Tạng thức kia,
Mỗi mỗi các thức chuyển.
Là do ý thức kia,
Suy nghĩ nghĩa các tướng.
Có tám tướng chẳng hoại,
Vô Tướng vốn vô Tướng.
Ví như làn sóng biển,
Nước biển chẳng sai biệt.
Thức tâm cũng như thế,
Chẳng thể có khác biệt.

Tâm gọi Tích tập nghiệp,
Ý gọi rộng Tích tập.
Thức do thức nhận biết,
Hiện cảnh nói có năm[1].

Đức Đại Huệ Bồ Tát
Dùng kệ hỏi Phật rằng:
- Những sắc tướng xanh đỏ,
Do các thức sanh khởi.
Nổi pháp như làn sóng,
Nghĩa ấy xin Phật thuyết.

Thế Tôn dùng kệ đáp:
- Những sắc tướng xanh đỏ,
Làn sóng vốn chẳng có.
Đều do tâm tích tập,
Phàm phu nếu khai ngộ,
Nghiệp kia vốn chẳng có,
Do tự tâm nghiếp thọ.
Lìa năng nhiếp, sở nhiếp,
Đồng như làn sóng kia,
Kiến lập thân thọ dụng,
Là hiện thức chúng sanh.
Nơi các nghiệp hiện kia,
Đều như làn sóng nước.

Đức Đại Huệ Bồ Tát

Lại dùng kệ hỏi rằng:
- Tánh làn sóng biển cả,
Ào ạt vẫn biết được.
Tạng cùng nghiệp cũng vậy,
Tại sao chẳng hiểu biết?

Thế Tôn dùng kệ đáp:
- Phàm phu chẳng trí huệ,
Tạng thức như biển cả.
Nghiệp tướng như làn sóng,
Theo đó dụ cho hiểu.

Đại Huệ dùng kệ hỏi:
- Mặt trời sáng soi khắp,
Chúng sanh thượng, trung, hạ.
Như Lai soi thế gian,
Khai thị lời chơn thật.
Tại sao chia nhiều thừa,
Thuyết pháp nói chẳng thật?

Khi ấy, Đức Thế Tôn
Bèn dùng kệ đáp rằng:
- Nếu nói lời chơn thật,
Tâm họ chẳng chơn thật.
Ví như làn sóng biển,
Như bóng gương, mộng huyễn.
Tất cả cùng lúc hiện,
Cảnh giới tâm cũng thế.
Nay cảnh giới chẳng đủ,
Là do nghiệp chuyển sanh,
Thức do thức nhận biết,
Ý do ý cho vậy.
Năm thức tùy cảnh hiện,
Chẳng thứ lớp nhất Định.
Ví như thợ vẽ khéo,
Và học trò thợ vẽ.
Bút màu vẽ hình tướng,
Thuyết ta cũng như thế.
Màu sắc vốn vô nghĩa,
Chẳng phải bút hay lụa.
Vì thỏa lòng chúng sanh,
Vẽ đủ thứ hình tướng.

Dùng lời nói khai thị,
Thật nghĩa lìa văn tự.
Phân biệt tiếp sơ cơ,

Tu hành đến chơn thật.
Chỗ chơn thật tự ngộ,
Lìa năng giác, sở giác.
Đây vì Phật tử nói,

Kẻ ngu vọng phân biệt.
Thế gian đều như huyễn,
Dù hiện chẳng chơn thật.
Thuyết pháp cũng như thế,
Tùy sự lập phương tiện.
Lương y trị bệnh nhân,
Tùy bệnh mà cho thuốc.
Thuyết pháp chẳng ứng cơ,
Nơi họ thành phi thuyết.
Tùy tâm lượng chúng sanh,
Như Lai ứng cơ thuyết.
Phi cảnh giới vọng tưởng,
Thanh Văn chẳng có phần.
Vì thương xót kẻ mê,
Thuyết cảnh giới tự giác.

– Hết trích–

BA TƯỚNG TỰ GIÁC THÁNH TRÍ

Lại nữa này Đại Huệ
Nếu Bồ Tát muốn biết
Hiện lượng của tự tâm
Nhiếp thọ kẻ nhiếp thọ
Với cảnh giới vọng tưởng
Lìa tập quán thế gian
Ngày đêm sáu thời thường
Tỉnh phương tiện tu hành
Lìa ngôn luận của người
Ác kiến các tướng thừa
Thanh Văn và Duyên Giác
Thông đạt tướng vọng tưởng
Của tự tâm biến hiện

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát lập trí huệ
Nơi ba tướng thánh trí
Nên phải siêng tu học

Ba tướng của thánh trí

Là Tướng vô sở hữu
Tướng Phật tự nguyện xứ
Tướng cứu cánh tự giác
Tu hành đến đây rồi
Phải xả bệnh của tâm
Bồ Tát đệ bát địa
Ấy là do quá trình
Tu tập ba tướng trên
Mà được quả ra thế
Lại nữa này Đại Huệ
Nói tướng vô sở hữu
Là theo cách tu tập
Thanh Văn và Duyên Giác
Ngoại đạo mà sanh khởi
Nói tướng tự nguyện xứ
Là nói chỗ chư Phật
Tự nguyện tu mà khởi
Nói cứu cánh tự giác
Tất cả pháp không chấp
Tiến hành đắc Tam Muội
Thân như huyễn của Phật
Thành tựu ba tướng này
Thì đến được cảnh giới
Của tự giác thánh trí
Ba tướng nên siêng tu

ĐẠI HUỆ HỎI TỰ TÁNH VỌNG TƯỞNG

Khi ấy ngài Đại Huệ
Biết tâm niệm của chúng
Đại Bồ Tát đang nghĩ
Đến tên kinh thánh trí
Phân biệt tâm tự tánh
Nương oai thần của Phật
Mà bạch với Phật rằng:
- Cúi xin Phật thuyết kinh
Thánh trí phân biệt tự tánh
Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác
Phân biệt nghĩa chuyên sâu
Một trăm lẻ tám câu
Theo đó thuyết Bồ Tát
Vào tự tướng cộng tướng
Của vọng tưởng tự tánh
Phân biệt thuyết tự tánh
Và vọng tưởng thì được
Khéo quan sát vô ngã

Tẩy sạch các vọng tưởng
Soi sáng chư địa quả
Siêu việt tất cả pháp
Thanh Văn và Duyên Giác
Thiền định của ngoại đạo
Biết khắp các cảnh giới
Sở hành của Như Lai
Lìa năm pháp tự tánh
Dùng phát thân trí huệ
Của chư Phật Như lai
Để khéo tự trang nghiêm
Khởi cảnh giới như huyễn
Lên Đâu Suất thiên cung
Sắc Cứu Cáng thiên cung
Trong tất cả cõi Phật
Cho đến được pháp thân
Thường trụ của Như Lai



PHÁ VỌNG CHẤP CÓ, KHÔNG

Phật lại bảo Đại Huệ:
-Có một thứ ngoại đạo
Khởi vọng tưởng chấp trước
Vào tà thuyết đoạn diệt
Xoá hết nhân giác tri
Cho tất cả hư vô
Như thỏ không có sừng
Tất cả pháp cũng thế
Ngoài ra có ngoại đạo
Căn cứ chỗ vi tế
Của pháp Đà la phiếu (chơn lý)
Chấp các pháp sai biệt
Sanh tà kiến như vậy
Cho không có sừng thỏ
Nghĩ phải có sừng trâu
Này Đại Huệ nên biết
Họ rơi vào tà kiến
Nhị kiến hữu và vô
Chẳng rõ cảnh giới tâm
Vọng chấp tự thêm bớt
Kiến lập thân thọ dụng
Tưởng căn cứ số lượng
Này Đại Huệ nên biết
Pháp tánh cũng như thế
Lìa hữu và lìa vô
Chẳng nên suy tưởng rằng
Thật có hay thật không
Lại nữa này Đại Huệ
Lìa hữu vô mà cho
Thỏ không sừng thật không
Trâu có sừng thật có
Đều gọi là tà tưởng
Này Đại Huệ nên biết
Trong cảnh giới thánh trí
Lìa nhị kiến đối đãi

Khi ấy ngài Đại Huệ
Bạch với Đức Phật rằng:
- Người chẳng vọng tưởng thấy
Tướng của vô sanh rồi
Suy nghĩ mà quán xét
Chẳng khởi sanh vọng tưởng
Gọi đó là vô ư?

Phật bảo ngài Đại Huệ:
- Quán xét chẳng sanh vọng
Chẳng thể gọi là vô
Vọng do chấp thật sanh
Như theo chấp thật có
Không sừng sanh ra vọng
Nếu chẳng chấp thật thì
Lìa hai tướng tương đối
Do quán hữu nên nói
Thỏ là không có sừng
Do quán vô nên nói
Trâu đúng là có sừng
Này Đại Huệ nên biết
Pháp tướng đối chẳng chánh
Hữu vô đều không thành
Nói thành tức là do
Chấp tương đối mà thành

Lại nữa này Đại Huệ
Lại còn có ngoại đạo
Chấp trước việc sắc không
Mà sanh khởi kiến chấp
Thực tế của hư không
Nói lìa sắc hư không
Sanh khởi chấp ngằn mé
Của tà thuyết vọng tưởng

Này Đại Huệ nên biết
Hư không vốn là sắc
Nó thuộc về sắc chủng
Sắc vốn là hư không
Do năng tri sở tri
Mà kiến lập tạo thành
Phân biệt tánh sắc không
Này Đại Huệ nên biết
Tứ đại chúng sanh khởi
Tự tướng có riêng biệt
Chẳng trụ nơi hư không
Không phải chẳng hư không

Như thế này Đại Huệ
Vì chấp pháp tướng đối
Quán trâu thật có sừng
Nên nói thỏ không sừng
Nếu đem sừng trâu phân
Thành những hạt vi trần

Phân cho đến cực vi
Sát na không sở trụ
Quán theo như thế nào
Mà nói là vô ư
Nếu quán vật khác thì
Pháp cũng lại như vậy

Thế Tôn bảo Đại Huệ
Lìa sừng thỏ sừng trâu
Sắc tướng và hư không
Thành kiến chấp vọng tưởng
Bồ Tát nên suy xét
Vọng tưởng do tâm hiện
Vào tất cả quốc độ
Dùng phương tiện tự tâm
Dạy bảo các chúng sanh

Thế tôn muốn trùng tuyên
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tất cả sắc và tâm,
Sanh khởi từ nơi không.
Thân thọ dụng kiến lập,
Tạng thức hiện chúng sanh.
Tâm, ý và ý thức,
Pháp tự tánh có năm(2)
Vô ngã có hai thứ(3),
Do Như Lai rộng thuyết.
Dài, ngắn, và có, không,
Lần lượt sanh lẫn nhau.
Vì Không lập nghĩa Có,
Vì Có lập nghĩa Không.
Nếu phân biệt vi trần,
Vọng sắc chẳng thể sanh.
Chỗ an lập tâm lượng,
Không nên có ác kiến
Phi cảnh giới giác tưởng,
Tưởng Thanh Văn cũng thế,
Cảnh giới của tự giác,
Cứu thế phương tiện thuyết.

— Hết trích —

DIỆT THỨC PHI ĐỐN PHI TIỆM

Khi ấy ngài Đại Huệ
Vì trừ sạch dòng suối
Ý thức do tâm hiện
Lại hỏi Như Lai rằng
- Làm sao trừ sạch dòng
Ý thức do tâm hiện
Của tất cả chúng sanh
Ấy là đốn hay tiệm

Phật trả lời Đại Huệ
- Phi tiệm và phi đốn
Cũng tiệm và cũng đốn
Nói tiệm là bởi vì
Như trái Yêm Ma La
Tiệm mà được chín muồi
Như đại địa trên trần
Tiệm mà sanh vạn vật
Nói đốn là bởi vì
Như gương sáng chiếu soi
Đốn hiện các sắc tướng
Như ánh sáng mặt trời
Đốn soi các sắc tướng
Như Lai trừ dòng suối
Ý thức do tâm hiện
Của tất cả chúng sanh
Cũng lại là như thế

BA PHẬT NÓI PHÁP

Lại nữa này Đại Huệ
Y Phật thuyết các pháp
Tự tướng và cộng tướng
Tập khí do tâm hiện
Vọng tưởng tương tục do
Tâm so sánh chấp trước
Đều không thật như huyễn
Chấp trước bất khả đắc

Lại nữa này Đại Huệ
Chấp trước nơi duyên khởi
Sanh khởi tướng vọng tưởng
Này Đại Huệ nên biết
Như là nhà ảo thuật
Nương cỏ cây ngói đá

Làm ra đủ thứ cảnh
Sanh khởi nhiều hình sắc
Sanh khởi đủ vọng tưởng
Vốn chẳng là chơn thật

Như thế này Đại Huệ
Y theo tánh duyên khởi
Sanh khởi các vọng tưởng
Y vọng tưởng hình thành
Các sự vật hiện hành
Là Y Phật thuyết pháp

Lại nữa này Đại Huệ
Nói Hóa Phật chính là
Bố thí và trì giới
Nhẫn nhục và tinh tấn
Thiền định và trí huệ
Lìa ấm giới nhập giải thoát
Các thức tướng phân biệt
Do quán xét kiến lập
Vượt kiến chấp ngoại đạo
Kiến chấp cõi vô sắc

Lại nữa này Đại Huệ
Nói Pháp Phật chính là
Xa lìa các phan duyên
Lìa tất cả sở tác
Tướng căn và số lượng
Thảy đều bị diệt hết
Chẳng phải tướng ngã chấp
Cảnh giới của phàm phu
Thanh Văn và Duyên Giác
Hàng tà sư ngoại đạo
Tướng cứu cánh sai biệt
Của tự giác thánh trí
Kiến lập mà tạo thành
Nên phải siêng tu học
Tướng cứu cánh thánh trí
Còn kiến chấp do tâm
Cần phải nên diệt trừ

NHỊ THỪA TỰ GIÁC THÁNH TRÍ

Lại nữa này Đại Huệ
Có hai tướng phân biệt
Thông với thừa Thanh Văn

1. Ấy là chấp tướng đắc
Tự giác thánh sai biệt
2. Tướng so sánh chấp trước
Tánh vọng tưởng của tánh

Thế nào là tánh đắc
Tự giác thánh sai biệt
Là cảnh giới chơn đế
Vô thường khổ không vô ngã
Xa lìa dục tịch diệt
Dứt trừ ấm giới nhập
Cộng tướng bất hoại tướng
Biết tâm được tịch lặng
Tâm tịch lặng xong rồi
Được thiền định giải thoát
Nhưng chánh thọ giải thoát
Không lìa tập khí dịch
Sanh tử bất tư nghì
Đắc quả tự giác thánh
Ham trụ thừa Thanh Văn

Lại nữa này Đại Huệ
Ham trụ đắc tự giác
Của hàng đại Bồ Tát
Chẳng ham pháp môn diệt
Và ham theo chánh định
Vì thương xót chúng sanh
Và theo đúng bản nguyện
Mà không muốn thủ chứng
Thế chẳng nên tu học

Lại nữa này Đại Huệ
Tướng so sánh chấp trước
Vọng tưởng của tự tánh
Ấy chính là đại chủng
Xanh vàng đỏ và trắng
Địa thủy hỏa và phong
Chẳng do tạo tác mà
Sanh tự tướng cộng tướng
Phương tiện của Phật thuyết
Bồ Tát đối pháp ấy
Thì biết nên xả bỏ
Liền nhập pháp vô ngã
Diệt nhơn vô ngã tướng
Lần lượt đến các địa

THÁNH TRÍ THƯỜNG BẤT TƯ NGHÌ

Đại Huệ bạch Phật rằng:
-Cảnh thường bất tư nghì
Của đệ nhất thánh trí
Cảnh giới đệ nhất nghĩa
Chẳng phải những ngoại đạo
Sở thuyết nhân duyên thường
Bất tư nghì hay sao?

Phật bảo Đại Huệ rằng:
-Chẳng phải nhân duyên đắc
Thường bất nghì ngoại đạo
Thường bất nghì ngoại đạo
Chẳng do tự tướng thành
Nếu thường bất tư nghì
Chẳng do tự tướng thành
Thì cớ sao hiển hiện
Tướng thường bất tư nghì?
Lại nữa này Đại Huệ
Bất tư nghì nếu do
Tự tướng mà hiện thành
Thì ắt là pháp thường
Nếu do người làm ra
Chẳng thường bất tư nghì
Vì do người mới có
Chẳng phải thường có vậy

Lại nữa này Đại Huệ
Ta nói đệ nhất nghĩa
Là thường bất tư nghì
Nhân thành đệ nhất nghĩa
Là lìa tánh phi tánh
Nên đắc tướng tự giác
Mà lại là vô tướng
Nhân đệ nhất nghĩa trí
Vì có cái bản nhân
Xa lìa tánh phi tánh
Như hư không vô tác
Niết bàn tự tận diệt
Chính pháp ấy tự thường
Chẳng do tạo thành thường
Như thế chẳng đồng với
Định luận thường ngoại đạo

Này Đại Huệ nên biết
Thường bất tư nghì này
Do Như Lai chứng đắc
Từ tự giác thánh trí
Nên cần phải tu học

Lại nữa này Đại Huệ
Pháp thường bất tư nghì
Của ngoại đạo không thường
Vì có nhân tướng khác
Chẳng phải do tự thành
Lại nữa này Đại Huệ
Pháp thường bất tư nghì
Của ngoại đạo sở tác
Tánh phi tánh vô thường
Vọng tự cho là thường

Lại nữa này Đại Huệ
Pháp của ta cũng dùng
Nhân duyên như thế đó
Vì tánh vốn phi tánh
Nên chẳng lập sở tác
Và chẳng có thường kiến
Nơi cảnh giới thánh trí
Nói thường tự vô nhân
(Chẳng có sự bắt đầu)
Đại Huệ ông nên biết
Ngoại đạo lập nhân tướng
Thành thường bất tư nghì
Lập nhân của tự tướng
Và nói tánh phi tánh
Thì đồng như sừng thỏ
Vì pháp thường của họ
Chỉ ngôn thuyết vọng tưởng
Ngoại đạo lỗi như thế
Chỉ có ngôn thuyết vọng
Đồng như là sừng thỏ
Chẳng phải chính bởi vì
Tự tướng sẵn đầy đủ

Lại nữa này Đại Huệ
Pháp thường của ta do
Tướng tự giác chứng đắc
Xa lìa các sở tác
Tánh nó vốn phi tánh
Nên bản chất là thường

Chẳng ngoài tánh phi tánh
Suy nghĩ pháp vô thường
Mà cho đó là thường
Như thuyết bất tư nghì
Của tà sư ngoại đạo
Vì họ chẳng hề biết
Tướng của tự nhân thường
Vốn tự sẵn đầy đủ
Nên xa cách với tướng
Cảnh giới đắc thánh trí
Họ chẳng nên thuyết thế

NIẾT BÀN CỦA NHỊ THỪA

Lại nữa này Đại Huệ
Các Thanh Văn sợ khổ
Của vọng tưởng sanh tử
Cầu tịch diệt Niết Bàn
Chẳng biết tánh sai biệt
Sanh tử và Niết Bàn
Là vọng tưởng phi tánh
Do các căn thôi nghỉ
Cho đó là Niết Bàn
Chẳng phải chuyển tạng thức
Thành tự giác thánh trí

Nên Phật nói Tam Thừa
Nói tâm lượng không thật
Họ chẳng biết cảnh giới
Tự tâm hiện của Phật
Quá khứ hiện vị lai
Mà so sánh chấp trước
Cảnh giới ngoài tâm hiện
Nên trầm luân sanh tử

Lại nữa này Đại Huệ
Tất cả pháp vô sanh
Cảnh tự giác thánh trí
Tất cả tướng tự tánh
Của các pháp vô sanh
Chẳng phải hai cảnh giới
Tưởng nhị kiến phàm phu
Kiến lập tướng tự tánh
Của sắc thân và tài
Này nữa này Đại Huệ
Chuyển cái tướng năng nhiếp

Sở nhiếp của tạng thức
Mà phàm phu đọa vào
Nhị kiến sanh trụ diệt
Thấy mọi tánh có sanh
Sanh ra những vọng tưởng
Hữu với lại phi hữu
Chẳng phải thánh hiền vậy

NĂM LOẠI CHÚNG SANH

Lại nữa này Đại Huệ
Có năm loại vô gián
1. Thanh Văn thừa vô gián
2. Duyên Giác thừa vô gián
3. Như Lai thừa vô gián
4. Bất định chủng tánh
5. Các biệt chủng tánh (ngoại đạo chủng tánh)

Thế nào được gọi là
Thanh Văn thừa vô gián
Nếu có người nghe nói
Ấm giới nhập cộng tướng
Lúc ấy lỗ chân lông
Toàn thân thấy nhẹ nhàng
Ham tu theo trí tướng
Chẳng tu tướng duyên khởi
Dứt tập khí phiền não
Nhưng chẳng đoạn hoàn toàn
Chẳng độ bất tư nghì
Của biến dịch sanh tử
Chỉ độ phần sanh tử
Cho sanh tử đã hết
Phạm hạnh đã thành lập
Sau này chẳng thọ sanh
Biết tu tập nhân vô ngã
Đắc Niết Bàn Thanh Văn

Lại nữa này Đại Huệ
Thế nào được gọi là
Duyên Giác thừa vô gián
Nếu có người nghe nói
Sai biệt nhân vô gián
Toàn thân lông dựng lên
Mắt đổ lệ dầm dề
Chẳng phải mười hai nhân duyên
Thì cảm thấy không thích

Tự thân đầy thần thông
Hoặc lìa hoặc khế hợp
Đủ các thứ biến hoá
Lúc nghe thuyết pháp này
Tâm liền được ngộ nhập
Tuỳ thuận căn tánh họ
Mà vì họ thuyết pháp

Lại nữa này Đại Huệ
Như Lai thừa vô gián
Được phân ra bốn thứ
1. Tự tánh pháp vô gián
2. Lìa tự tánh vô gián
3. Đắc tự giác vô gián
4. Ngoài quốc độ vô gián
Đại Huệ ông nên biết
Người nghe bốn việc này
Lúc nghe thuyết cảnh giới
Bất tư nghì thân tài
(tức là ngã ngã sở)
Lập do tự tâm hiện
Tâm chẳng bị kinh sợ

Lại nữa này Đại Huệ
Bất định chủng tánh là
Khi người nghe thuyết về
Ba chủng tánh kể trên
Lúc nghe chủng tánh nào
Thì ngộ chủng tánh nấy
Theo tu mà thành tựu
Nghe thuyết thừa Thanh Văn
Thì thành chủng Thanh Văn
Nghe thuyết thừa Duyên Giác
Thì thành chủng Duyên Giác
Nghe thuyết thừa Như Lai
Thì thành chủng Như Lai

Nay nữa này Đại Huệ
Các biệt vô gián là:
Chúng sanh chấp tà kiến
Ngã nhơn chúng sanh thọ mạng
Mà cầu chứng Niết Bàn
Lại nghe thuyết ngoại đạo
Cho tánh có kẻ tác
Nói đó là Niết Bàn
Cho đó là giác ngộ

Với vô ngã không màng
Nên không thể giải thoát
Người tu Thanh Văn thừa
Mà thuộc về ngoại đạo
Chẳng ra khỏi luân hồi
Mà tự cho đã xuất

Lại nữa này Đại Huệ
Người đắc sơ trị địa[4]
Nói kiến lập chủng tánh
Vì muốn siêu nhập vào
Quả vô sở hữu địa
Nên có kiến lập này
Người tự tu tự giác
Dứt tập khí phiền não
Thấy được pháp vô ngã
Đắc Tam Muội Thanh Văn
Năm thứ chủng tánh kia
Cuối cùng sẽ chứng đắc
Pháp thân của Như Lai

Khi ấy Phật trùng tuyên
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tu Đà Hoàn Nhập Lưu,
Tư Đà Hàm Vãng Lai.
A Na Hàm Bất Hoàn,
Đến quả A La Hán.
Gọi là thừa Thanh Văn.
Tam thừa và Nhất thừa,
Phi thừa đúng ta thuyết.
Phàm phu kém trí huệ.
Chư Thánh xa lìa tịch.
Pháp môn Đệ Nhất Nghĩa,
Xa lìa giáo Nhị thừa,
Trụ nơi vô sở hữu.
Sao lại lập Tam thừa.
Chư thiền pháp vô lượng,
Vô sắc Tam Ma Đề,
Thọ tưởng thảy tịch diệt.
Cũng chẳng có tâm lượng.

— Hết trích —



NHẤT XIỂN ĐỀ

Lại nữa này Đại Huệ
Ta nói nhất xiển đề
Chẳng phải nhất xiển đề
Nếu nhất xiển đề thật
Thì ai chuyển được ai
Thế gian sao giải thoát
Lại nữa này Đại Huệ
Có hai nhất xiển đề
1. Xả bỏ mọi thiện căn
Xả bỏ mọi phát nguyện
Chúng sanh từ vô thỉ
Thế nào là xả bỏ
Hết tất cả thiện căn
Ấy là vì phỉ báng
Bồ Tát tạng mà nói
Chẳng phải tuỳ thuận theo
Kinh luật mà giải thoát
Vì xả bỏ thiện căn
Chẳng thể chứng Niết Bàn
2. Bồ Tát vì độ sanh
Được chứng vào Niết Bàn
Có bản nguyện phương tiện
Tự chẳng chứng Niết Bàn
Lại nữa này Đại Huệ
Pháp Niết Bàn kia là
Pháp tướng chẳng Niết Bàn

Đại Huệ bạch Phật rằng:
- Tại sao lại nhất định
Chẳng thủ chứng Niết Bàn
Phật bảo ngài Đại Huệ
- Bồ Tát nhất xiển đề
Biết tất cả các pháp
Vốn đã là Niết Bàn
Chẳng cầu chứng Niết Bàn
Mà chẳng phải xả bỏ
Tất cả các thiện căn
Thành nhất xiển đề vậy

Lại nữa này Đại Huệ
Người là nhất xiển đề
Xả bỏ các thiện căn
Nhờ thần lực Như Lai
Tái phát lại thiện căn

Vì Như Lai chẳng thể
Xả bỏ các chúng sanh
Do đó cho nên nói
Bồ Tát nhất xiển đề
Chẳng thủ chứng Niết Bàn



BA TỰ TÁNH

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát phải thấu hiểu
Cả ba thứ tự tánh
1. Vọng tưởng tự tánh
2. Nhân duyên tự tánh
3. Thành tựu tự tánh
Vọng tưởng tự tánh là
Do chấp trước tướng sanh

Đại Huệ hỏi Phật rằng:
- Sao vọng tưởng tự tánh
Do chấp trước tướng sanh
Phật bảo ngài Đại Huệ:
- Tướng duyên khởi tự tánh
Tướng hành bày tướng sự
Tướng so đo chấp trước
Thành hai tướng tự tánh
Do Như Lai phương tiện
Kiến lập mà gọi là
Danh tướng chấp trước tướng
Sự tướng chấp trước tướng
Nói danh tướng chấp trước là
Chấp trước pháp trong ngoài
Nói sự tướng chấp trước là
Theo việc trong và ngoài
Của tự tướng cộng tướng
Sanh khởi chấp trước thế
Đó là tướng của hai
Thứ vọng tưởng tự tánh
Nương theo nhân duyên sanh
Gọi duyên khởi tự tánh

Sao thành tựu tự tánh?
Ấy là lìa vọng tưởng
Của danh tướng tự tướng
Là cảnh giới sở hành
Của tự giác thánh trí
Do thánh trí chứng đắc
Là thành tựu tự tánh
Hoặc tâm Như Lai tạng

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó

Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Danh tướng và phân biệt,
Với hai thứ tự tánh.
Chánh trí và Như như,
Thành tựu năm pháp tướng.

– Hết trích –

Lại nữa này Đại Huệ
Ấy gọi là quán sát
Ngũ pháp tự tánh tướng
Cảnh giới sở hành là
Ý thú tự giác chánh trí
Bồ Tát cần tu học



HAI VÔ NGÃ

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát nên khéo quán
Hai thứ tướng vô ngã
Một là nhơn vô ngã
Hai là pháp vô ngã

Thế nào nhơn vô ngã
Lìa ngã và ngã sở
Là xa lìa tụ duyên
Của ấm giới và nhập
Lìa sự sanh khởi của
Vô minh và nghiệp ái
Căn nhiếp thọ với trần
Mà sanh ra lục thức
Chấp trước ấy phải lìa
Vì tất cả căn thân
Khí giới tự tâm hiện
Tướng của tự vọng tưởng
Như dòng nước chủng tử
Như đèn gió như mây
Sát na lần lượt hoại
Thô động như khỉ vượn
Ưa bất tịnh như ruồi
Không biết đủ như gió
Nhân tập khí hư nguỵ
Từ vô thỉ đến nay
Như bánh xe đạp nước
Đủ các thứ thân sắc
Luân hồi trong lục đạo
Như huyễn thuật thần chú
Tuỳ cơ phát trí huệ
Khéo biết tất cả tướng
Đều chẳng là chân thật
Phá được nhân ngã chấp
Ấy gọi nhơn vô ngã

Thế nào pháp vô ngã
Ấm giới nhập vọng tưởng
Xa lìa tướng tự tánh
Lìa ngã và ngã sở
Ấm giới nhập tích tụ
Do dây trói nghiệp ái
Lần lượt duyên nhau khởi

Thật tướng không lay động
Các pháp cũng như thế
Xa lìa tướng vọng tưởng
Tự cộng tướng chẳng thật
Là do sức vọng tưởng
Của phàm phu sanh ra
Chẳng phải của thánh hiền
Vì tự tánh lìa tâm
Ý, ý thức năm pháp

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát khéo quán xét
Tất cả pháp vô ngã
Khéo tu pháp vô ngã
Sẽ chứng đắc sơ địa
Quán địa vô sở hữu
Quán mở mang giác huệ
Tiến đến hoan hỷ địa
Lần lượt tu tiến lên
Siêu việt tướng cửu đia
Chứng đắc pháp văn địa
Ngay đó liền biến lập
Vô lượng bửu trang nghiêm
Ngồi đại bửu liên hoa
Trong đại bửu cung điện
Đồng loại như tướng vua
Có quyến thuộc Bồ Tát
Từ cõi Phật vây quanh
Được tay Phật quán đảnh
Giống như sự quán đảnh
Thái tử chuyển luân vương
Từ phàm phu tu tập
Sanh khỏi cảnh duyên huyễn
Tới địa siêu Phật tử
Cho đến giác thành trí
Được pháp thân Như Lai
Hiện bày pháp vô ngã
Ấy gọi pháp vô ngã
Bồ Tát nên tu học

LÌA KIẾN LẬP VÀ PHỦ ĐỊNH

Lúc bấy giờ Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
-Thế Tôn! Cúi xin Phật

Khởi tâm bi thuyết pháp
Kiến lập và phủ định
Khiến con và Bồ Tát
Lìa kiến lập phủ định
Chóng chứng đắc Bồ Đề
Vô thượng Chánh Đẳng Giác
Đức Thế Tôn hứa khả
Thỉnh cầu của Đại Huệ
Mà tuyên thuyết kệ rằng:

– *Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực* –

Kiến lập và phủ định,
Vốn chẳng có tâm lượng.
Thân thọ dụng kiến lập,
Tâm phàm chẳng thể biết.
Ngu si chẳng trí huệ,
Chấp kiến lập phủ định.

– *Hết trích* –

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn hiển bày nghĩa này
Mà bảo Đại Huệ rằng
Có bốn thứ phi hữu
Mà lại có kiến lập
1. Phi hữu tướng kiến lập
2. Phi hữu kiến kiến lập
3. Phi hữu nhân kiến lập
4. Phi hữu tánh kiến lập
Còn phủ định nghĩa là
Ở nơi sở lập kia
Vốn thật vô sở đắc
Vì quán sát sai lầm
Mà khởi tâm phủ định

Lại nữa này Đại Huệ
Thế nào mà gọi là
Phi hữu tướng kiến lập
Tự tướng ấm giới nhập
Vốn thật là phi hữu
Mà khởi tâm chấp trước
Cho thế này thế kia
Lỗi vọng tưởng hư nguy
Từ vô thỉ tới nay
Do tập khí kiến chấp

Mà phát khởi sanh ra

Lại nữa này Đại Huệ
Kiến chấp ấm giới nhập
Ngã nhơn chúng sanh thọ mạng
Nuôi dưỡng các thiện căn
Sĩ phu kẻ thọ nhận
Như thế được gọi là
Phi hữu kiến kiến lập

Lại nữa này Đại Huệ
Phi hữu nhân kiến lập
Khi ý thức sơ khởi
Chẳng từ nhân sanh ra
Lúc trước vốn vô sanh
Sau mới như huyễn sanh
Vốn không vật làm nhân
Như nhãn thức là do
Vọng tưởng của sắc không
Sáng tối mà sanh thức
Thức sanh rồi liền diệt

Lại nữa này Đại Huệ
Phi hữu tánh kiến lập
Tự tánh pháp vô vi
Hư không và Niết Bàn
Trí huệ đắc pháp diệt
Vốn chẳng có tự tánh
Như lông rùa sừng thỏ
Lìa có không mà hiện

Kiến lập và phủ định
Vọng tưởng của phàm phu
Do chẳng khéo quán sát
Biết tự tâm hiện lượng
Nên rơi vào sai lầm
Chẳng phải chỗ thánh hiền
Bồ Tát nên siêng tu
Lìa hai thứ ác kiến
Kiến lập và phủ định

BỒ TÁT THỊ HIỆN ĐỦ THỨ THÂN

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát phải khéo biết
Tâm ý và ý thức

Năm pháp của tự tánh
Hai thứ tướng vô ngã
Vì yên ổn chúng sanh
Nên tiến đến cứu cánh
Như hạt châu như ý
Hiện ra đủ sắc tướng
Do nhân duyên vọng tưởng
Phân biệt mà sanh khởi
Đại chúng nơi pháp hội
Nghe Phật thuyết pháp huyễn
Như ánh sáng bóng trăng
Pháp ấy lìa sanh diệt
Lìa Thanh Văn Duyên Giác
Được trăm ngàn Tam Muội
Khi đắc Tam Muội xong
Dạo khắp các cõi Phật
Cúng dường các Như Lai
Lên các cõi thiên cung
Hoằng dương pháp Tam Bảo
Thị hiện ra thân Phật
Có đại chúng Thanh Văn
Và Bồ Tát bao quanh
Dùng tự tâm hiện lượng
Để độ thoát chúng sanh
Phân biệt mà diễn thuyết
Vượt ngoài tánh vô tánh
Khiến thảy đều xa lìa
Kiến chấp có và không
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Phật tử khéo quán sát,
Thế pháp do tâm tạo.
Thị hiện đủ thứ thân,
Sức thần thông tự tại.
Tất cả đều thành tựu,
Sở tác vô chướng ngại.

— Hết trích —

PHÁP TÁNH KHÔNG, VÔ SANH BẤT NHỊ

Khi ấy ngài Đại Huệ
Chắp tay bạch Phật rằng:
-Cúi xin Đức Thế Tôn
Vì chúng con giải thuyết
Tất cả pháp tánh không
Lìa tự tánh vô sanh
Bản lai vốn bất nhị
Khiến đại chúng chúng con
Thanh Văn và Bồ Tát
Lìa hai thứ vọng tưởng
Nhị kiến có và không
Hiểu vô sanh bất nhị
Và lìa tướng tự tánh

-Lại nữa này Đại Huệ
Có bảy thứ không là:
1. tướng không
2. tánh tự tánh không
3. hành không
4. vô hành không
5. lìa ngôn thuyết không
6. đệ nhất nghĩa không
7. bỉ bỉ không

Thế nào là tướng không
Là tự tướng cộng tướng
Của tất cả pháp không
Bởi vì tướng tự tha
Và cộng chẳng thế sanh
Do vọng tưởng đối đãi
Tích tụ mà thành có
Nếu quán sát phân tích
Cứu cánh là vô tánh
Vô tánh nên chẳng trụ
Tất cả tánh tướng không

Tánh tự tánh không là
Tự tánh của chính mình
Bản chất vốn vô sanh
Tánh tự tánh các pháp
Bản chất vốn là không

Thế nào là hành không
Là hành ấm lìa ngã

Và xa lìa ngã sở
Do tác nghiệp sở thành
Từ nhân duyên hòa hợp

Thế nào vô hành không
Duyên nhau sanh khởi theo
Hành không như thế này
Tự tánh vốn vô tánh

Thế nào tất cả pháp
Xa lìa ngôn thuyết không
Vì vọng tưởng tự tánh
Vốn chẳng có ngôn thuyết
Nên tất cả các pháp
Xa lìa các ngôn thuyết

Đệ nhất nghĩa không là
Đắc tự giác thánh trí
Thì tất cả kiến chấp
Và tập khí đều không

Thế nào bỉ bỉ không
Nơi kia chẳng không kia
Này Đại Huệ nên biết
Như mẹ của Lộc Tử
Nữ cư sĩ Tỳ Xá
Vì xây dựng tịnh xá
Cho đại chúng tỳ kheo
Chẳng nuôi voi ngựa trâu
Nay lại nói bỉ không
Chẳng phải là nơi kia
Không có chúng tỳ kheo
Cũng chẳng phải tịnh xá
Trống rỗng không có gì
Tỳ kheo chẳng tánh không
Cũng chẳng phải chỗ khác
Không có voi ngựa trâu
Tự tướng của các pháp
Nơi kia chẳng có kia
Bỉ bỉ không rất thô
Ông nên phải xa lìa

TƯỚNG VÔ SANH

Lại nữa này Đại Huệ
Ta nói chẳng tự sanh

Chẳng phải là không sanh
Trừ trụ chánh định ra
Gọi chính là vô sanh
Nghĩa là lìa tự tánh
Tức là tướng vô sanh
Sự lưu chú tương tục
Từng sát na vốn thường
Lìa tự tánh dị thục
Hiện ra tất cả tánh
Đều xa lìa tự tánh

TƯỚNG BẤT NHỊ

Sao nói là bất nhị
Vì tất cả các pháp
Như âm dương dài ngắn
Trắng đen đều là nhị
Vì các tướng làm nhân
Với nhau nên mới có
Chẳng phải ngoài Niết Bàn
Mà lại có sanh tử
Chẳng phải ngoài sanh tử
Mà lại có Niết Bàn
Sanh tử và Niết Bàn
Chẳng có tướng trái nhau
Tất cả pháp cũng thế
Nên gọi là bất nhị
Pháp vô sanh bất nhị
Pháp lìa tướng tự tánh
Cần phải nên tu học
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Ta thường nói pháp Không,
Xa lìa nơi đoạn thường.
Sanh tử như mộng huyễn,
Mà nghiệp tánh chẳng hoại.
Hư không và Niết Bàn,
Tịch diệt cũng như thế.
Phàm phu chấp vọng tưởng,
Bậc Thánh lìa hữu vô.

– Hết trích –

Khi ấy Đức Thế Tôn
Lại bảo Đại Huệ rằng:
-Này Đại Huệ nên biết
Pháp không và vô sanh
Pháp chân thường bất nhị
Pháp xa lìa tự tánh
Đều có trong kinh giáo
Tất cả các kinh điển
Đều diễn thuyết nghĩa này
Tuỳ thuận tâm hy vọng
Của tất cả chúng sanh
Mà phương tiện phân biệt
Diễn thuyết để hiển bày
Nghĩa lý vượt ngôn thuyết
Như bầy nai khát nước
Mê đuổi theo ảo ảnh
Cho đó là nguồn nước
Nhưng ảo ảnh hư vọng
Lời Phật thuyết trong kinh
Cũng lại như thế đó
Vì muốn khiến phàm phu
Phát tâm tư hoan hỷ
Tinh tấn mà tu hành
Chẳng phải có thánh trí
Thật ở nơi ngôn thuyết
Nên phải nương theo nghĩa
Chớ chấp vào ngôn thuyết



PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN HAI
NHƯ LAI TẠNG KHÁC CHƠN NGÃ NGOẠI ĐẠO

Ngài Đại Huệ chắp tay bạch Phật:
-Đức Thế Tôn! Pháp thuyết trong kinh
Như Lai tự tánh trong lành
Thường trụ chẳng đoạn vốn không biến hình
Ở nơi thân chúng sinh đầy đủ
Gồm ba mươi hai thứ tướng hay
Bị ấm giới nhập làm dơ
Tham sân si nhiễm che mờ bản tâm
Như ngọc lành ẩn trong áo bẩn
Hàng tà sư thường giảng luận rằng
Chơn ngã tác giả thường hằng
Lìa nơi y chỉ vô sanh sống đời
Như Lai tạng theo lời Phật thuyết(40)
Há chẳng đồng với thuyết tà sư
Chơn ngã ngoại đạo giống như
Thuyết Như Lai tạng bổn sư cũng đồng?

Phật liền bảo thượng nhân Đại Huệ
-Pháp của Ta chẳng thể đổ đồng
Tà sư ngoại đạo lông bông
Như Lai tạng, chơn ngã không tướng đồng
Ta có lúc nói không vô tướng
Như thật hằng pháp tánh Niết Bàn
Lìa tánh bất diệt bất sanh
Bổn lai tịch tịnh pháp thân chân thường
Dùng những danh từ này để thuyết
Ấy là vì ta biết phàm phu
E sợ vô ngã chân như
Nên nói cảnh giới vọng hư xa lìa
Vô sở hữu là Như Lai tạng

Bậc thánh tăng chẳng đặng nghi nan
Ví như thợ gốm tài năng
Nơi một đống đất dụng công để làm
Từ nước cây bánh lăn xảo thiện
Mà làm thành phương tiện đồ dùng
Thì Đức Phật cũng tương đồng
Vô ngã lìa vọng huệ năng khéo bày
Như Lai tạng nói lời vô ngã
Vì khai thông chấp ngã tà sư
Thuyết Như Lai tạng chân như
Khiến họ lìa vọng diệt trừ tâm mê

Bỏ ngã kiến lê thê chẳng thật
Mà nhập vào cảnh Phật thoát nàn
Giải thoát ba cửa trầm luân
Chứng đạo vô thượng Thế Tôn Bồ Đề
Như Lai tạng khác mê ngoại đạo
Bậc thánh tăng hiểu thấu điều này
Y Như Lai tạng mà cầu
Vô thượng chánh đẳng pháp mầu Như Lai
Khi ấy thời trùng tuyên nghĩa đấy
Đức Thế Tôn nói kệ lời rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Thanh Từ–

Ngã ấm và tương tục,
Nhân khác như vi trần.
Thánh Diệu, Tự Tại tạo,
Tâm lượng vọng phân biệt

– Hết trích –

BỐN PHÁP TU HÀNH

Khi ấy thời thượng nhân Đại Huệ
Vì chúng sanh thỉnh Thế Tôn rằng:
- Cúi xin Đức Phật rộng tuyên
Về đại phương tiện tu hành thường xuyên
Mà Bồ Tát phải liền tinh tấn
Đức Thế Tôn từ mẫn dạy rằng:
-Đại phương tiện phép tu hành
Các Bồ Tát phải tựu thành như sau

Phương pháp đó trước sau có bốn
1. khéo phân biệt tự tâm hiện
2. quán ngoài tánh phi tánh
3. lìa kiến chấp sanh trụ diệt
4. đắc chứng sự an lạc
của tự giác thánh trí

Thế nào là tu hành
Khéo phân biệt tự tâm
Của bậc đại Bồ Tát
Ấy là quán tam giới
Đều do tâm biến hiện
Lìa ngã và ngã sở
Chẳng lay động khứ lai
Biết tập khí hư nguy

Huân tập từ vô thỉ
Mà kiến lập thân tài
Tuỳ theo vọng tưởng hiện
Đủ các thứ sắc hành
Đầy tràn trong Tam giới

Quán ngoài tánh phi tánh
Quán tự tánh các pháp
Do vọng tưởng tập khí
Hư nguỵ từ vô thỉ
Làm nhân mà tạo thành
Tất cả tánh đều giống
Như ảo ảnh mộng huyễn

Lìa chấp sanh trụ diệt
Nói tất cả các pháp
Đều như là mộng huyễn
Tự tánh và tha tánh
Cộng tánh vốn chẳng sanh
Liền được vào cảnh giới
Vô sanh của tự tâm
Liễu tri ngằn mé tâm
Quay về vô sở đắc
Chẳng lìa mà tự lìa
Quán ngoài tánh phi tánh
Các pháp nơi Tam giới
Trong ngoài bất khả đắc
Pháp sanh lìa tự tánh
Chấp pháp sanh liền diệt
Biết tự tánh các pháp
Đều vốn là như huyễn
Chứng vô sanh pháp nhẫn
Lìa chấp sanh trụ diệt

AN LẠC THÁNH TRÍ

Thế nào là Bồ Tát
Đắc chứng sự an lạc
Của Tự giác thánh trí
Đắc vô sanh pháp nhẫn
Trụ nơi đệ bát địa
Lìa tâm ý ý thức
Năm pháp ba tự tánh
Và hai tướng vô ngã
Chứng đắc ý sanh thân

Đại Huệ Bồ Tát hỏi
-Thế nào ý sanh thân
Phật bảo Đại Huệ rằng
-Ví như sự nhanh chóng
Ý đi qua vách đá
Không hề bị ngăn ngại
Cho đến các khoảng cách
Vô lượng ở phương xa
Trước kia ý đã thấy
Thì ghi nhớ chẳng quên
Tự tâm lưu không dứt
Ý sanh thân cũng thế
Nên chẳng bị chướng ngại
Này Đại Huệ nên biết
Ý và thân như thế
Được sanh cùng một lúc
Ý sanh thân Bồ Tát
Thánh chủng diệu trang nghiêm
Do như huyễn Tam Muội
Sức thần thông tự tại
Trong một lúc cùng sanh
Cũng như ý khởi sanh
Chẳng hề có chướng ngại
Tuỳ thuộc theo cảnh giới
Của bổn nguyện ghi nhớ
Mà thành tựu chúng sanh
Chứng đắc sự an lạc
Của tự giác thánh trí
Như thế đại Bồ Tát
Đắc vô sanh pháp nhẫn
Trụ vào đệ bát địa
Xả tâm ý ý thức
Năm pháp ba tự tánh
Và hai tướng vô ngã
Chứng đắc ý sanh thân

Bồ Tát nên tu học
Để thành tựu bốn pháp
Đại phương tiện tu hành
Chứng tự giác thánh trí



NHƯ LAI TẠNG LÌA CÁC NHÂN DUYÊN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch Thế Tôn rằng
-Cúi xin Phật diễn thuyết
Tướng nhân duyên các pháp
Do giác tướng nhân duyên
Khiến con chư Bồ Tát
Xa lìa tất cả tánh
Của vọng kiến hữu vô
Chẳng vọng chấp các pháp
Tiệm sanh hoặc đốn sanh
Hoặc tiệm đốn cộng sanh

Phật lại bảo Đại Huệ
-Pháp có hai duyên tướng
Ngoại duyên và nội duyên
Thế nào là ngoại duyên
Như cục đất cây cọc
Bánh xe và sợi dây
Nước gỗ và nhân công
Các phương tiện làm duyên
Sanh ra cái bình đất
Còn các thứ tơ lụa
Lát chiếu và giống mầm
Do ngoại duyên phương tiện
Sanh ra cũng như thế

Thế nào là nội duyên
Vì vô minh ái nghiệp
Các pháp hòa hợp sanh
Gọi là pháp năng duyên
Từ đó sanh các pháp
Ấm giới và lục nhập
Gọi là pháp sở duyên
Các pháp do tâm hiện
Vốn chẳng có sai biệt
Mà phàm phu vọng chấp
Thành ra có sai biệt

Lại nữa này Đại Huệ
Nhân gồm có sáu thứ:

1. Đương hữu nhân
2. Tương tục nhân

3. Tướng nhân
4. Tác nhân
5. Hiển thị nhân
6. Đối đãi nhân

1. Đương hữu nhân là gì?
Vì có thức thứ tám
Từ vô thỉ đến nay
Làm nhân cho các pháp
Từ nhân sanh ra quả
Thật bất khả tư nghì
Đương lúc đó làm nhân
Nên gọi đương hữu nhân

2. Tương tục nhân là gì
Bên trong nương hai thức
Thứ sáu và thứ tám
Phan duyên theo ngoại cảnh
Trong ngoài làm nhân sanh
Quả ngũ ấm chủng tử
Hiện hành huân chủng tử
Chủng tử huân hiện hành
Khiến quả nhiễm tịnh theo
Mà liên tục sanh khởi
Nên gọi tương tục nhân

3. Thế nào là tướng nhân
Do duyên chẳng gián đoạn
Làm ra tướng vô gián
Sanh ra quả tương tục
Nơi tương tục vô gián
Lìa nhân chưa tới quả
Vì nó chẳng gián đoạn
Cho nên là tương tục
Vì ở nơi chính giữa
Nhân quả mà có tướng
Nên gọi là tướng nhân

4. Thế nào là tác nhân
Tức là tăng thượng duyên[5]
Là tạo nghiệp tăng thượng
Mà tạo thành ra quả
Cũng như chuyển luân vương
Do thân thể chứng đắc
Luân vương làm bản nhân
Mà bánh xe thất bửu

Từ hư không bay đến
Ấy là sự tăng thượng
Cảnh chẳng thể sanh quả
Nhờ tâm làm tăng thượng
Luân vương mới có thể
Làm ra thành thắng nhân
Vì tâm làm tăng thượng
Phan duyên cho cảnh trần
Nên gọi là tác nhân

5. Sao là hiển thị nhân
Khi vọng tưởng sanh rồi
Thì hiện ra hai tướng
Năng tác và sở tác
Như cây đèn chiếu soi
Hiển thị các sắc tướng

6. Sao là đối đãi nhân
Là lúc pháp đoạn diệt
Sự tương tục chấm dứt
Mà ngay lúc đó tánh
Chẳng vọng tưởng sanh khởi
Này Đại Huệ nên biết
Tự tướng của vọng tưởng
Chẳng lần lượt mà sanh
Chẳng cùng với chúng sanh
Nếu cùng lúc sanh thì
Chẳng phân biệt được tướng
Năng tác và sở tác
Vì không có tướng nhân
Nếu lần lượt mà sanh
Thì chẳng có tự tướng
Như chẳng sanh ra con
Không được gọi là cha
Lại nữa này Đại Huệ
Cha với con làm nhân
Mà đối đãi với nhau
Không cha thì không con
Không con thì không cha
Cha con đối đãi nhau
Gọi là đối đãi nhân

Đại Huệ nói tóm lại
Các thứ tướng sanh thảy
Đều do các thứ nhân
Vọng chấp tướng mà sanh

Tự tâm hiện thọ dụng
Mà có đủ các tướng
Tự tướng và cộng tướng[6]
Ngoại tánh và phi tánh[7]
Thực ra lần lượt sanh
Và tướng cùng lúc sanh
Đều chẳng thể có được
Phải lìa kiến chấp đó

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Tất cả đều vô sanh,
Cũng không nhân duyên diệt.
Ở nơi tướng sanh diệt,
Mà khởi nhân duyên tưởng.
Pháp diệt rồi lại sanh,
Do nhân duyên tương tục.
Vì đoạn dứt si mê,
Của tất cả chúng sanh.
Nên thuyết pháp duyên khởi,
Các pháp thật vô sanh.
Do tập khí mê hoặc,
Từ đó hiện Tam giới.
Duyên thật vốn vô sanh,
Lại cũng chẳng có diệt.
Tất cả pháp hữu vi,
Như hoa đốm trên không.
Nếu lìa bỏ kiến chấp,
Năng nhiếp và sở nhiếp.
Chẳng có vô nhân sanh,
Và đã sanh, sẽ sanh.
Sự sanh vốn chẳng có,
Thảy chỉ là ngôn thuyết.

– Hết trích –



NHƯ LAI TẠNG LÌA NGÔN THUYẾT

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
-Cúi xin vì chúng con
Nói tướng của tâm kinh
Và ngôn thuyết vọng tưởng
Con và chư Bồ Tát
Nếu khéo hiểu nghĩa này
Thì thông đạt hai nghĩa
Năng thuyết và sở thuyết
Chóng chứng đắc Bồ Đề
Vô thượng Chánh Đẳng Giác
Dùng hai thứ năng sở
Tẩy sạch mọi trần cấu
Của tất cả chúng sanh
Phật bảo ngài Đại Huệ
-Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ bạch Phật rằng
-Con kính xin thọ giáo
Phật bảo ngài Đại Huệ
-Có cả thảy bốn tướng
Của ngôn thuyết vọng tưởng:
1. Tướng ngôn thuyết
2. Mộng ngôn thuyết
3. Vọng tưởng chấp ngôn thuyết
4. Vô thỉ vọng tưởng ngôn thuyết

1. Sao là tướng ngôn thuyết
Là tự tâm vọng tưởng
Chấp trước sắc tướng sanh

2. Sao là mộng ngôn thuyết
Cảnh giới xưa đã qua
Nay tùy niệm nhớ sanh
Nếu đã giác ngộ rồi
Cảnh giới vô tánh sanh

3. Vọng chấp trước ngôn thuyết
Trước kia do oán ghét
Tạo thành ra ác nghiệp
Nay tưởng nhớ mà sanh

4. Vô thỉ vọng ngôn thuyết

Từ vô thỉ hư ngụy
Chấp trước vào tập khí
Của tự chủng mà sanh

Khi ấy ngài Đại Huệ
Khuyến thỉnh Đức Thế Tôn:
-Cúi xin Phật thuyết lại
Cảnh giới sở hiện của
Các vọng tưởng ngôn thuyết
Nhân gì mà sanh ra
Các ngôn thuyết vọng tưởng
Ấy là ở nơi nào
Do cớ gì, tại sao?

Phật bảo ngài Đại Huệ:
-Do đầu ngực cổ họng
Mũi môi lưỡi nướu răng
Hòa hợp phát âm thanh

Đại Huệ bạch Phật rằng:
-Ngôn thuyết và vọng tưởng
Là khác hay chẳng khác
Phật bảo ngài Đại Huệ
-Chẳng đồng hay chẳng khác
Vọng tưởng làm nhân sanh
Ra các tướng ngôn thuyết
Nếu chúng là khác nhau
Vọng tưởng chẳng làm nhân
Nếu chúng chẳng khác nhau
Lời chẳng bày nghĩa lý
Sự thật chẳng như vậy

Đại Huệ lại bạch Phật
-Ngôn thuyết đệ nhất nghĩa
Sở thuyết đệ nhất nghĩa
Điều nào là đúng đây
Phật bảo ngài Đại Huệ
-Cả hai đều chẳng phải
Nói đệ nhất nghĩa là
Do ngôn thuyết sở nhập
Sự an vui bậc thánh
Mới là đệ nhất nghĩa
Chẳng phải là ngôn thuyết
Đệ nhất nghĩa là do
Chứng đắc thánh trí giác
Chẳng phải là cảnh giới

Của ngôn thuyết vọng tưởng

Lại nữa này Đại Huệ
Do tự tâm hiện lượng
Tướng ngoài tánh phi tánh
Thì vọng tưởng ngôn thuyết
Chẳng hiển đệ nhất nghĩa
Cho nên này Đại Huệ
Lìa ngôn thuyết vọng tưởng
Mới hiển đệ nhất nghĩa
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Các Pháp chẳng tự tánh,
Cũng chẳng phải ngôn thuyết.
Không Không nghĩa sâu tột,
Phàm phu chẳng thể liễu.
Tự tánh của pháp tánh,
Lìa ngôn thuyết phân biệt.
Sanh tử và Niết Bàn,
Các pháp như mộng huyễn.
Như vua và Trưởng giả,
Vì muốn các con vui.
Trước cho vật tương tự,
Sau ban đồ chơn thật.
Nay ta cũng như thế,
Trước thuyết pháp tương tự,
Sau mới vì họ giảng,
Pháp thật tế tự chứng.

– Hết trích –



NHƯ LAI TẠNG LÌA TỨ CÚ

Khi ấy ngài Đại Huệ
Bạch với Đức Phật rằng
- Cúi xin Phật thuyết pháp
Về chuyện nhất hay dị
Đồng hay là chẳng đồng
Pháp hữu và pháp vô
Pháp chẳng hữu chẳng vô
Pháp thường hay vô thường
Chỗ hành của ngoại đạo
Chỗ hành của thánh trí
Xa lìa các vọng tưởng
Tự tướng và cộng tướng
Đệ nhất nghĩa chơn thật
Các tướng địa tương tục
Dần dần tiến lên đến
Tướng cùng tột thanh tịnh
Tướng địa của Như Lai
Chẳng mở mang bản nguyện
Như hạt châu ma ni
Nhiều hình sắc cảnh giới
Có vô biên tướng hạnh
Nay chỉ hiện bộ phận
Trong bản tánh tự tâm
Nơi tất cả các pháp
Nếu con chư Bồ Tát
Lìa kiến chấp vọng tưởng
Tự tướng và cộng tướng
Sẽ chứng được Bồ Đề
Khiến tất cả chúng sanh
Đầy đủ và sung mãn
Được tất cả an lạc

Phật bảo ngài Đại Huệ:
-Lành thay thật lành thay
Ông đã khéo hỏi ta
Các nghĩa như thế đó
Thương mến các chúng sinh
Chư thiên và người đời
Khiến họ được những điều
An lạc và lợi ích
Đại Huệ hãy chú ý
Nghe và khéo ghi nhớ
Ta vì ông giải thuyết

Đại Huệ bạch Phật rằng:
-Con nguyện xin thọ giáo
Phật bảo ngài Đại Huệ
- Phàm phu vì ngu si
Chẳng hiểu biết tâm lượng
Chấp lấy tánh trong ngoài
Dựa theo mê vọng tưởng
Chấp trước các nhị kiến
Nhất-dị đồng-chẳng-đồng
Hữu-vô phi-hữu-vô
Pháp thường và vô thường
Làm nhân huân tự tánh

Ví như bầy nai khát
Thấy ảo ảnh tưởng nước
Mê hoặc rượt đuổi theo
Mà chẳng biết không nước
Phàm phu cũng như thế
Do vọng tưởng hư nguỵ
Huân tập từ vô thỉ
Bị tam độc đốt tâm
Ham nơi cảnh giới sắc
Mà thấy sanh trụ diệt
Chấp tánh trong và ngoài
Nên đọa nơi vọng kiến
Mà sanh ra tư tưởng
Nhất-nhị đồng-chẳng-đồng
Hữu-vô phi-hữu-vô
Thường hằng và vô thường

Như thành Càn Thát Bà
Vốn chẳng phải là thành
Mà phàm phu vô trí
Lại tưởng có thành thiệt
Ấy là do tập khí
Chấp trước từ vô thỉ
Mà hiện bày ra tướng
Thật ra chẳng có thành
Cũng chẳng phải không có
Ngoại đạo do tập khí
Chấp trước từ vô thỉ
Mà nương theo kiến chấp
Nhất-dị đồng-chẳng-đồng
Chẳng khéo léo liễu tri
Do tự tâm hiện lượng

Ví như người nằm mơ
Thấy nam nữ voi ngựa
Xe cộ và thành ấp
Vườn rừng và núi sông
Đủ các thứ trang nghiêm
Tự thân thọ dụng đó
Sau khi đã thức rồi
Vẫn còn lòng tưởng nhớ
Ý ông nghĩ thế nào
Người tưởng nhớ việc mộng
Mãi mãi chẳng thể bỏ
Là có trí huệ chăng?
Đại Huệ bạch Phật rằng:
- Thưa không bạch Thế Tôn
Phật lại bảo Đại Huệ:
-Phàm phu như thế đó
Chẳng biết tánh tự tâm
Hiện bày như mộng huyễn
Mà nương nơi kiến chấp
Nhất dị đồng chẳng đồng

Vốn như một bức tranh
Vốn chẳng có cao thấp
Phàm phu cho là thế
Vì ác kiến ăn nuốt
Hoặc mê trí ngoại đạo
Ngoại đạo từ xưa nay
Cho đến đời vị lai
Tập khí ác sung mãn
Tự hoại và hoại tha
Chấp vào thuyết vô sanh
Mà lọt vào ác kiến
Phỉ báng thuyết nhân quả
Cho rằng đó không có
Nên nhổ gộc thiện căn
Huỷ hoại nhân thanh tịnh
Họ đọa vào kiến chấp
Tự tha và cộng sanh
Và tư tưởng hữu vô
Chìm nơi kiến phỉ báng
Nên phải đọa địa ngục

Ví như người mắt nhặm
Thấy hoa đốm trên không
Mà nói với chúng rằng
- Các người hãy xem đây

Trên không có hoa đốm
Phi tánh phi vô tánh
Thấy cũng như chẳng thấy
Vọng sanh ra hy vọng
Nên dựa theo kiến chấp
Nhất dị đồng chẳng đồng
Mà phỉ báng chánh pháp
Tự đọa và khiến đọa

Ví như vòng lửa ảo
Phàm phu tưởng là vòng
Ngoại đạo do ác kiến
Hy vọng như thế đó
Do đó các tánh sanh

Ví như có bọt nước
Giống như châu ma ni
Phàm phu vì ngu si
Vì không có trí huệ
Tưởng là châu ma ni
Và phi châu ma ni
Chấp trước chạy đuổi theo
Nhưng bọt nước kia thật
Chẳng phải châu ma ni
Chẳng phải lấy hay bỏ
Ác kiến của ngoại đạo
Do tập khí huân tập
Ở nơi vô sở hữu
Mà nói có sự sanh
Lại do duyên theo hữu
Mà nói có sự diệt

Lại nữa này Đại Huệ
Lại có ba thứ lượng[8]
Và năm loại phần luận[9]
Khi kiến lập xong rồi
Đắc thánh trí tự giác
Lìa tự tánh vọng tưởng
Chấp cho là có tánh

Lại nữa này Đại Huệ
Tâm ý và ý thức
Và thân tâm chuyển biến
Tự tâm liền hiện bày
Năng nhiếp và sở nhiếp
Các vọng tưởng đoạn dứt

Thì vào Như Lai địa
Đắc tự giác thánh trí
Chẳng ở nơi vọng tưởng
Khởi tưởng tánh phi tánh
Ấy tức là chấp lấy
Có nuôi dưỡng thiện căn
Chấp ngã tướng nhơn tướng

Lại nữa này Đại Huệ
Thuyết pháp tánh tự tánh
Tự tướng và cộng tướng
Là Hoá Phật sở thuyết
Chẳng phải Pháp Phật thuyết
Chẳng phải là vì người
Ham trụ nơi chánh định
Đắc tự giác thánh trí
Kiến lập thẳng tự tánh
Nay phương tiện hiển thị

Ví như nước bóng cây
Ấy cũng chẳng là bóng
Cũng không là phi bóng
Chẳng phải là hình cây
Chẳng phải phi hình cây
Vì ngoại đạo chẳng biết
Hiện lượng của tự tâm
Theo vọng tưởng chấp trước
Huân tập thành kiến chấp
Nương theo đó sanh tướng
Nhất dị đồng chẳng đồng
Hữu vô, phi hữu vô
Thường hằng và vô thường
Do tự tâm hiện lượng
Ví như là gương sáng
Tuỳ duyên hiện sắc tướng
Mà chẳng khởi vọng tưởng
Chẳng phải tướng phi tướng
Mà thấy tướng phi tướng
Phàm phu do vọng tưởng
Mà cho là tướng thật
Ngoại đạo có ác kiến
Nơi tướng tự tâm hiện
Mà vọng tưởng chấp trước
Nương nơi các tà thuyết
Nhất dị đồng chẳng đồng
Mà sanh ra kiến chấp

Cũng như gió với nước
Hoà hợp mà sanh ra
Các âm thanh hỗn tạp
Chẳng phải tánh phi tánh
Ví như trong đại địa
Vốn chẳng có cây cối
Do thấy có ảo ảnh
Vọng cho là có sông
Khiến cho sóng nổi dậy
Chẳng phải tánh phi tánh
Chẳng phải tham vô tham[10]
Phàm phu cũng như thế
Do tập khí hư nguỵ
Huân tập từ vô thỉ
Sanh vọng tưởng chấp trước
Mà nương theo tà thuyết
Sanh trụ diệt nhất dị
Đồng chẳng đồng hữu vô
Phan duyên tự trụ vào
Như ảo ảnh nổi sóng
Như người dùng chú thuật
Khiển tử thi người máy
Hoạt động như chúng sanh
Thật chẳng phải chúng sanh
Tất cả những việc trên
Do ác kiến hy vọng
Của ngoại đạo hý luận
Chấp trước sự chẳng thật
Mà kiến lập tà thuyết

Lại nữa này Đại Huệ
Vì muốn tự thành tựu
Đắc tự giác thánh trí
Phải lìa những ác kiến
Vọng tưởng sanh trụ diệt
Nhất dị đồng chẳng đồng
Hữu vô phi hữu vô
Thường hằng và vô thường

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Bóng cây hiện trong nước,

Như hoa đốm ảo ảnh
Quán Tam giới như thế,
Cứu cánh được giải thoát.

Ví như nai khát nước,
Khiến tâm mê loạn chuyển.
Cho ảo ảnh là nước,
Thật thì chẳng phải nước.
Do chủng tử ý thức,
Hoạt động hiện cảnh vọng.
Phàm phu sanh vọng tưởng,
Như mắt bị bệnh nhặm.
Nơi vô thỉ sanh tử,
Chấp có tánh nhiếp thọ.
Nếu ngược chốt tháo chốt,
Xả lìa tham nhiếp thọ[11]*.*
Như huyễn chú máy động,
Như mây nổi điện chóp.
Quán thế được giải thoát,
Dứt hẳn ba tương tục[12]*,*
Nơi thật chẳng kẻ tạo,
Như dương diệm hư không.
Dù biết pháp như thế,
Thật thì vô sở Tri.

Ngôn giáo lập giả danh,
Giả danh chẳng có tướng.
Lại theo đó khởi vọng,
Ngũ ấm và hiện hành.
Như bức tranh hoa đốm,
Mộng huyễn Càn Thát Bà.
Vòng lửa và dương diệm.
Từ không hiện thành có.
Nhất dị, thường, vô thường,
Đồng chẳng đồng cũng vậy.
Lỗi tương tục vô thỉ,
Do phàm phu si vọng.
Như gương sáng Ma Ni,
Hiện ra nhiều sắc tướng.
Thật thì chẳng có gì,
Tất cả tánh hiển hiện.
Cảnh mộng huyễn cũng thế,
Mỗi mỗi sắc tướng hiện,
Đều chẳng thật như vậy.

– Hết trích –

Lại nữa này Đại Huệ
Khi Như Lai thuyết pháp
Lìa tứ cú như thế
Nhất dị đồng chẳng đồng
Hữu vô phi hữu vô
Thường hằng và vô thường
Xa lìa nơi hữu vô
Kiến lập và phủ nhận
Phân biệt và kết tập
Chơn đế và duyên khởi
Đạo diệt và giải thoát
Sự thuyết pháp Như Lai
Lại lấy đó làm gốc
Phi tánh phi tự tại
Phi vô nhân duyên khởi
Phi vi trần phi thời
Phi tự tánh tương tục
Vì chúng sanh thuyết pháp
Lại nữa này Đại Huệ
Vì tẩy sạch phiền não
Chướng và sở tri chướng
Ví như vị thương chủ
Vì dẫn chúng đến nơi
Chôn dấu kho báu vật
Nên thứ lớp kiến lập
Một trăm lẻ tám câu
Vô sở hữu trên đây
Khéo phân biệt Tam Thừa
Và các tướng thập địa

BỐN THỨ THIỀN

Lại nữa này Đại Huệ
Có bốn thứ thiền na
Phàm phu sở hành thiền
Quán sát nghĩa thiền
Phan duyên như thật thiền
Như lai thiền

1. Phàm phu sở hành thiền
Là Thanh Văn Duyên Giác
Và ngoại đạo tu hành
Quán nhân vô tánh ngã
Tự tướng và cộng tướng
Lóng xương liền với nhau

Vô thường khổ bất tịnh
Do chấp trước làm gốc
Chỉ quán như thế đó
Chẳng quán các thứ khác
Theo thứ lớp tiến tới
Pháp tướng chẳng trừ diệt

2. Quán sát nghĩa thiền là
Nói quán nhơn vô ngã
Tự tướng và cộng tướng
Tự tha đều vô tánh
Xong quán pháp vô ngã
Đi vào nghĩa hành tướng
Của thập địa Bồ Tát
Dần dần mà tiến lên

3. Phan duyên như thật thiền
Vọng tưởng hai vô ngã
Vẫn còn là vọng tưởng
Chỗ như thật rốt ráo
Thì không sanh vọng tưởng

4. Thế nào Như Lai thiền
Là nhập Như Lai địa
Đắc ba thứ lạc trụ[13]
Của tự giác thánh trí
Thành tựu bất tư nghì
Lợi ích cho chúng sanh

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

– *Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực* –

Phàm phu sở hành thiền,
Quán sát tướng nghĩa thiền.
Phan duyên như thật thiền,
Như Lai thanh tịnh thiền.
Ví như hình nhựt nguyệt,
Bát Đầu Ma (hoa sen đỏ) trong bùn,
Như lửa diệt nơi không,
Người tu hành quán sát,
Mỗi mỗi tướng như thế,
Ngoại đạo chấp tướng thiền.
Thanh Văn và Duyên Giác,

Đọa nơi cảnh giới không.
Nếu xả bỏ tất cả,
Thì là vô sở hữu.
Tất cả cõi chư Phật,
Dùng tay bất tư nghì,
Nhất thời xoa đầu họ,
Thuận nhập tướng Chơn Như.

– Hết trích –



NHƯ LAI NIẾT BÀN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Thế Tôn nói Niết Bàn
Thuyết pháp như thế nào
Thì gọi là Niết Bàn
Phật liền bảo Đại Huệ
- Mọi tập khí tự tánh
Của tất cả các thức
Đều là pháp sanh tử
Như tập khí tạng thức
(tức là thức thứ tám)
Tập khí ý (thứ bảy)
Và tập khí ý thức
(tức là thức thứ sáu)
Cũng như tập khí kiến
(tức là tiền ngũ thức)
Chuyển được tập khí ấy
Tức là chuyển sanh tử
Gọi đó là Niết Bàn
Cái Niết Bàn của Ta
Và chư Phật sở thuyết
Đó chính là cảnh giới
Tánh không của các pháp

Lại nữa này Đại Huệ
Niết bàn là cảnh giới
Của thánh trí tự giác
Xa lìa đoạn và thường
Lìa vọng tánh phi tánh
Thế nào là phi thường
Là đoạn dứt vọng tưởng
Tự tướng và cộng tướng
Thế nào là phi đoạn
Nói tất cả bậc thánh
Quá hiện và vị lai
Đều đã được tự giác

Lại nữa này Đại Huệ
Niết bàn bất hoại tử
Nếu Niết Bàn có tử
Phải thọ sanh tương tục
Nếu Niết Bàn có hoại
Phải đọa tướng hữu vi
Cho nên nói Niết Bàn

Bất hoại và bất tử
Vì thế nên là chỗ
Nương về người tu hành

Lại nữa này Đại Huệ
Niết bàn không xả đắc
Không đoạn và không thường
Không nhất nghĩa đa nghĩa

Lại nữa này Đại Huệ
Niết bàn của Nhị Thừa
Thanh Văn và Duyên Giác
Khổ không vô thường vô ngã
Quán sát tất cả pháp
Tự tướng và cộng tướng
Vốn chẳng có thật thể
Quán thập nhị nhân duyên
Cũng lại như thế đó
Là cảnh giới náo động
Chẳng nên ưa thân cận
Nên ham chỗ tịch lặng
Tri kiến chẳng điên đảo
Thì vọng chuyển chẳng sanh
Chẳng chuyển thức thành trí
Trông thấy chỗ tịch lặng
Của thức ấm vọng chấp
Cho đó là Niết Bàn
Thật chẳng phải cứu cánh

HAI TƯỚNG CỦA TỰ TÁNH

Lại nữa này Đại Huệ
Hai thứ tướng tự tánh
1. Tướng chấp trước ngôn thuyết
Do tập khí chấp trước
Hư ngụy của ngôn thuyết
Từ vô thỉ đến nay
Mà tự tánh sanh khởi
2. Chấp trước sự tự tánh
Do bất giác chẳng hiểu
Cảnh tự tâm biến hiện
Mà thành ra sanh khởi

HAI THẦN LỰC KIẾN LẬP

Lại nữa này Đại Huệ
Như Lai dùng hai thứ
Thần lực mà kiến lập
Khiến Bồ Tát đảnh lễ
Hỏi nghĩa nơi chư Phật
Và nghe pháp thọ giáo
1. Hiện thân để thuyết pháp
2. Vô ngôn mà thuyết pháp
Là dùng tay quán đảnh
Truyền địa vị Như Lai

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát chứng sơ địa
Trụ nơi thần lực Phật
Đại chiếu minh Tam Muội
Vào Tam Muội này rồi
Thì mười phương thế giới
Tất cả các chư Phật
Dùng thần thông thị hiện
Các thân diệu ngôn thuyết
Bồ Tát Kim Cang Tạng
Chư đại Bồ Tát khác
Thành tựu công đức đó

Bồ Tát được thần lực
Vào Tam Muội chánh thọ
Do tích chứa thiện căn
Từ trăm ngàn số kiếp
Mà thành tựu như thế
Đối trị tướng sở trị
Tập khí xuất thế gian
Thứ lớp tiến chư địa
Cho đến pháp vân địa
Thông đạt nơi cứu cánh
Trụ tại nơi cung điện
Đại liên hoa vi diệu
Ngồi trên tòa Sư Tử
Đại bửu liên hoa vương
Được quyến thuộc Bồ Tát
Cùng loại đến vây quanh
Các thứ báu anh lạc
Dùng trang nghiêm thân thể
Như hoa Chiêm Bặc vàng(14)
Như ánh sáng nhật nguyệt

Bồ Tát từ mười phương
Đến tòa đại liên hoa
Trong cung điện quán đảnh
Cũng như sự quán đảnh
Của Tự Tại Luân Vương
Và thái tử Đế Thích
Ấy gọi là thần lực
Trụ hai thứ thần lực
Sẽ gặp mặt chư Phật
Nếu không thì chẳng thể

Lại nữa này Đại Huệ
Những pháp hạnh thần túc
Tam Muội và phân biệt
Của hàng đại Bồ Tát
Tất cả đều trụ nơi
Hai thần lực của Phật
Lại nữa này Đại Huệ
Nếu đại Bồ Tát lìa
Hai thần lực của Phật
Mà biện tài thuyết pháp
Thì tất cả phàm phu
Phải có tài thuyết pháp
Vì chẳng cần trụ nơi
Thần lực mà tự có

Lại nữa này Đại Huệ
Khi Như Lai vào thành
Hiện sức oai thần lớn
Khiến các thứ vô tình
Như núi đá cây cối
Nhạc cụ và thành ấp
Cung điện đều tự nhiên
Phát ra tiếng âm nhạc
Huống là người tâm thành
Dù mù điếc câm ngọng
Có vô lượng đau khổ
Đều khiến được giải thoát
Như Lai có vô lượng
Thần lực như thế đó
Để lợi lạc chúng sanh

Đức Đại Huệ Bồ Tát
Lại bạch với Phật rằng
- Do nhân duyên nào mà
Đức Như Lai Ứng Cúng

Gia hộ thần lực cho
Bồ Tát đang trụ trong
Đại Tam Muội chánh thọ
Thắng tiến địa quán đảnh

Phật bảo ngài Đại Huệ
- Lìa ma nghiệp phiền não
Chẳng đọa thiền Thanh Văn
Đắc Như Lai tự giác
Và đắc pháp tinh tấn
Nên Như Lai Ứng Cúng
Dùng thần lực kiến lập
Cho chư đại Bồ Tát
Nếu chẳng dùng thần lực
Ắt phải đọa ác kiến
Vọng tưởng của ngoại đạo
Hoặc đọa Thanh Văn thừa
Đoạ hy vọng chúng ma
Chẳng thể nào đắc được
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác
Do đó chư Như Lai
Đều đã dùng thần lực
Nhiếp thọ chư Bồ Tát[15]

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Thần lực của chư Phật,
Do đại nguyện trong sạch.
Quán đảnh bậc Bồ Tát,
Sơ Địa đến Thập Địa

— Hết trích —

NHƯ LAI TÀNG PHI NHÂN DUYÊN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Phật thuyết lý duyên khởi
Tức là nhân duyên sanh
Chẳng tự tâm vọng tưởng
Phân biệt mà sanh thành
Ngoại đạo thuyết nhân duyên

Nói vi trần sanh khởi
Ban sơ nhớ tánh thắng
Tự tại của thần ngã
Sanh khởi khác cũng thế
Thế Tôn nói nhân duyên
Hay sanh ra các tánh
Dùng hữu gián tất đàn(16)
Hay vô gián tất đàn
Để giáo hoá chúng sanh

Ngoại đạo lại cũng thuyết
Hữu sanh vô hữu sanh
Thế Tôn cũng có thuyết
Vô hữu sanh, sanh diệt
Như Thế Tôn sở thuyết
Lý thập nhị nhân duyên
Từ vô minh duyên hành
Cho đến duyên lão tử
Ấy là vô nhân thuyết
Cửa Đức Phật Thế Tôn
Chẳng phải hữu nhân thuyết
Thế Tôn kiến lập thuyết
Có này nên có kia
Chẳng phải nghĩa tiệm sanh
Cái thuyết quán tánh thắng
Của ngoại đạo chẳng đồng
Vì ngoại đạo thuyết rằng
Nhân chẳng từ duyên sanh
Nhưng Thế Tôn thì thuyết
Là quán nhân có quả
Và quán quả có nhân
Nhân duyên tạp loạn vậy
Duyên nhau đến vô cùng

Phật liền bảo Đại Huệ
- Ta chẳng thuyết vô nhân
Thuyết nhân duyên tạp loạn
Có này nên có kia
Năng nhiếp và sở nhiếp
Cả hai đều phi tánh
Giác tự tâm hiện lượng
Lại nữa này Đại Huệ
Chấp năng nhiếp sở nhiếp
Thì chẳng thể giác được
Lý tự tâm hiện lượng
Cảnh giới tánh phi tánh

Họ có lỗi như thế
Chẳng phải là cái thuyết
Duyên khởi của Như Lai
Ta thường tuyên thuyết rằng
Do nhân duyên hòa hợp
Mà sanh ra các pháp
Chẳng phải vô nhân sanh

NGÔN THUYẾT VÀ TÁNH

Đại Huệ bạch Phật rằng:
- Vì ngôn thuyết có tánh
Mà tất cả có tánh?
Nếu nói là vô tánh
Thì ngôn thuyết chẳng sanh
Nên ngôn thuyết hữu tánh
Có tất cả các tánh

Phật liền bảo Đại Huệ
- Vô tánh có ngôn thuyết
Như lông rùa sừng thỏ
Là ngôn thuyết thế gian
Đại Huệ ông nên biết
Chẳng phải đó là tánh
Chỉ ngôn thuyết mà thôi
Như lời ông nói đó
Rằng ngôn thuyết hữu tánh
Có tất cả các tánh
Lập luận đó là sai
Ắt sẽ bị lật đổ

Lại nữa này Đại Huệ
Chẳng phải mọi quốc độ
Đều đồng có ngôn thuyết
Ngôn thuyết là tạo tác
Có cõi Phật dùng nhìn
Để hiển bày giáo pháp
Có cõi làm hình tướng
Hoặc nhướng mày chớp mắt
Hoặc cười ngáp tằng hắng
Hoặc tưởng niệm lay động
Các cõi ấy đều chẳng
Nhờ ngôn thuyết giáo hoá
Như thế giới Hương Tích
Cõi Phổ Hiền Như Lai
Chỉ dùng đến ngó nhìn

Khiến các hàng Bồ Tát
Đắc vô sanh pháp nhẫn
Và Tam Muội thù thắng
Cho nên nói chẳng phải
Vì ngôn thuyết hữu tánh
Là có tất cả tánh
Lại nữa này Đại Huệ
Như ông đã thấy đó
Loài ruồi lằn trùng kiến
Ở trong thế giới này
Chẳng hề có ngôn thuyết
Cũng làm xong công việc

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Như hư không sừng thỏ,
Và con của Thạch Nữ.
Không mà có ngôn thuyết,
Tánh vọng tưởng như thế.
Nhân duyên hòa hợp sanh,
Phàm phu khởi vọng tưởng.
Chẳng thể đúng như thật,
Nên luân hồi Tam giới.

– Hết trích –

MÊ HOẶC LÀ THƯỜNG

Khi ấy ngài Đại Huệ
Mới bạch với Phật rằng:
- Âm thanh bày chơn thường
Nương việc gì mà thuyết?
Phật liền bảo Đại Huệ
- Vì mê hoặc mà thuyết
Do chúng sanh mê hoặc
Nên chư thánh thị hiện
Âm thanh mà thuyết pháp
Gọi đó là thánh giáo
Mà chẳng phải điên đảo
Lại nữa này Đại Huệ
Như ảo ảnh vòng lửa
Hoa đốm ở trên không

Như thành Càn Thát Bà
Mộng huyễn và bóng gương
Điên đảo của thế gian
Chẳng phải trí bậc thánh
Nhưng chẳng phải không hiện
Những việc đã nêu trên
Lại nữa này Đại Huệ
Mê hoặc có đủ thứ
Vọng hiện như kể trên
Chẳng phải mê tạo ra
Đủ các thứ vô thường
Vì lìa tánh phi tánh

Trong mỗi cảnh phàm phu
Cũng như bọn ma quỷ
Thấy sông Hằng là lửa
Chẳng thấy đó là nước
Tánh mê hoặc lầm này
Chỉ hiện nơi ngạ quỷ
Nơi chúng sanh khác thì
Hiện tánh chẳng mê hoặc
Chứ chẳng phải vô tánh
Đều thấy nước sông Hằng
Tánh mê hoặc như thế
Bậc thánh lìa điên đảo
Luôn cả bất điên đảo
Nói mê hoặc là thường
Vì các tướng không hoại
Lại nữa này Đại Huệ
Tướng mê hoặc chẳng hoại
Chỉ tướng vọng tưởng hoại
Nên nói mê là thường

Lại nữa này Đại Huệ
Mê hoặc là chơn thật?
Nếu nói theo nhân duyên
Bậc thánh nơi mê hoặc
Chẳng khởi cái giác tưởng
Điên đảo bất điên đảo
Ở nơi pháp mê hoặc
Có ít phần tu tưởng
Thì chẳng phải thánh trí
Có chút ít tư tưởng
Hý luận của phàm phu
Chẳng phải là sự tướng
Của đại giác thánh trí

Phàm phu nói hữu vô
Là phàm phu vọng thuyết
Chẳng phải thánh ngôn thuyết

MÊ HOẶC KHỞI HAI CHỦNG TÁNH

Kẻ mê thường hay nói
Điên đảo bất điên đảo
Đều chính là vọng tưởng
Y theo mê hoặc mà
Sanh khởi hai chủng tánh
Ấy là thánh chủng tánh
Và phàm phu chủng tánh
Thánh chủng có ba loại:
Thanh Văn thừa
Duyên Giác thừa
Và Phật thừa

1. Nếu phàm phu vọng tưởng
Thì sanh Thanh Văn thừa
Chấp tự tướng cộng tướng

2. Lại nữa này Đại Huệ
Theo vọng tưởng mê hoặc
Sanh khởi Duyên Giác thừa
Nơi tự tướng cộng tướng
Chẳng khởi tâm chấp trước
Mà khởi Duyên Giác thừa

3. Người trí cũng nương theo
Ngay nơi mê hoặc ấy
Mà khởi chủng Phật thừa
Vì giác tâm hiện lượng
Ở ngoài tánh phi tánh
Chẳng có tướng vọng tưởng
Nên sanh khởi Phật thừa

Đối với sự và tánh
Phàm phu khởi vọng tưởng
Thì sanh phàm phu chủng

LÌA VỌNG BÌNH ĐẲNG CHÂN NHƯ

Tuy gọi là chủng tánh
Chẳng phải là hữu sự
Cũng chẳng phải vô sự

Ngay nơi mê hoặc kia
Chẳng khởi tâm vọng tưởng
Những tâm ý ý thức
Lỗi tập khí tự tánh
Pháp chuyển biến vân vân
Của bậc thánh đều như
Nên nói như lìa tâm
Ta nói câu này là
Hiển thị lý lìa tướng
Lìa tất cả tư tưởng[17]

MÊ HOẶC NHƯ HUYỄN

Đại Huệ lại bạch Phật
- Mê là hữu hay vô?
Phật trả lời Đại Huệ:
- Pháp như huyễn chẳng có
Tướng trạng của chấp trước
Nếu mê hoặc chấp trước
Thì chấp trước chẳng diệt
Pháp duyên khởi của Ta
Ắt đồng như tà pháp
Nhân duyên của ngoại đạo

Đại Huệ lại bạch Phật
- Nếu mê hoặc như huyễn
Phải làm nhân mê khác?
Phật trả lời Đại Huệ
- Chẳng phải là nhân duyên
Mê hoặc nên chẳng lỗi
Huyễn chẳng thể sanh lỗi
Vì chẳng có vọng tưởng
Lại nữa này Đại Huệ
Huyễn từ chỗ minh liễu
Mà được sanh khởi ra
Chẳng từ lỗi tập khí
Vọng tưởng của chính mình
Mà được sanh khởi ra
Cho nên chẳng có lỗi
Ấy là do tâm mê
Của phàm phu chấp trước
Chẳng phải thánh hiền vậy
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Thánh chẳng thấy mê hoặc,
Trong đó cũng chẳng thật.
Trong đó nếu chơn thật,
Mê hoặc tức chơn thật.
Xa lìa tất cả mê,
Nếu còn có tướng sanh,
Ấy cũng là mê hoặc,
Bất tịnh như bệnh nhậm.

– Hết trích –

NHƯ HUYỄN TỨC PHI HUYỄN

Lại nữa này Đại Huệ
Mê hoặc tức chân thật
Như huyễn tức phi huyễn
Phi huyễn tức như huyễn
Chơn thể của phi huyễn
Chẳng có tánh tương tợ
Nay ta nói phi huyễn
Chẳng phải là không thấy
Tất cả pháp như huyễn

Đại Huệ bạch Phật rằng:
- Vì chấp các tướng huyễn
Nói mọi pháp như huyễn?
Vì chấp tướng phi huyễn
Mà nói pháp như huyễn?
Nếu như huyễn phi huyễn
Có tánh khác biệt nhau
Ắt có chẳng như huyễn
Sắc tướng chẳng có nhân
Mà hiện tướng như huyễn
Thì chẳng có đủ thứ
Tướng huyễn để chấp trước
Cho tương tự như huyễn

Phật bảo ngài Đại Huệ
- Chẳng phải đủ thứ tướng
Huyễn chấp trước tương tự
Nói các pháp như huyễn
Tất cả pháp chẳng thật
Chóng diệt như điện chớp
Nên gọi là như huyễn

Ví như điện chợp hiện
Chỉ trong một sát na
Mới hiện đã liền diệt
Tất cả tánh như thế
Chẳng thuộc nơi hữu vô
Chỉ do tâm vọng tưởng
Chấp tự tướng cộng tướng
Nếu quán sát vô tánh
Thì chẳng phải sắc tướng
Chấp trước của phàm phu

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Phi huyễn chẳng thể dụ,
Thuyết pháp tánh như huyễn,
Chẳng thật như điện chớp,
Cho nên nói như huyễn.

— Hết trích —



NÓI VÔ SANH NHƯ HUYỄN KHIẾN LÌA HY VỌNG

Đại Huệ lại bạch Phật:
-Như Thế Tôn sở thuyết
Tất cả tánh vô sanh
Các pháp đều như huyễn
Vậy chẳng phải Thế Tôn
Trước sau nói trái nhau
Sao Thế Tôn lại nói
Vô sanh tánh như huyễn

Phật bảo ngài Đại Huệ:
-Chẳng phải là ta nói
Vô sanh tánh như huyễn
Mà có lỗi trái nhau
Nói sanh mà vô sanh
Là dùng để thấy rõ
Hiện lượng nơi tự tâm
Nói hữu và phi hữu
Nói ngoài tánh phi tánh
Là phương tiện hiện bày
Các pháp vốn vô sanh
Chẳng phải thuyết của ta
Có lỗi trước sau trái
Vì bác thuyết nhân sanh
Của tà sư ngoại đạo
Ta thuyết tánh vô sanh
Đại Huệ ông nên biết
Ngoại đạo vì si mê
Muốn hữu vô đều thật
Chẳng biết do tự tâm
Vọng tưởng chấp trước nơi
Đủ mọi thứ nhân duyên
Mà vọng khởi sanh ra

Lại nữa này Đại Huệ
Ta dùng thuyết vô sanh
Phá cái chấp hữu vô
Lại nữa này Đại Huệ
Ta thuyết tánh âm thanh
Là vì đệ tử ta
Tạo đủ các ác nghiệp
Mà nhiếp thọ sanh tử
Và phá những chấp
Vô kiến và đoạn kiến[18]

Lại nữa này Đại Huệ
Vì phàm phu mê lầm
Đoạn ác kiến hy vọng
Chẳng biết tâm hiện lượng
Vì khiến họ lìa bỏ
Tướng tánh của tự tánh
Nên thuyết pháp như huyễn
Vì phá tướng chấp trước
Nhân duyên sanh của họ
Nên nói tất cả pháp
Tự tánh như mộng huyễn
Khiến lìa bỏ chấp trước
Các ác kiến hy vọng
Tất cả pháp tự-tha
Được thấy chỗ như thật
Chẳng kiến lập tà luận
Đại Huệ ông nên biết
Thấy các pháp như thật
Vượt tự tâm hiện lượng

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muôn tuyên lại nghĩa trên
Mà thuyết bài kệ rằng

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Vô Tác, tánh vô sanh,
Chấp tánh nhiếp sanh tử.
Quán sát pháp như huyễn,
Nơi tướng chẳng khởi vọng.

— Hết trích —

LÌA LỜI NÓI ĐƯỢC NGHĨA

Lại nữa này Đại Huệ
Đại Bồ Tát khéo quán
Danh thân, cú thân, hình thân
Vì Bồ Tát khéo quán
Danh cú hình cho nên
Thuyết tướng danh cú hình
Theo đó mà vào nghĩa
Cú thân và hình thân
Chóng đắc vô thượng giác
Tự giác như thế rồi

Giác tất cả chúng sanh
Lại nữa này Đại Huệ
Nói danh thân tức là
Y sự mà lập danh
Nói cú thân nghĩa là
Trong cú có nghĩa thân
Để quyết định nghĩa lý
Cứu cánh của tự tánh
Nói hình thân tức là
Hiển thị nghĩa danh cú
Lại nữa nói hình thân
Có dài ngắn cao thấp
Thân còn có nghĩa là
Đường đi và dấu vết
Như đường đi dấu vết
Của voi ngựa người thú
Lại nữa này Đại Huệ
Nói danh và hình là
Dùng danh để hiển bày
Bốn ấm kia vô sắc
Thọ tưởng hành và thức
Vì hiện bày tự tướng
Cho nên lại nói hình
Tức danh cú hình thân
Đối với ngần mé của
Tướng danh cú hình thân
Cần phải nên tu học

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Liền thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Danh thân với cú thân,
Và hình thân sai biệt,
Phàm phu vọng chấp trước,
Như voi mắc đầm lầy.

– Hết trích –

NGHĨA CHẲNG Ở LỜI NÓI

Lại nữa này Đại Huệ
Người trí đời vị lai
Thông đạt nghĩa ta thuyết

Dùng nghĩa lìa kiến chấp
Nhất dị đồng chẳng đồng
Nếu hỏi người vô trí
Thì họ lại đáp rằng:
- Sự hỏi này chẳng đúng
Bởi nói các sắc tướng
Là thường hay vô thường
Là khác hay chẳng khác
Chư hạnh của Niết Bàn
Kiến lập tướng sở tướng
Hoặc là y sở y
Hoặc là kiến sở kiến
Hoặc là tạo sở tạo
Nói trần và vi trần
Nói tu và kẻ tu
Là lần lượt so sánh
Thật ra mà người trí
Hỏi ở phần kể trên
Đều chỉ là vô ký[19]
Hý luận của Phật thuyết
Thực có nghĩa thâm sâu
Người mê chẳng thể biết
Vì không đủ trí huệ
Đức Như Lai thương xót
Khiến họ lìa kinh sợ
Nên nói pháp vô ký
Hoặc nói thuyết chỉ ký
Cũng vì phá nhị kiến
Tà luận của ngoại đạo
Chứ chẳng phải không thuyết

Lại nữa này Đại Huệ
Cái thuyết của ngoại đạo
Nói mạng tức là thân
Lời nói như thế đó
Mới là vô ký luận
Các ngoại đạo ngu si
Nhân lập vô ký luận
Không phải thuyết của ta
Lại nữa này Đại Huệ
Sở thuyết của Như Lai
Lìa năng nhiếp sở nhiếp
Chẳng sanh các vọng tưởng
Mà để phá kiến chấp[20]
Lại nữa này Đại Huệ
Bởi vì họ chấp trước

Năng nhiếp và sở nhiếp
Chẳng biết tâm hiện lượng
Nên ta phá chấp họ
Dùng bốn thứ ký luận(21)
Vì chúng sanh thuyết pháp
Lại nữa này Đại Huệ
Ta thuyết chỉ ký luận
Vì người đang si mê
Chẳng phải là vì người
Căn đã được thuần thục

Lại nữa này Đại Huệ
Tất cả pháp xa lìa
Các nhân duyên sở tác
Nghĩa là chúng vô sanh
Vì chẳng có kẻ tác
Lại nữa này Đại Huệ
Các pháp lìa tự tánh
Lúc tự khởi giác quán
Thấy tự tánh cộng tánh
Đều là bất khả đắc
Nên nói pháp vô sanh
Tại sao tất cả pháp
Chẳng có thể đem lại
Chẳng có thể đem đi
Vì tự tướng cộng tướng
Đều là bất khả đắc
Nên dù muốn đem lại
Không có gì đem lại
Và khi muốn đem đi
Không có gì đem đi
Thế nên nói các pháp
Lìa đem lại đem đi
Lại nữa này Đại Huệ
Tất cả pháp chẳng diệt
Vì chẳng có tánh tướng
Của bản thân tự tánh
Các pháp bất khả đắc
Nên các pháp chẳng diệt
Lại nữa này Đại Huệ
Tất cả pháp vô thường
Vì tướng của sanh khởi
Chẳng có tánh thường hằng
Tất cả pháp là thường
Vô sanh chẳng sanh khởi
Nên vô thường là thường

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Ký luận có bốn thứ[21]
Nhất hướng, phản cật vấn.
Phân biệt và chỉ luận,
Để đối trị ngoại đạo.
Thầy Số Luận [22]*, Thắng Luận,*
Hiển thị như thế này:
Pháp hữu và phi hữu,
Tất cả đều vô ký.
Nếu chánh giác phân biệt,
Tự tánh bất khả đắc.
Vì lìa nơi ngôn thuyết,
Nên nói lìa tự tánh.

--hết trích--



BỐN QUẢ THANH VĂN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết tứ quả tứ hướng
Của giáo thừa Thanh Văn
Tướng thông và sai biệt
Nếu Bồ Tát khéo biết
Tướng thông và sai biệt
Của tứ quả tứ hướng
Thì có nhiều phương tiện
Vì chúng sanh thuyết pháp
Khiến chúng sanh thông đạt
Chỗ cứu cánh của pháp
Như hai tướng vô ngã
Diệt trừ sạch hai mê
Phiền não sở tri chướng
Trải qua tướng chư địa
Đến cảnh giới cứu cánh
Bất tư nghì Như Lai
Giống hạt châu ma ni
Tuỳ sắc khéo dùng pháp
Nơi cảnh giới vô tận
Thân tài để nhiếp thọ
Lợi ích thảy chúng sinh

Phật bảo ngài Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

QUẢ TU ĐÀ HOÀN

Đại Huệ bạch Phật rằng:
- Lành thay Đức Thế Tôn
Con nguyện xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Có ba thứ Tu Đà Hoàn
Nghĩa là hạ trung thượng
Hạ đó bảy đời sanh
Mới được vào Niết Bàn
Trung ba hoặc năm đời
Mới được vào Niết Bàn
Thượng đó ngay đời ấy
Liền được vào Niết Bàn

Ba hạng có ba kết
Đó là hạ trung thượng
Thân kiến rồi nghi kiến
Cuối cùng giới thủ kiến
Đó ba kết sai biệt
Dần dần tiến lên thì
Đắc quả A La Hán

Thân kiến có hai thứ
Câu sanh và vọng tưởng[23]
Tự tánh vọng tưởng là
Nương theo nơi tự tánh
Thì các thứ vọng tưởng
Tự chấp trước sanh khởi
Tướng vọng tưởng chẳng thật
Phi hữu và phi vô
Cũng chẳng phải hữu vô
Mà phàm phu vọng tưởng
Chấp tự tánh vọng tưởng
Như con nai đang khát
Tưởng ảo ảnh là nước
Là thân kiến vọng tưởng
Của bậc Tu Đà Hoàn

Tu theo nhơn vô ngã
Nhiếp thọ pháp vô tánh
Trừ vô tri chấp trước
Từ vô thỉ xa lâu

Lại nữa này Đại Huệ
Câu sanh là thân kiến
Của bậc Tu Đà Hoàn
Chấp tự thân tha nhân
Tướng bốn ấm vô sắc
Có năng tạo sở tạo
Lần lượt làm nhân tướng
Mà sanh ra sắc ấm
Vì đại chủng và sắc
Chẳng phải là một thứ
Nên Tu Đà Hoàn quán
Pháp hữu vô chẳng hiện
Thì thân kiến liền đoạn
Thân kiến đã đoạn rồi
Thì tham dục chẳng sanh
Gọi tướng thân kiến hết

Lại nữa này Đại Huệ
Tướng nghi là tướng thấy
Được các pháp thiện lành
Và hai thứ vọng tưởng
Thân kiến trên đã dứt
Thì pháp nghi chẳng sanh
Không ở nơi khác mà
Khởi kiến chấp nghi sư
Là tịnh hay bất tịnh
Thì nghi sư đã dứt
Đến đây thì nghi lý
Nghi pháp và nghi sư
Đều đã diệt trừ hết
Ấy gọi là tướng nghi
Của Tu Đà Hoàn hết

Lại nữa này Đại Huệ
Giới thủ kiến là gì?
Đà hoàn chẳng thủ giới
Vì thấy rõ tướng khổ
Nơi vị lai thọ sanh
Cho nên chẳng thủ giới
Lại nữa này Đại Huệ
Nói thủ là quyết định
Thực tập sự khổ hạnh
Tinh tấn của phàm phu
Cầu sanh nơi cảnh giới
An vui của cõi trời
Bậc trí họ chẳng thủ
Là hồi hướng ở nơi
Chỗ tối thắng tự giác
Vốn xa lìa vọng tưởng
Tu các pháp vô lậu
Hành tướng và phương tiện
Dù là chẳng thủ giới
Nhưng thọ trì giới chi
Ấy là đoạn dứt tướng
Giới thủ tu đà hòan
Đoạn dứt trừ tam kết
Tham si chẳng khởi sanh
Nếu Tu Đà Hoàn nghĩ
Chẳng thành tựu kết này
Ắt sẽ có hai lỗi
Đọa thân kiến chấp trước
Và các kết chẳng dứt

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Phật nói nhiều tham dục
Họ đoạn tham dục gì
Phật bảo ngài Đại Huệ
- Đoạn dứt những trói buộc
Như yêu thích người nữ
Tham trước các phương tiện
Tạo thân khẩu ác nghiệp
Thọ sự vui trước mắt
Gieo nhân khổ đời sau
Chẳng sanh tham dục trên
Vì họ đắc sự vui
Của Tam Muội chánh thọ
Dứt tham dục thế gian
Chẳng dứt ham Niết Bàn

QUẢ TƯ ĐÀ HÀM

Lại nữa này Đại Huệ
Tư Đà Hàm là gì?
Ấy là đốn chiếu soi
Sắc tướng của vọng tưởng
Chẳng sanh thấy tướng sanh
Khéo thấy tướng thiền hạnh
Vãng thế gian một lần
Mong dứt sạch phiền não
Để đắc pháp Niết Bàn
Gọi là Tư Đà Hàm

QUẢ A NA HÀM

Lại nữa này Đại Huệ
A Na Hàm là gì
Là đoạn dứt sự sanh
Kiến chấp của kết tập
Các tập khí phiền não
Chẳng khởi sanh vọng tưởng
Sắc tướng nơi quá khứ
Vị lại và hiện tại
Vọng tưởng tánh phi tánh
Gọi là A Na Hàm

QUẢ A LA HÁN

Lại nữa này Đại Huệ
Nói là A La Hán

Là do sức sáng suốt
Đạt giải thoát Tam Muội
Đắc chứng cảnh giới thiền
Dứt sạch tất cả khổ
Phiền não của vọng tưởng
Bao gồm tánh phi tánh
Gọi là A La Hán

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Thế Tôn thuyết ba hạng
Thánh nhơn A La Hán
Phật nói A La Hán
Là thuộc thứ hạng nào
Đắc tịch tịnh Nhất thừa
Đại Bồ Tát phương tiện
Thị hiện A La Hán
Để giúp Phật giáo hóa

Phật bảo ngài Đại Huệ
- Đắc tịch tịnh là đạo
Nhất thừa của Thanh Văn
Thừa khác là Bồ Tát
Do phương tiện bổn nguyện
Nên ở nơi chúng sanh
Thị hiện thọ sanh tử
Để giúp Phật giáo hóa
Cũng vì để trang nghiêm
Quyến thuộc của Phật vậy
Lại nữa này Đại Huệ
Ở trong nơi vọng tưởng
Thuyết đủ các thứ pháp
Nói đắc quả đắc thiền
Thiền giả và nhập thiền
Cả thảy đều xa lìa
Lại thị hiện chứng đắc
Trong tự tâm hiện lượng
Đắc tướng quả đắc quả
Lại nữa này Đại Huệ
Muốn siêu việt cảnh thiền
Vô lượng vô sắc giới
Lìa tự tâm hiện lượng
Lại nữa này Đại Huệ
Nói chánh thọ thọ tưởng
Mà siêu việt cảnh giới
Của tự tâm hiện lượng
Thực ra là chẳng đúng

Vì còn tâm lượng vậy

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa ấy
Mà thuyết bài kệ rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Chư thiền Tứ vô lượng,
Vô sắc Tam Ma Đề.
Tất cả thọ, tưởng diệt,
Tâm lượng vốn không có[23].
Sơ quả và nhị quả,
Tam quả A Na Hàm.
Tứ quả A La Hán,
Đều dứt tâm mê hoặc.
Thiền giả duyên thiền định,
Đoạn chấp thấy Chơn Đế.
Dù vọng tưởng vô lượng,
Giác ngộ liền giải thoát.

– Hết trích –

QUÁN SÁT GIÁC

Này Đại Huệ nên biết
Lại có hai thứ giác
Tức là quán sát giác
Và vọng tưởng nhiếp thọ
Chấp trước kiến lập giác

Lại nữa này Đại Huệ
Nói quán sát giác là
Tướng tự tánh giác tánh
Nếu quán sát phân biệt
Lìa tứ cú bất đắc
Gọi là quán sát giác
Lại nữa này Đại Huệ
Lìa các tướng nhị biên
Nhất dị đồng chẳng đồng
Hữu vô phi hữu vô
Thường hằng và vô thường
Đó gọi là tứ cú
Đại Huệ ông nên biết
Lìa tứ cú chính là

Nhập vào nhất thiết pháp
Cần nên phải tu học
Quán nhất thiết pháp này

VỌNG TƯỞNG GIÁC

Lại nữa này Đại Huệ
Tướng vọng tưởng nhiếp thọ
Chấp trước kiến lập giác
Là nói tướng vọng tưởng
Nhiếp thọ và chấp trước
Tướng vọng tưởng chẳng thật
Như địa thủy hỏa phong
Tứ đại chủng và tướng
Tông nhơn và thí dụ
Giác được chỗ kiến lập
Chẳng thật mà chấp trước

Đại Bồ Tát thành tựu
Hai thứ giác tướng này
Đến tướng cứu cánh của
Tướng nhơn pháp vô ngã
Thì khéo biết phương tiện
Của vô sở hữu giác
Quán sát nơi hành địa
Đắc quả thánh sơ địa
Vào trăm thứ Tam Muội
Đắc sai biệt Tam Muội
Thị hiện trăm thân Phật
Và trăm thân Bồ Tát
Biết các việc ở trăm
Kiếp quá khứ vị lai
Ánh sáng tự tâm chiếu
Trăm quốc độ chư Phật
Biết tướng địa Bồ Tát
Thành đại nguyện thù thắng
Và thần lực tự tại
Pháp vân địa quán đảnh
Sẽ chứng đắc thánh quả
Như Lai tự đắc địa
Dùng thập vô tận cú[24]
Để thành tựu chúng sanh
Đủ các thứ biến hóa
Để quang minh trang nghiêm
Đắc tự giác thánh lạc
Và Tam Muội chánh thọ

TỨ ĐẠI TẠO SẮC

Lại nữa này Đại Huệ
Đại Bồ Tát nên khéo
Tạo sắc tứ đại chủng
Bồ Tát giác chơn đế
Thì tứ đại chẳng sanh
Ở nơi vô sanh này
Mà quán sát như thế
Quán sát rồi giác được
Ngằn mé và danh tướng
Của tất cả vọng tưởng
Ngằn mé của tâm hiện
Và ngoài tánh phi tánh
Tâm hiện vọng ngằn mé
Lại quán Tam giới kia
Lìa tạo sắc tứ đại
Thông đạt nghĩa tứ cú
Lìa ngã và ngã sở
Tự tướng như thật tướng
Lìa trụ phần sanh tử
Đắc tự tướng vô sanh
Lại nữa này Đại Huệ
Làm sao tứ đại chủng
Lại sanh khởi tạo sắc
Vọng tưởng thấm đại chủng
Sanh nội ngoại thủy giới
Rồi cái năng sanh của
Vọng tưởng các đại chủng
Sanh nội ngoại hỏa giới
Vọng tưởng đại chủng động
Sanh nội ngoại phong giới
Vọng tưởng đại chủng ngăn
Sanh nội ngoại địa giới
Do chấp sắc hư không
Và chấp trước lý tà
Thì ngũ uẩn tập hợp
Sự tạo sắc tứ đại
Do đó mà sanh khởi

Lại nữa này Đại Huệ
Nói thức ấm là do
Thích cảnh giới lục trần
Dính mắc chẳng buông bỏ
Nên tương tục thọ sanh

Trầm luân nơi lục đạo
Lại nữa này Đại Huệ
Địa thủy hỏa phong chủng
Và sở tạo sắc pháp
Là do thức âm duyên
Theo nghiệp sanh tứ đại
Chẳng phải tứ đại tự
Làm duyên sanh thức ấm
Vì hình tưởng tự tánh
Chỗ sở tác vô tánh
Nên đại chủng chẳng sanh
Lại nữa này Đại Huệ
Hình tướng tự tánh do
Chỗ sở tác phương tiện
Hòa hợp mà sanh ra
Chẳng phải là vô hình
Cho nên tướng tứ đại
Tạo tác là vọng tưởng
Của tà sư ngoại đạo
Chẳng phải thuyết của Ta

Lại nữa này Đại Huệ
Nay Như Lai sẽ thuyết
Tướng tự tánh các ấm
Nói ngũ ấm chính là
Sắc thọ tưởng hành thức
Bốn ấm phi sắc là
Thọ tưởng hành và thức
Đại Huệ ông nên biết
Sắc ấm là tứ đại
Tạo sắc tướng khác biệt
Bốn ấm vô sắc kia
Chẳng phải là vô sắc
Mà có được bốn số
Thật giống như hư không
Hư không vốn siêu việt
Tướng số lìa nơi số
Thật chẳng có số lượng
Vọng nói một hư không
Đại Huệ ông nên biết
Bốn âm vô sắc kia
Cũng siêu việt tướng số
Xa lìa nơi số lượng
Xa lìa tánh phi tánh
Xa lìa nghĩa tứ cú
Vì nói tướng số là

Ngôn thuyết của phàm phu
Chẳng phải thánh hiền vậy

Lại nữa này Đại Huệ
Bậc thánh nói như huyễn
Sắc tướng lìa dựng lập
Khác hay là chẳng khác
Lại nữa này Đại Huệ
Thánh trí đồng như tướng
Vọng tưởng ngũ ấm hiện
Tướng tự tánh các ấm
Các ông nên diệt trừ
Diệt rồi thuyết tịch tịnh
Dứt tất cả kiến chấp
Của tà sư ngoại đạo
Nơi tất cả cõi Phật

Lại nữa này Đại Huệ
Lúc nói pháp tịch tịnh
Là thấy vô ngã tịnh
Và vào bất động địa
Chứng đắc đệ bát địa
Đắc vô lượng Tam Muội
Chứng đắc ý sanh thân
Và như huyễn Tam Muội
Thông đạt sự cứu cánh
Sáng tỏ và tự tại
Lợi ích tất cả chúng
Giống như là đại địa
Năng nuôi dưỡng chúng sanh
Đại Bồ Tát phổ độ
Chúng sanh cũng như thế

NIẾT BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO

Lại nữa này Đại Huệ
Ngoại đạo có bốn thứ
Vọng chấp làm Niết Bàn

1.Tánh tự tánh phi tánh
2.Tướng tự tánh phi tánh
3.Giác tự tánh phi tánh
4.Tương tục lưu chú của
Tự tướng và cộng tướng
Nơi ngũ ấm đoạn dứt

Niết bàn của ngoại đạo
Chẳng phải thuyết của Ta

VỌNG TƯỞNG DIỆT LÀ NIẾT BÀN

Đại Huệ ông nên biết
Pháp của Ta thuyết là
Các thức vọng tưởng diệt
Gọi đó là Niết Bàn

Đại Huệ lại bạch Phật
- Phật chẳng há kiến lập
Thức thứ tám đó ư?

Phật đáp: - Có kiến lập
Đại Huệ liền hỏi Phật
- Nếu kiến lập thì sao
Chỉ xa lìa ý thức
Tức là thức thứ sáu
Chẳng lìa thức thứ bảy

Phật trả lời Đại Huệ
- Vì lìa sự phan duyên
Thức thứ sáu kia rồi
Thức thứ bảy chẳng sanh
Ý thức là phân biệt
Cảnh giới phần đoạn của
Các pháp tiền ngũ thức
Đang lúc phân biệt đó
Liền sanh khởi chấp trước
Thì tất cả tập khí
Nuôi dưỡng nơi tạng thức
Khởi hiện hành chủng tử
Thức thứ bảy truyền vào
Trong thức thứ tám vậy
Chấp trước ngã ngã sở
Thì nhân duyên tư duy
Lại được dịp sanh khởi
Thân tướng chẳng bị hoại
Tạng thức do ý thức
Phan duyên thì cảnh giới
Nơi tự tâm liền hiện
Tâm chấp trước liền sanh
Các thức liền lần lượt
Làm nhân lẫn cho nhau
Cũng như làn sóng điện

Do ngọn gió cảnh giới
Của tự tâm hiện thổi
Làm cho sóng các thức
Hoặc khởi sanh hủy diệt
Cũng lại như thế đó
Cho nên Như Lai thuyết
Ý thức diệt rồi thì
Thức thứ bảy cũng diệt

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Ta chẳng trụ Niết Bàn.
Tướng năng tác, sở tác.
Tánh Niết Bàn ta thuyết,
Lìa vọng tưởng nhĩ diệm.
Do thức phan duyên nhau,
Thành đủ thứ thân hình.
Gốc nhân chính là tâm,
Nơi nương tựa của thức.
Như dòng nước đã cạn,
Thì làn sóng chẳng khởi.
Vậy ý thức diệt rồi,
Thì các thức chẳng sanh

– Hết trích –

VỌNG TƯỞNG TỰ TÁNH

Lại nữa này Đại Huệ
Nay ta sẽ thuyết giảng
Các tướng thông phân biệt
Của vọng tưởng tự tánh
Nếu khéo léo phân biệt
Thì các đại Bồ Tát
Xa lìa được vọng tưởng
Đắc tự giác thánh trí
Hết chẳng còn vọng tưởng
Tướng và hành duyên khởi
Từ vọng tưởng tự tánh
Năng nghiếp và sở nhiếp
Đều trọn được đoạn dứt
Là giác được kiến chấp

Thần thông của ngoại đạo

Lại nữa này Đại Huệ
Tướng thông phân biệt của
Vọng tưởng tự tánh là:

Ngôn thuyết vọng tưởng
Sở thuyết sự vọng tưởng
Tưởng vọng tưởng
Lợi vọng tưởng
Tự tánh vọng tưởng
Nhân vọng tưởng
Kiến vọng tưởng
Thành vọng tưởng
Sanh vọng tưởng
Bất sanh vọng tưởng
Tương tục vọng tưởng
Phược bất phược vọng tưởng

Lại nữa này Đại Huệ
Ngôn thuyết vọng tưởng là
Chấp đủ thứ âm nhạc
Cho đó là lạc thú

Lại nữa thế nào là
Sở thuyết sự vọng tưởng
Đó chính là nói có
Sở thuyết của tự tánh
Do thánh trí hiểu biết
Sanh ngôn thuyết vọng tưởng

Thế nào tướng vọng tưởng
Ngay nơi sở thuyết kia
Như con nai đang khát
Tưởng ảo ảnh là nước
Chẳng thật mà chấp thật
Nói tướng của tứ đại
Tánh đều thuộc vọng tưởng
Gọi là tướng vọng tưởng

Thế nào lợi vọng tưởng
Nói tự tánh có thật
Chấp trì như thế đó
Chẳng khác với ác kiến
Gọi là lợi vọng tưởng

Thế nào nhân vọng tưởng
Nói hoặc nhân hoặc duyên
Để phân biệt hữu vô
Thì tướng nhân sanh khởi
Gọi là nhân vọng tưởng

Thế nào kiến vọng tưởng
Là đối với các thuyết
Nhất dị đồng chẳng đồng
Những vọng tưởng ác kiến
Của tà sư ngoại đạo
Nổi vọng tưởng chấp trước
Gọi là kiến vọng tưởng

Thế nào thành vọng tưởng
Là đối với tư tưởng
Của ngã và ngã sở
Lập thành luận quyết định
Gọi là thành vọng tưởng
Thế nào sanh vọng tưởng
Duyên theo tánh hưu vô
Mà sanh khởi chấp trước
Gọi là sanh vọng tưởng

Bất sanh vọng tưởng là
Là nói tất cả tánh
Vốn vô sanh vô chủng
Duyên sanh thân vô nhân
Chẳng có nhân ban đầu
Là bất sanh vọng tưởng

Tương tục vọng tưởng là
Nói vật này vật kia
Liên hệ lẫn với nhau
Kim và chỉ liền nhau
Mới có thể may vá
Là tương tục vọng tưởng

Phược bất phược vọng tưởng
Nói trói chẳng trói là
Do nhân duyên chấp trước
Phương tiện của sĩ phu
Hoặc trói hoặc mở trói
Phược bất phược vọng tưởng

Lại nữa này Đại Huệ

Tướng thông và phân biệt
Của vọng tưởng tự tánh
Các phàm phu chấp trước
Cho là hữu và vô
Lại nữa này Đại Huệ
Do duyên khởi chấp trước
Vọng tưởng của tự tánh
Hiện ra đủ như huyễn
Khiến phàm phu vọng tưởng
Thấy huyễn tướng khác nhau
Lại nữa này Đại Huệ
Mỗi thứ tướng như huyễn
Chẳng khác chẳng không khác
Nếu nói khác thì huyễn
Chẳng phải nhân của kia
Nếu nói chẳng huyễn thì
Thứ kia chẳng sai biệt
Mà lại thấy sai biệt
Do đó nên ta nói
Chẳng khác chẳng không khác
Cho nên này Đại Huệ
Ông và các Bồ Tát
Với vọng tưởng tự tánh
Duyên khởi tướng như huyễn
Khác hay là chẳng khác
Là hữu hay là vô
Chớ nên mà chấp trước

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa trên
Mà thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Trói tâm nơi cảnh giới,
Trí giác tưởng chuyển theo.
Thắng giải vô sở trụ,
Trí huệ bình đẳng sanh.
Vọng tưởng thì tánh hữu,
Nơi duyên khởi thì vô.
Vọng tưởng và nhiếp thọ,
Phi vọng tưởng duyên khởi.
Mỗi mỗi phân biệt sanh,
Như huyễn lại chẳng thành.

Dù hiện đủ thứ tướng,

Vọng tưởng cũng chẳng thành.
Chấp trước là lỗi lầm,
Đều do tâm trói sanh.
Vọng tưởng vốn vô tri,
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tánh các vọng tưởng này,
Tức là duyên khởi kia.
Vọng tưởng có đủ thứ,
Nơi duyên khởi vọng tưởng.

Tục Đế Đệ Nhất Nghĩa,
Ngoại đạo chấp thành ba(26)*.*
Cho là vô nhân sanh,
Dứt vọng tưởng Tục Đế,
Là cảnh giới bậc Thánh.

Ví như sự tu hành,
Một không (hư không) hiện nhiều mây.
Hư không vốn chẳng mây,
Lại hiện mây như thế.
Tâm cũng như hư không,
Vọng tưởng hiện nhiều sắc.
Do duyên khởi mà hiện,
Chẳng phải sắc phi sắc,
Ví như luyện vàng ròng,
Lọc bỏ các tạp chất,
Vàng thiệt liền hiện ra.
Vọng tưởng sạch cũng vậy.

Tự tánh chẳng vọng tưởng,
Vì duyên khởi thành có.
Kiến lập và phủ định,
Thảy đều do vọng tưởng.
Vọng tưởng nếu vô tánh,
Mà có tánh duyên khởi.
Vô tánh sanh hữu tánh,
Hữu tánh sanh vô tánh,
Nương nhau nơi vọng tưởng,
Mà thành tướng duyên khởi.
Danh tướng thường theo nhau,
Mà sanh các vọng tưởng,
Độ thoát các vọng tưởng,
Rồi thành trí trong sạch,
Gọi là Đệ Nhất Nghĩa.

Duyên khởi có sáu thứ,

Vọng tưởng có mười hai.
Tự giác và nhĩ diệm,
Vốn chẳng có sai biệt.
Năm pháp đều chân thật,
Tự tánh có ba thứ.
Tu hành thấu nghĩa này,
Chẳng ngoài nơi Như như.

Các tướng và duyên khởi,
Đều gọi "khởi vọng tưởng".
Các tướng vọng tưởng kia,
Từ duyên khởi mà sanh.
Giác huệ khéo quán sát,
Vô duyên vô vọng tưởng.
Thành tựu tánh vô sanh,
Thế nào giác vọng tưởng.
Do tự giác vọng tưởng,
Kiến lập hai tự tánh:
Là hiện cảnh vọng tưởng,
Và cảnh giới bậc Thánh.
Vọng tưởng như tranh vẽ,
Duyên khởi tức vọng tưởng.
Nếu nói khác vọng tưởng,
Là luận của ngoại đạo.
Do nhị kiến hòa hợp,
Sanh năng tưởng, sở tưởng.
Lìa hai năng, sở ấy,
Thành trí huệ bình đẳng.

– Hết trích –

TỰ GIÁC THÁNH TRÍ

Đại Huệ lại bạch Phật
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết tự giác thánh trí
Và giáo lý Nhất thừa
Khiến con và đại chúng
Khéo léo được tự giác
Chẳng cần nhờ người khác
Mà thông đạt Phật pháp
Phật liền bảo Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ bạch Phật rằng:

- Con cúi xin thọ giáo
Phật lại bảo Đại Huệ
- Sở tri bậc thánh xưa
Là vọng tưởng vô tánh
Từng đời truyền thọ nhau
Nghĩa là đại Bồ Tát
Tự ở nơi thanh tịnh
Quán sát mà tự giác
Chẳng do người khác thuyết
Lìa kiến chấp vọng tưởng
Dần dần mà tiến lên
Vào địa vị Như Lai
Vì thế nên gọi là
Tướng tự giác thánh trí

NHẤT THỪA

Lại nữa này Đại Huệ
Thế nào tướng Nhất thừa
Ấy là giác Nhất thừa
Ta nói là Nhất thừa
Là nói nhiếp sở nhiếp
Của tất cả vọng tưởng
Chỗ như thật chẳng vọng
Gọi là Nhất thừa giác
Lại nữa này Đại Huệ
Nói là Nhất thừa giác
Trừ đức Như Lai ra
Chẳng phải hàng ngoại đạo
Thanh Văn và Duyên Giác
Và các vua Phạm Thiên
Mà có thể giác được
Nên gọi là Nhất thừa

TAM THỪA TUỲ CƠ

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Tại sao nói Tam Thừa
Mà chẳng nói Nhất thừa
Phật liền bảo Đại Huệ
Vì Thanh Văn Duyên Giác
Đối với pháp Niết Bàn
Chẳng thể nào tự chứng
Nên chẳng nói Nhất thừa
Như Lai muốn điều phục
Thanh Văn và Duyên Giác

Truyền thọ pháp tịch tịnh
Khiến họ nhờ phương tiện
Mà chứng đắc giải thoát
Chẳng do sức của mình
Nên chẳng nói Nhất thừa

NHẤT THỪA BÌNH ĐẲNG

Lại nữa này Đại Huệ
Đối với các loại người
Chẳng dứt trừ tập khí
Nghiệp chướng và phiền não
Nên chẳng vì bọn họ
Thanh Văn và Duyên Giác
Mà nói pháp Nhất thừa
Đối với người chưa dứt
Trừ được pháp vô ngã
Lìa phần đoạn sanh tử
Cho nên thuyết Tam Thừa
Lại nữa này Đại Huệ
Nếu bọn họ dứt được
Các mê lầm tập khí
Giác được pháp vô ngã
Thì tất cả mê lầm
Tập khí và phiền não
Sẽ không thể sanh khởi
Đối với sự phi tánh
Chấp trước và ham thích
Mùi vị của Tam Muội
Bậc vô lậu giác được
Rồi lại vào thế gian
Dần từ bậc vô lậu
Đến Bồ Đề viên mãn
Sẽ chứng đắc pháp thân
Tự tại bất tư nghì
Của Thế Tôn Như Lai

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Chư Thiên và Phạm chúng,
Thừa Thanh Văn, Duyên Giác.
Chư Phật Như Lai Thừa,

Ta thuyết những thừa này.
Cho đến tâm thức chuyển,
Các thừa chẳng cứu cánh.
Nếu tâm thức diệt sạch,
Thì chẳng thừa vô Thừa.
Chẳng có "Thừa" kiến lập,
Nên ta nói Nhất thừa.

Vì dẫn dắt chúng sanh,
Phân biệt nói các thừa.
Giải thoát có ba thứ
Nhân (người) và pháp vô ngã.
Phiền não sở tri chướng
Xa lìa được giải thoát.
Như gỗ nổi mặt biển,
Tùy làn sóng xoay chuyển.
Bậc Thanh Văn cũng thế,
Bị tướng gió thổi trôi.
Tu tập diệt phiền não,
Còn tập khí sót lại.
Ham mùi vị Tam Muội,
An trụ cõi vô lậu.
Chẳng đến chỗ cứu cánh,
Cũng chẳng có lui sụt.
Đắc các thân Tam Muội,
Bất giác (uổng) qua nhiều kiếp.
Ví như người say rượu,
Rượu tiêu rồi mới tỉnh.
Pháp "giác" họ cũng thế,
Cuối cùng vẫn thành Phật.

– Hết trích –



PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN BA
BA THỨ Ý SANH THÂN

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại nói
Đại Huệ rằng: - Ông khéo lóng tâm
Cố gắng ghi nhớ tỏ tường
Nay ta sẽ thuyết ý sanh thân thành
Lý tướng thông ngọn ngành phân biệt
Đại Huệ rằng : -Hay tuyệt lành thay
Cúi xin thọ giáo Như Lai
Phật bảo Đại Huệ: - Có thời ba thân

Tam Muội lạc thọ ý sanh thân
Giác pháp tự tánh ý sanh thân
Câu sanh vô hành tác ý sanh thân

Người tu hành liễu tri tướng đó
Dần dần tu tới chỗ hiểu rành
Từ sơ địa khéo tinh cần
Tới khi viên mãn tựu thành ba thân

TỪ SƠ ĐỊA ĐẾN THẤT ĐỊA

Này Đại Huệ sanh thân Tam Muội
Lạc chánh thọ nguồn cội ra sao?
Bồ Tát tam địa đã vào
Hoặc tứ hoặc ngũ thăng hoa tựu thành
Đã an trú biển tâm tịch tịnh
Thức tướng đà đại định chẳng sanh
Hiện tánh phi tánh trong tâm
Tam Muội chánh thọ sanh thân tuyệt vời

ĐỆ BÁT ĐỊA

Giác pháp tự tánh thời thân ý
Đệ bát địa quán trí huyễn hư
Thảy vốn chẳng có chân như
Thân tâm chuyển biến đắc ngay tổng trì
Huyễn Tam Muội và nhiều thứ khác
Tự tại quang chiếu các trang nghiêm
Chóng được như ý ngay liền
Cũng như mộng huyễn hiện tiền khởi sanh
Trăng đáy nước bóng trong gương sáng
Chẳng phải năng sở ráng tạo ra
Trang nghiêm đủ sắc nguy nga

Đại chúng trong cõi Phật Đà đạt thông

PHẬT ĐỊA

Pháp tự tánh sanh thân từ ý
Thế nào là tác ý sanh thân
Câu sanh chủng loại vô hành
Là giác tất cả pháp lành sạch trong
Duyên theo đó tướng hành tự đắc
Hãy chuyên cần liễu giác ba thân
Khi ấy Đức Phật trùng tuyên
Bèn nói bài kệ lời rằng như sau:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Phi thừa phi Đại thừa[27]
Phi thuyết phi văn tự.
Phi đế (Chơn đế) phi giải thoát,
Phi cảnh giới hữu vô.
Pháp Đại thừa Sở chứng
Tự tại Tam Ma Đề
Mỗi mỗi ý sanh thân,
Hoa trang nghiêm tự tại

– Hết trích –



NĂM HẠNH VÔ GIÁN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Liền bạch với Phật rằng:
- Như Thế Tôn đã nói
Thiện nam và tín nữ
Hành nghiệp ngũ vô gián
Mà chẳng đọa A Tỳ
Tại sao lại như thế?

Phật liền bảo Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông nói

Đại Huệ bạch với Phật
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Ngũ vô gián là gì?
Ấy là giết cha mẹ
Hãm hại các La Hán
Phá hoại hòa hợp tăng
Làm thân Phật ra máu

HAI CĂN BẢN ĐOẠN

Lại nữa này Đại Huệ
Nói giết cha mẹ là
Ám chỉ hai căn bản
Của cuộc đời thọ sanh
Do tham ái làm mẹ
Lấy vô minh làm cha
Đoạn dứt hai thứ đó
Gọi là giết cha mẹ

PHÁP CỨU CÁNH ĐOẠN

Thế nào hại La Hán
Như con chuột trúng độc
Thì tất cả tại hại
Do con chuột gây ra
Đều chẳng sanh khởi nữa
Cũng như tất cả pháp
Phiền não do tập khí
Đều cứu cánh đoạn dứt

Gọi là hại La Hán

NGŨ ẤM CỨU CÁNH ĐOẠN

Phá hòa hợp tăng là
Là nói rằng các tướng
Tập khí và phiền não
Khác nhau của ngũ ấm
Hòa hợp và tích tụ
Thảy đều được đoạn dứt
Là phá hòa hợp tăng

BẢY THỨC ĐOẠN

Thế nào là ác tâm
Làm thân Phật ra máu
Vì chẳng biết bản thể
Của bảy thứ thức là
Do tự tâm biến hiện
Chẳng ngoài tự cộng tướng
Nay nói dùng ác tâm
Tam vô lậu giải thoát
Không vô tướng vô nguyện
Để đoạn dứt bảy thức
Nơi tự tánh Như Lai
Gọi là có ác tâm
Làm thân Phật ra máu
Nếu thiện nam tín nữ
Hành những vô gián này
Gọi là ngũ vô gián
Cũng là đẳng vô gián

NGOẠI NGŨ VÔ GIÁN

Lại nữa này Đại Huệ
Pháp ngoài ngũ vô gián
Nay ta sẽ giải thuyết
Ông và các Bồ Tát
Nghe hiểu nghĩa này rồi
Chúng sanh đời vị lai
Chẳng đọa đường ngu si

Ngoài ngũ vô gián là
Nếu người muốn chứng đắc
Pháp ngũ vô gián trên
Hành theo ba giải thoát

Không vô tướng vô nguyện
Đều chẳng thể chứng đắc
Pháp ngũ vô gián được
Cửa không chẳng thể chứng
Cửa vô tướng cũng thế
Dùng vô nguyện cũng vậy
Chẳng thể nào chứng đắc
Là ngoài ngũ vô gián(28)

Ngoại trừ pháp này ra
Lại còn có các pháp
Nhờ thần lực biến hóa(29)
Mà hiện ra vô gián
Như thần lực Thanh Văn
Hoặc thần lực Bồ Tát
Hoặc thần lực Như Lai
Kẻ tạo tội vô gián
Do sám hối tội lỗi
Mà trừ nghi cho họ
Lại khuyến phát nhân lành
Nhờ thần lực biến hóa
Mà hiện ra vô gián
Trừ khi người liễu giác
Được tự tâm hiện lượng
Lìa vọng tưởng thân tài
Lìa được sự nhiếp thọ
Của ngã và ngã sở
Lúc gặp thiện tri thức
Khiến khai ngộ bản tâm
Thì mới được giải thoát
Sự sanh tử tương tục
Trầm luân nơi các cõi
Chứ chẳng phải trước kia
Đã tạo tội vô gián
Mà chẳng đọa địa ngục

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn trùng tuyên nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tham ái gọi là mẹ,
Vô minh gọi là cha.
"Thức" giác ngộ là Phật,
Phiền não là La Hán

Ngũ ấm gọi là Tăng,
Hành vô gián đoạn ác.
Gọi là Ngũ Vô gián,
Chẳng đọa ngục A Tỳ.

— Hết trích —



TRI GIÁC PHẬT

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì đại chúng
Giảng thuyết tri giác Phật

Phật liền bảo Đại Huệ
Giác được nhân vô ngã
Liễu tri được hai chướng
Phiền não và sở tri
Lìa hai thứ sanh tử
Phần đoạn và biến dịch
Đoạn dứt hai phiền não
Vô minh và ái nghiệp
Là tri giác của Phật
Thanh Văn và Duyên Giác
Đắc được pháp này rồi
Cũng được gọi là Phật
Chính vì nhân duyên này
Mà Ta thuyết Nhất thừa
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Khéo biết hai vô ngã,
Hai chướng phiền não dứt.
Lìa hẳn hai sinh tử,
Gọi là tri giác Phật

— Hết trích —

BỐN THỨ BÌNH ĐẲNG

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Tại sao Đức Thế Tôn
Nơi đại chúng nói lời
- Ta là tất cả Phật
Ở nơi đời quá khứ
Có đủ thứ thọ sanh
Xưa kia ta từng làm
Mạn Đà Chuyển Luân Vương
Voi lớn có sáu ngà
Từng là chim anh võ

Hoặc Thích Đề Hoàn Nhân
Hoặc tiên nhơn Thiên Nhãn
Thuyết trăm ngàn quyển kinh
Về thọ sanh như thế

Phật liền bảo Đại Huệ
- Do bốn thứ bình đẳng
Nên Như Lai Ứng Cúng
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác
Nơi đại chúng nói lời:

- Ta là Câu Lưu Tôn
Câu Na Hàm Mâu Ni
Hoặc là Phật Ca Diếp

Bốn thứ bình đẳng đó
Là Tự đẳng ngữ đẳng
Pháp đẳng và thân đẳng
Vì bốn bình đẳng này
Nên Như Lai Ứng Cúng
Ở trong chúng nói thế

Thế nào là tự đẳng
Tự xưng Ta là Phật
Xưng tất cả chư Phật
Mà tự tánh danh tự
Chẳng hề có sai biệt
Ấy gọi là tự đẳng

Thế nào là ngữ đẳng
Ta dùng sau mươi bốn
Thứ phạm âm hiển bày
Ra các tướng ngôn ngữ
Các bậc Như Lai khác
Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác
Cũng dùng sáu mươi bốn
Thứ phạm âm hiển bày
Tướng ngôn ngữ như thế
Chẳng thêm cũng chẳng bớt
Chẳng hề có sai biệt
Tánh phạm âm vi diệu
Như ca lăng tần già
Ấy gọi là ngữ đẳng

Thế nào là thân đẳng
Nói pháp thân của Ta

Với pháp thân chư Phật
Sắc thân và tướng tốt
Chẳng hề có sai biệt
Trừ khi vì điều phục
Loại chúng sanh sai biệt
Mà thị hiện có khác
Ấy gọi là thân đẳng

Thế nào là pháp đẳng
Nói Ta và chư Phật
Đều dùng pháp Bồ Đề
Gồm ba mươi bảy phẩm
Lược thuyết trí vô ngại
Ấy gọi là pháp đẳng
Gọi chung bốn bình đẳng
Cho nên Đức Như Lai
Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác
Ở trong chúng nói thế
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà thuyết bài kệ rằng

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Ca Diếp,Câu Lưu Tôn,
Câu Na Hàm là Ta.
Dùng bốn pháp bình đẳng
Vì Phật tử thuyết pháp.

— Hết trích —



PHẬT GIÁC KHÔNG THỂ NÓI

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Như Thế Tôn sở thuyết
Ta từ đêm kia đắc
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác
Cho đến nhập Niết Bàn
Ở nơi khoảng giữa đó
Chẳng có thuyết một lời
Cũng chẳng phải đã thuyết
Và không phải sẽ thuyết
Chẳng thuyết là Phật thuyết

Đức Như Lai Ứng Cúng
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác
Thế Tôn vì sao nói
- Chẳng thuyết là Phật thuyết

Phật lại bảo Đại Huệ
- Ta chính vì hai pháp
Mà nói rằng như thế
Thế nào là hai pháp
Một duyên tự đắc pháp
Thứ hai bổn trụ pháp
Chính do hai pháp này
Mà ta nói như thế

Duyên tự đắc pháp là
Pháp do chư Như Lai
Đã tựu thành chứng đắc
Chính ta cũng chứng đắc
Không thêm và chẳng bớt
Vào cảnh giới cứu cánh
Của duyên tự đắc pháp
Xa lìa hai tướng của
Ngôn thuyết và văn tự
Chỉ có thể tự đắc
Chỉ bản thân tự biết
Là duyên tự đắc pháp

Thế nào bổn trụ pháp
Đạo pháp bậc thánh xưa
Tánh vàng bạc chẳng hoại
Thường trụ nơi pháp giới
Vô thỉ và vô chung
Hoặc Như Lai ra đời

Hoặc Phật chẳng ra đời
Đạo pháp vẫn thường trụ
Nơi pháp giới như thế
Gọi là bổn trụ pháp
Ví như vị sĩ phu
Đi trong đồng xa vắng
Thấy con đường bằng phẳng
Hướng thẳng về cổ thành
Liền đi theo đường đó
Mà vào được cổ thành
Thọ sự vui như ý
Đại Huệ ông nghĩ sao
Con đường và sự vui
Do người ấy làm ra?
Đáp rằng: - Thưa không ạ
Phật lại bảo Đại Huệ
- Ta và quá khứ Phật
Thường trụ nơi pháp giới
Cũng lại như thế đó
Cho nên ta đã nói
Từ đêm ta đắc đạo
Đến đêm nhập Niết Bàn
Ở trong khoảng giữa đó
Chẳng hề thuyết một chữ
Cũng chẳng phải đã thuyết
Lại chẳng phải sẽ thuyết

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Ta từ đêm thành đạo,
Đến đêm nhập Niết Bàn.
Nơi khoảng chính giữa này,
Chẳng thuyết một chữ nào.
Vì Duyên Tự Đắc Pháp,
Và Pháp Bổn Trụ kia,
Nên Ta và chư Phật,
Thuyết pháp chẳng sai biệt

— Hết trích —



PHẬT GIÁC XA LÌA HAI BÊN

Lúc đó ngài Đại Huệ
Lại thỉnh Đức Thế Tôn
- Cúi xin vì đại chúng
Mà thuyết tướng hữu vô
Của tất cả các pháp

Phật liền bảo Đại Huệ
- Ông chú ý lắng nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ liền bạch Phật
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Thế gian nương hữu vô
Đọa hai thứ dục kiến
Mê lầm tánh phi tánh
Nếu chẳng lìa dục kiến
Chẳng thể thoát sanh tử
Lại nữa này Đại Huệ
Tại sao người thế gian
Lại nương theo pháp hữu
Là nói thế gian này
Do nhân duyên mà sanh
Chẳng phải không hữu sanh
Cũng chẳng phải vô sanh
Đại Huệ ông nên biết
Họ thuyết như thế đó
Nói thế gian vô nhân có

Lại nữa này Đại Huệ
Thế gian nương theo vô
Chỉ vì họ thọ nhận
Tánh tham sân si rồi
Lại vọng tưởng chấp trước
Tham sân si phi tánh
Chẳng chấp lấy là hữu
Lại chấp lấy là vô
Đại Huệ ông nên biết
Nếu chẳng chấp tánh hữu
Thì tánh tướng tịch tịnh
Cho nên chư Như Lai
Thanh Văn và Duyên Giác
Chẳng chấp trước lấy tánh

Tham sân si mà cho
Là hữu hay là vô

Lại nữa này Đại Huệ
Trong đó cái nào hoại

Đại Huệ liền bạch Phật
- Họ trước kia chấp lấy
Tánh tham sân si rồi
Sau chẳng chấp lấy nữa
Ấy gọi là hoại diệt

Phật liền bảo Đại Huệ
- Lành thay thật lành thay
Đúng như ông hiểu đó
Chẳng những tham sân si
Phi tánh là hoại rồi
Với Thanh Văn Duyên Giác
Và chư Phật mười phương
Chẳng chấp tham sân si
Cũng gọi là hoại diệt
Vì trong ngoài bất đắc
Nên tánh của phiền não
Chẳng khác hay không khác

Đại Huệ ông nên biết
Tánh của tham sân si
Trong ngoài bất khả đắc
Vì tánh tham sân si
Chẳng hề có bản thể
Nên chẳng thể chấp lấy
Cho nên nói là hoại
Hoại tánh tham sân si
Chứ chẳng phải hoại diệt
Phật Thanh Văn Duyên Giác
Vì chư Phật mười phương
Thanh Văn và Duyên Giác
Tự tánh vốn giải thoát
Chẳng có tánh làm nhân
Năng trói và sở trói
Đại Huệ ông nên biết
Trói thì phải có nhân
Nói hoại như thế đó
Chẳng có tướng để hoại

Khi ấy Đức Thế Tôn

Muốn lặp lại nghĩa đó
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tâm thấy hữu hoặc vô,
Là cảnh giới nhị biên.
Trừ sạch cảnh giới ấy,
Tâm bình đẳng tịch diệt.
Tâm chẳng chấp cảnh giới,
Hữu diệt chẳng phải vô.
Hữu vô đều Như như,
Là cảnh giới Thánh Hiền.
Vô chủng mà sanh hữu,
Sanh rồi hữu lại diệt.
Nhân duyên hữu và vô,
Chẳng trụ giáo pháp ta.
Phi ngoại đạo phi Phật,
Phi ta cũng phi khác.
Do nhân duyên sanh khởi,
Tại sao có thể Vô!
Nhân duyên hợp nói hữu,
Nhân duyên tan nói vô.
Sanh kiến chấp tà luận,
Vọng tưởng chấp hữu vô.
Nếu biết pháp vô sanh,
Cũng là pháp vô diệt.
Quán pháp Không Tịch này,
Hữu vô thảy đều lìa.

— Hết trích —



TÔNG THUYẾT ĐỀU THÔNG

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì chúng con
Và chư đại Bồ Tát
Mà thuyết tướng Tông Thông
Khiến con và Bồ Tát
Thông đạt được tướng này
Thông đạt tướng này rồi
Khéo phân biệt Tông Thông
Chóng thành tựu đạo quả
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác

Phật lại bảo Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
Thanh Văn và Duyên Giác
Và tất cả Bồ Tát
Có hai thứ tướng Thông
Tông thông và Thuyết Thông
Đại Huệ ông nên biết
Nói Tông Thông chính là
Duyên tự đắc thắng tiến
Xa lìa các vọng tưởng
Ngôn thuyết và văn tự
Tiến thẳng vào tự tướng
Tự giác địa vô lậu
Lìa giác tưởng hư vọng
Hàng phục các chúng ma
Tà sư và ngoại đạo
Phát huy ánh sáng lớn
Của tướng duyên tự giác
Ấy là tướng Tông Thông

Thế nào tướng Thuyết Thông
Là nói các giáo pháp
Trong chín bộ chân kinh
Lìa tướng khác chẳng khác
Hữu và vô vân vân
Dùng phương tiện khéo léo
Tùy thuận căn tánh của

Chúng sanh mà thuyết pháp
Khiến họ được độ thoát
Gọi là tướng Thuyết Thông
Đại Huệ ông nên biết
Với hai tướng thông này
Ngươi và các Bồ Tát
Cần phải nên tu học

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa trên
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tướng Tông Thông, Thuyết Thông,
Duyên giáo pháp tự giác.
Khéo phân biệt chánh tà,
Chẳng theo giác (giác tưởng) ngoại đạo
Như phàm phu vọng tưởng,
Chẳng có tánh chơn thật.
Tại sao vọng chấp cho,
Phi tánh là giải thoát?
Quán sát pháp hữu vi,
Sanh và diệt tương tục.
Điên đảo Vô sở Tri,
Tăng trưởng theo nhị kiến.
Chơn Đế chỉ là một,
Niết Bàn là không lỗi
Quán sát việc thế gian,
Như hoa đốm mộng huyễn
Dù có tham sân si,
Có cũng như mộng huyễn.
Ái dục sanh ngũ ấm,
Thân người vốn chẳng thật.

— Hết trích —

DO ĐÂU VỌNG TƯỞNG SANH

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết vọng tưởng chẳng thật
Do đâu mà sanh khởi
Pháp gì là vọng tưởng
Ở trong pháp nào có

Các vọng tưởng chẳng thật

Phật liền bảo Đại Huệ:
-Lành thay thật lành thay
Ngươi khéo hỏi Như Lai
Những nghĩa lý như thế
Là thương xót tất cả
Trời và người thế gian
Khiến họ được lợi ích
Và nhiều điều an lạc
Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ liền bạch Phật
- Con cúi xin thọ giáo
Phật lại bảo Đại Huệ:
-Do chấp trước nghĩa lý
Và các thứ chẳng thật
Mà sanh ra vọng tưởng
Đại Huệ ông không biết
Tự tâm vốn hiện lượng
Đọa kiến chấp hữu vô
Chấp năng nhiếp sở nhiếp
Tăng trưởng các kiến chấp
Của tà sư ngoại đạo
Do tập khí vọng tưởng
Chấp trước các nghĩa lý
Của tà sư ngoại đạo
Với pháp tâm tâm số[30]
Mà vọng tưởng chấp trước
Cho là chỗ nhân duyên
Sanh khởi ngã ngã sở

Đại Huệ bạch Phật rằng:
-Nếu nghĩa lý chẳng thật
Do tập khí vọng tưởng
Chấp pháp tâm tâm số
Mà sanh khởi kiến chấp
Có ngã và ngã sở
Nếu như thế thì là
Tướng nghĩa của ngoại đạo
Đọa tướng hữu và vô
Xa lìa các tướng thấy
Xa lìa tánh phi tánh
Đệ nhất nghĩa cũng thế

Lìa tướng nhân căn lượng
Thí dụ và phân biệt
Tại sao chỉ chỗ nghĩa
Vọng tưởng chẳng thật của
Tà sư và ngoại đạo
Vọng tưởng chấp trước sanh
Mà chấp trước vào chỗ
Đệ nhất nghĩa trái lại
Thì vọng tưởng bất sanh
Một sanh một bất sanh
Há chẳng phải Thế Tôn
Thuyết tà nhân luận ư?

TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỞNG CHẲNG SANH

Phật liền bảo Đại Huệ:
-Chẳng phải vọng tưởng ấy
Một sanh một bất sanh
Vì bậc thánh vọng tưởng
Pháp hữu vô bất sanh
Ngoài hiện tánh phi tánh
Giác tự tâm hiện lượng
Mà vọng tưởng bất sanh
Đại Huệ ông nên biết
Ta nói các tướng vọng
Tướng tự tâm phàm phu
Trước kia đã tạo nghiệp
Chấp trước và phân biệt
Nên tướng vọng tưởng sanh
Nay muốn khiến phàm phu
Ngộ pháp vốn vô sanh
Phải lìa các kiến chấp
Có ngã và ngã sở
Lìa kiến chấp vọng tưởng
Của năm pháp tự tánh
Thì thân tâm chuyển biến
Thấu rõ được cảnh giới
Cứu cánh nhất thiết địa
Của Như Lai tự giác
Chính vì nhân duyên này
Nên ta nói vọng tưởng
Từ chấp trước mỗi nghĩa
Chẳng thật mà sanh khởi
Nếu ngộ nghĩa như thật
Thì mê lầm chẳng sanh
Mà đạt được giải thoát

Vọng tưởng của tự tâm

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa đó
Mà thuyết bài kệ rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Từ nhân duyên hữu vô,
Mà sanh khởi thế gian.
Vọng tưởng chấp Tứ cú,
Chẳng rõ Thuyết Thông ta
Thế gian chẳng hữu sanh,
Cũng chẳng phải vô sanh.
Chẳng từ hữu, vô sanh,
Cũng chẳng phi hữu vô.
Tại sao những phàm phu,
Vọng tưởng chấp nhân duyên.
Tất cả pháp vô sanh,
Do nhân duyên có sanh.
Phi hữu cũng phi vô,
Cũng chẳng phải hữu vô.
Quán thế gian như thế,
Chuyển tâm đắc vô ngã.
Tất cả duyên sở tác,
Sở tác chẳng tự có.
Việc chẳng tự sanh việc,
Vì có lỗi hai việc.
Nếu chẳng lỗi hai việc,
Thì chẳng tánh để đắc.

Quán các pháp hữu Vi,
Lìa năng duyên sở duyên.
Tâm lượng của vô Tâm,
Ta nói là tâm lượng.
Nơi tự tánh nói lượng,
Nhân duyên thảy đều lìa.
Tự tánh vốn trong sạch,
Ta gọi là tâm lượng

Phương tiện lập tục đế,
Bổn Lai chẳng sự thật,
Phương tiện lập ngũ ấm,
Chẳng thật cũng như thế.
Có bốn thứ bình đẳng:
Tướng vô tướng bình đẳng,

Sanh vô sanh bình đẳng,
Ngã vô ngã bình đẳng,
Tu sở tu bình đẳng.

Vọng tưởng tập khí chuyển,
Có mỗi mỗi tâm sanh.
Cảnh giới hiện bên ngoài,
Là tâm lượng thế tục.
Ngoài hiện vốn chẳng có,
Tâm lại thấy đủ thứ.
Do kiến lập thân tài,
Ta nói là Tâm Lượng.

Lìa tất cả kiến chấp,
Năng tưởng và sở tưởng.
Vô đắc cũng vô sanh,
Ta nói là Tâm Lượng.
Phi tánh chẳng phi tánh,
Tánh phi tánh đều lìa.
Nơi tâm được giải thoát,
Ta nói là Tâm Lượng.
Như như với hư không,
Niết Bàn và pháp giới
Mỗi mỗi ý sanh thân,
Ta nói là Tâm Lượng.

— Hết trích —



THẾ NÀO LÀ NGỮ, NGHĨA

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Như Thế Tôn sở thuyết
Bồ Tát thấu ngữ nghĩa
Khéo thấu ngữ nghĩa sao?
Thế nào mới là ngữ
Và thế nào là nghĩa

Phật liền bảo Đại Huệ
- Ông lóng lòng chú ý
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con nguyện xin thọ giáo

Phật liền bảo Đại Huệ
- Thế nào gọi là ngữ
Là nương dựa theo nơi
Cổ họng môi lưỡi răng
Nướu cằm cộng vọng tưởng
Sanh văn tự ngôn thuyết
Do tập khí chấp trước
Tạo ra gọi là ngữ

Còn thế nào là nghĩa
Là nói lìa tất cả
Tướng vọng tưởng ngôn thuyết
Mà hiển bày tánh nghĩa
Ấy được gọi là nghĩa

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát nơi tĩnh lặng
Dùng huệ văn tu tư
Quán theo ý nghĩ này
Được duyên tự giác liễu
Hướng vào thành Niết Bàn
Cho đến thân tập khí
Chuyển biến rồi chứng đắc
Vào cảnh giới tự giác
Khéo quán tướng thắng tiến
Sơ địa đến thập địa
Ấy gọi là Bồ Tát
Khéo léo thông tướng nghĩa

Lại nữa nói Bồ Tát
Khéo thông ngữ nghĩa là
Quán ngữ nghĩa chẳng khác
Mà chẳng phải không khác
Quán nghĩa ngữ cũng thế
Nếu ngữ khác nghĩa thì
Chẳng do ngữ hiểu nghĩa
Thật do ngữ vào nghĩa
Như ngọn đèn chiếu soi
Mà hiện sắc tướng vậy

Lại nữa này Đại Huệ
Tự tánh của Niết Bàn
Vốn bất sanh bất diệt
Tam thừa và Nhất thừa
Tâm tự tánh bình đẳng
Nếu mà ta duyên theo
Nghĩa ngôn thuyết chấp trước
Thì đọa vào kiến chấp
Phủ nhận và kiến lập
Có kiến lập khác biệt
Và vọng tưởng khác biệt
Hiện vọng tưởng như huyễn
Ví như mỗi tướng huyễn
Chúng ngu si cho là
Vọng tưởng có khác biệt
Chẳng phải thánh hiền vậy

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Theo vọng tưởng ngôn thuyết,
Kiến lập nơi các pháp.
Do lỗi kiến lập ấy,
Chết rồi đọa địa ngục.
Trong ấm chẳng có ngã,
Ấm tức chẳng phải ngã.
Cũng chẳng phải vô ngã,
Chẳng như vọng tưởng kia.
Chấp tất cả có tánh,
Là vọng tưởng phàm phu.
Nếu như kiến chấp họ,
Tất cả thành Chơn Đế.

Tất cả pháp vô tánh,
Dơ sạch thảy đều lìa.
Kiến chấp họ chẳng thật,
Cũng chẳng phải đoạn diệt.

— Hết trích —



BA THỨ TRÍ

Lại nữa này Đại Huệ
Nay ta sẽ giải thuyết
Tướng trạng trí và thức
Nếu ông và Bồ Tát
Phân biệt được trí thức
Thông đạt tướng trí thức
Sẽ chóng đắc đạo quả
Vô Thượng Chánh Đẳng Giác
Đại Huệ ông nên biết
Có ba thứ trí là

Thế gian trí
Xuất thế gian trí
Xuất thế gian thượng thượng trí

Thế nào thế gian trí
Là phàm phu ngoại đạo
Chấp trước hữu và vô
Xuất thế gian trí là
Nói Thanh Văn Duyên Giác
Do chấp trước hy vọng
Chứng đắc quả Niết Bàn
Đọa tự tướng sở chứng
Cho đó là cộng tướng
Xuất thế thượng thượng trí
Nói chư Phật Bồ Tát
Quán sát pháp vô sanh
Thấy bất sanh bất diệt
Lìa pháp hữu và vô
Duyên nơi vô sư trí[30 a]
Tự chứng đắc nhơn pháp
Vô ngã của Như Lai

THỨC TRÍ SAI BIỆT

Lại nữa này Đại Huệ
Bất sanh diệt là trí
Sanh diệt chính là thức
Đọa tướng vô tướng và
Đọa nhân tướng hữu vô
Đó chính là tướng thức
Siêu việt tướng hữu vô

Đó chính là tướng trí
Nuôi dưỡng tướng là thức
Chẳng nuôi dưỡng là trí
Lại có ba thứ trí:

Trí biết sanh diệt
Trí biết tự cộng tướng
Trí biết bất sanh diệt

Tướng vô ngại là trí
Cảnh giới tướng ngại là thức
Chấp ba sự hòa hợp(31)
Tướng phương tiện là thức
Tướng tự tánh chẳng nhờ
Sự phương tiện là trí
Lại đắc tướng là thức
Chẳng đắc tướng là trí
Vì cảnh giới tự giác
Thánh trí chẳng xuất nhập
Như bóng trăng trong nước
Chẳng thể đắc tướng vậy

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Tích tụ nghiệp là Thức,
Chẳng tích tụ là Trí.
Quán sát tất cả pháp,
Thông đạt nghĩa vô sanh.
Khi đắc sức tự tại,
Thì gọi là trí huệ.
Tâm lìa cảnh giới trói,
Trí giác tưởng liền khởi.
Cho đến tướng Thắng Diệu,
Đại trí huệ tự sanh.

Xa lìa tư duy tưởng,
Tâm, ý, và ý thức.
Bồ Tát vô phân biệt,
Thanh Văn chẳng thể đến.
Tịch tịnh thắng tiến nhẫn(32)
Trí Như Lai trong sạch.
Khéo sanh Thắng nghĩa Đế,

Sở hành thảy xa lìa.

Ta thuyết ba thứ trí,
Mở mang tánh chơn thật.
Nhị thừa có chứng đắc,
Chấp trước nơi tự tánh.
Nơi tưởng tư duy kia,
Nhiếp thọ tất cả tướng.
Thành Thanh Văn, Duyên Giác.
Bậc trí lìa chư hữu,
Siêu việt những tâm lượng,
Là thanh tịnh Như Lai.

– Hết trích –



CHÍN THỨ CHUYỂN BIẾN LUẬN

-Lại nữa này Đại Huệ
Ngoại đạo có chín thứ
Chuyển biến luận mê lầm
Sanh kiến chấp chuyển biến[33]

Hình xứ chuyển biến
Tướng chuyển biến
Nhân chuyển biến
Thành chuyển biến
Kiến chuyển biến
Tánh chuyển biến
Duyên phân minh chuyển biến
Sở tác phân minh chuyển biến
Sự chuyển biến

Lại nữa này Đại Huệ
Tất cả các ngoại đạo
Vì chấp hữu và vô
Sanh khởi chuyển biến luận
Hình xứ chuyển biến là
Thấy nhiều hình xứ khác
Ví như là vàng ròng
Chuyển biến thành đồ dùng
Có hình xứ hiển hiện
Mà tánh vàng không đổi
Các chuyển khác cũng thế
Ngoại đạo tự sanh vọng
Từ vọng tưởng hình xứ
Cho đến sự chuyển biến
Tánh của các chuyển biến
Chẳng phải như vọng tưởng
Chẳng phải khác vọng tưởng
Nên biết các vọng tưởng
Chuyển biến của ngoại đạo
Cũng như tô lạc rượu
Trái cây và thứ khác
Từ bản nhân ban sơ
Biến thành quả chín mùi
Hoặc có hoặc không có
Đều do tự tâm hiện
Vốn ngoài tánh phi tánh
Tự tâm chẳng chuyển biến
Đại Huệ ông nên biết
Chúng sinh vì ngu si

Nên tự sanh vọng tưởng
Thấy có pháp hữu vô
Hoặc là sanh hoặc diệt
Như thấy sắc tướng sanh
Nơi trong mộng huyễn vậy

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Lúc hình xứ chuyển biến,
Là tứ đại chuyển biến.
Trung ấm (thân) chẳng tứ đại,
Cũng không ngoài hình xứ.
Chuyển biến thuộc vọng tưởng,
Chẳng phải bậc minh trí.
Vậy duyên khởi thế gian,
Như thành Càn Thát Bà.

– Hết trích –



HỎI VỀ TƯƠNG TỤC VÀ GIẢI THOÁT

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết giảng nghĩa tương tục
Giải thoát của các pháp
Nếu khéo phân biệt tướng
Có tương tục hay không
Khiến con và Bồ Tát
Khéo hiểu các phương tiện
Chẳng đọa nghĩa sở thuyết
Của ngoại đạo chấp trước
Mê lầm tướng tương tục
Đối với tướng tương tục
Chẳng tương tục các pháp
Lìa vọng tưởng ngôn thuyết
Và văn tự sai lầm
Dạo qua các cõi Phật
Trước vô lượng đại chúng
Hiện tự tại thần thông
Tổng trì và pháp ấn
Đủ các thứ biến hóa
Ánh sánh soi giác huệ
Dùng thập vô tận cú[33a]
Vô lượng phương tiện hạnh
Cũng như vầng nhật nguyệt
Châu ma ni tứ đại
Nơi tất cả các địa
Lìa tự tướng vọng tưởng
Mà phát khởi hiện ra
Thấy tất cả các pháp
Như mộng huyễn hoa không
Vào địa vị Như Lai
Nơi tất cả chúng sanh
Tùy cơ nghi thuyết pháp
Khéo dẫn dắt họ vào
Khiến tự tâm an trú
Lìa các pháp hữu vô
Và vọng tưởng sanh diệt
Các pháp như mộng huyễn
Chuyển tướng sở y thành
Thân Như Lai tối thắng
Khác với nghĩa ngôn thuyết
Của tà sư ngoại đạo

Phật liền bảo Đại Huệ:
-Lành thay thật lành thay
Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

MƯỜI MỘT THỨ TƯƠNG TỤC

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ:
- Tất cả pháp vô lượng
Như chấp trước tương tục
Của tà sư ngoại đạo
Các pháp ấy bao gồm

Tướng chấp trước tương tục
Duyên chấp trước tương tục
Tánh phi tánh tương tục
Vọng tưởng sanh bất sanh tương tục
Vọng tưởng diệt bất diệt tương tục
Vọng tưởng thừa phi thừa tương tục
Vọng tưởng hữu vi vô vi tương tục
Vọng tưởng địa địa tự tướng tương tục
Vọng tưởng tự vô gián tương tục
Vọng tưởng y pháp hữu vô tương tục
Vọng tưởng Tam Thừa Nhất thừa vô gián tương tục

Lại nữa này Đại Huệ
Đây là những chúng sanh
Ngu si mà khởi sanh
Các vọng tưởng tương tục
Phàm phu mê vọng tưởng
Đem những tương tục này
Như con tằm làm kén
Tự dùng tơ vọng tưởng
Mà tự trói lấy người
Bèn tương tục chấp trước
Tướng có và tướng không

PHÁP TỊCH TỊNH

Lại nữa này Đại Huệ
Trong đó thật chẳng có
Tương tục bất tương tục
Nếu quán pháp tịch tịnh

Thì vọng tưởng chẳng sanh
Cho nên các Bồ Tát
Phải quán pháp tịch tịnh

Lại nữa này Đại Huệ
Giác ngoài tánh phi tánh
Tướng tự tâm hiện lượng
Thuận theo sự quán sát
Tâm hiện lượng chẳng có
Tánh hữu vô vô tướng
Vì tương tục tịch tịnh
Nên nơi tất cả pháp
Chẳng có tướng tương tục
Không tướng bất tương tục
Lại nữa này Đại Huệ
Chẳng có trói hay mở
Cũng chẳng dọa tri kiến
Không thật không như thật
Cho là có trói mở
Tất cả pháp hữu vô
Đều là bất khả đắc
Nếu thấy pháp để không
Là chưa thể quên pháp
Thấy chúng sanh để độ
Là chưa quên chúng sanh
Dù nói mở hay trói
Nhưng chưa xa lìa trói
Chẳng thể gọi cảnh giới
Chân như và thật tế
Giác ngộ như thật tế
Đối với tât cả pháp
Chẳng thấy pháp để không
Nơi pháp mà lìa pháp
Độ tất cả chúng sanh
Chẳng thấy người để độ
Nơi chúng mà lìa chúng
Vì tất cả các pháp
Và tất cả chúng sanh
Đều bất khả đắc vậy

Lại nữa này Đại Huệ
Phàm phu có ba thứ
Mê tương tục chấp trước
Ấy là tham sân si
Nghiệp ái và tham ái
Của kiếp đời sau này

Từ tham sân si sanh
Nghiệp ái và tham ái
Của kiếp đời sau này
Ba thứ tương tục này
Khiến chúng sanh luân hồi
Tương tục trong lục đạo
Đại Huệ ông nên biết
Nếu tương tục đoạn dứt
Thì chẳng có tương tục
Và sự bất tương tục

Lại nữa này Đại Huệ
Chấp ba duyên hòa hợp[34]
Làm phương tiện thì sanh
Thức tương tục chẳng ngừng
Vì chấp trước phương tiện
Cho nên có tương tục
Nếu ba duyên hòa hợp
Và thức ấm đoạn dứt
Thấy được ba giải thoát
Tương tục đều chẳng sanh

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Vọng tưởng chẳng chơn thật,
Nói là tướng tương tục.
Nếu liễu tri chơn thật,
Thì lưới tương tục dứt.
Vì chúng sanh vô tri,
Tùy ngôn thuyết nhiếp thọ.
Ví như con tằm kia,
Nhả tơ để tự trói.
Vọng trói của phàm phu,
Tương tục cũng như thế.

– Hết trích –

NGHI CÁC PHÁP ĐOẠN DIỆT

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Như Thế Tôn sở thuyết
Vì chấp trước các nghĩa

Và vọng tưởng chẳng thật
Mà vọng tưởng khởi sanh
Các vọng tưởng phân biệt
Các pháp vốn chẳng thật
Là hư vọng phân biệt
Nếu chỉ có vọng tưởng
Tự tánh chẳng phải có
Tự tánh khác đối đãi
Mà khởi thì các pháp
Đều chẳng có tự tánh
Thế Tôn há chẳng nói
Tập khí và phiền não
Với thanh tịnh Niết Bàn
Thảy đều vô tánh ư?
Nếu nhiễm tịnh đều hoại
Há chẳng phải có lỗi
Các pháp đoạn diệt ư?
Tại sao Thế Tôn nói
Tất cả các pháp chỉ
Là tự tánh vọng tưởng
Bản thể vốn phi tánh
Chẳng hề có thật thể
Há chẳng thành kiến chấp
Đoạn diệt của ngoại đạo

THÁNH TRÍ TỰ TRI

Phật liền bảo Đại Huệ:
- Đúng thế thật đúng thế
Như lời ông sở thuyết
Đại Huệ ông nên biết
Như thánh trí có tánh
Của tự tánh đó là:

Thánh tri
Thánh kiến
Thánh huệ nhãn

Tự tánh vốn tự tri
Khác tánh chấp phàm phu
Cho vọng tưởng tự tánh
Là có tướng chơn thật
Cái vọng tưởng tự tánh
Chẳng phải là có tánh
Tướng của tự tánh vậy

NGHI THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ

Đại Huệ bạch Phật rằng:
-Giả sử bậc thánh nhân
Dùng thánh tri thánh kiến
Thánh huệ nhãn tự tri
Chẳng như thiên nhục nhãn
Phàm phu do vọng tưởng
Mà phân biệt tự tri
Vậy vọng tưởng phân biệt
Chẳng thể nào kiến tánh
Chuyện này đã rõ ràng
Làm sao khiến phàm phu
Lìa được vọng tưởng này
Chỉ có cảnh giác tri
Đúng thật của bậc thánh
Mới chuyển được vọng thức
Lìa vọng tưởng phân biệt
Phàm phu hay phân biệt
Các pháp trong thế gian
Chẳng phải là điên đảo
Chẳng thể lìa phân biệt
Chẳng phải không điên đảo
Chẳng thể thấy cảnh giới
Như thật của bậc thánh
Chẳng thấy lìa hữu vô

Kính bạch Đức Thế Tôn
Bậc thánh cũng phân biệt
Thấy như sự hư vọng
Do tưởng chẳng lìa sự
Đó cũng là chấp tướng
Chấp tướng là cảnh giới
Của phàm phu nhân thế
Chẳng chấp tướng mới là
Cảnh giới của bậc thánh
Bậc thánh chẳng cho cảnh
Tự tướng là cảnh giới
Do cảnh giới phàm phu
Tự tâm thấy cảnh giới
Tướng duy nhất vô tướng
Thể vô tướng pháp thể
Bậc thánh cũng thấy rằng
Có tướng nơi tự tánh
Pháp thể nơi tự tánh
Nơi tướng của tự tánh

Mà phân biệt pháp thể
Vậy cũng giống thật như
Vọng tưởng của phàm phu
Hiện tự tánh như thế
Chẳng nói hữu nhân mà
Vẫn gọi đó là hữu
Tuy chẳng nói vô nhân
Mà vẫn gọi là vô
Nên chẳng nói hữu vô
Vì nói hữu nói vô
Thì đọa vào kiến chấp
Tánh tướng của các pháp

Nói rằng các bậc thánh
Chẳng đọa nơi hữu vô
Như thế là chẳng đọa
Là cảnh giới tự tướng
Nên chẳng phải phàm phu
Có thể so bằng được
Khác cảnh giới phàm phu
Nhưng sự thấy bậc thánh
Nếu thấy là hữu nhân
Thì đọa vào nơi hữu
Nếu thấy là vô nhân
Thì đọa vào nơi vô
Theo những thuyết kể trên
Là có rất nhiều lỗi
Vì chẳng biết tất cả
Pháp tướng không tự thể

Kính bạch Đức Thế Tôn
Do tự tánh phân biệt
Chẳng thể nào thấy được
Tánh tướng của tự tánh
Vậy vọng tưởng là gì
Phi vọng tưởng là gì
Làm sao như thật mà
Biết phân biệt vọng tưởng
Kính bạch Đức Thế Tôn
Tướng vọng tưởng tự tánh
Có khác hay chẳng khác
Nếu nói là không khác
Chẳng có nhân tương tự
Vậy tại sao phàm phu
Chẳng như thật biết rõ
Chỗ không vọng các pháp

Nếu nói lìa vọng tưởng
Thì tướng của vọng tưởng
Chẳng như thật mà có
Vậy tại sao Thế Tôn
Khiến chúng lìa kiến chấp
Các pháp hữu và vô
Mà lại chấp trước có
Cảnh giới của bậc thánh
Đọa vào nơi hữu kiến?
Tại sao không nói pháp
Không tịch tịnh phi tánh
Mà lại nói thánh trí

THÁNH TRÍ LÌA CÓ KHÔNG

Phật liền bảo Đại Huệ
- Chẳng phải Ta không thuyết
Là pháp Không phi tánh
Cũng chẳng phải ta nói
Đọa vào nơi hữu kiến
Nói thánh trí tự tánh
Vì muốn khiến chúng sanh
Xa lìa sự kinh sợ
Chúng sanh từ vô thỉ
Chấp tánh tướng tự tánh
Và thánh trí tự tánh
Đã chấp thật có tướng
Nếu ta nói pháp không
Sẽ khiến họ kinh sợ
Nên ta chẳng có nói
Tánh tướng của tự tánh
Ta trụ nơi pháp không
Như thật đã chứng đắc
Xa lìa tướng mê hoặc
Lìa chấp tánh phi tánh
Hiện đắc tâm giải thoát
Ẩn thật tướng sở ẩn
Nơi tánh của tự tánh
Do tự giác quán sát
Lìa tướng thấy hữu vô

CHẲNG LẬP TÔNG BẤT SANH

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát chẳng nên lập
Tất cả pháp bất sanh

Lấy đó làm tông chỉ
Vì tông của tất cả
Tánh vốn đều phi tánh
Do có nhân đối đãi
Mà sanh khởi ra tướng
Nên nói tất cả pháp
Chẳng thể nào lập tông
Lập tông ắt phải hoại
Nói như vậy bởi vì
Tông ấy do đối đãi
Nếu tất cả các pháp
Chẳng kiến lập tông chỉ
Tướng vô sanh chẳng hoại
Nên tất cả các pháp
Chẳng thể lập tông chỉ
Đại Huệ ông nên biết
Hữu vô chẳng sanh tông
Đem tông vào các tánh
Tướng hữu vô bất đắc
Lại nữa này Đại Huệ
Nếu tông kia chẳng sanh
Đem chẳng sanh lập tông
Thì tông kia phải hoại
Tánh hữu vô bất sanh
Do đó chẳng lập tông
Vì năm phần minh luận
Có rất nhiều lỗi lầm(35)
Là do tướng khác biệt
Làm nhân lẫn cho nhau
Mà khiến có sở tác
Do đó chẳng lập tông
Tất cả pháp bất sanh
Thì tất cả pháp không
Như thế tất cả pháp
Vốn không có tự tánh
Thì chẳng nên lập tông

NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI

Lại nữa này Đại Huệ
Nhưng đại Bồ Tát thuyết
Các pháp như mộng huyễn
Thấy tướng hiện chẳng hiện
Do lỗi của thấy biết
Nên nói tất cả pháp
Tánh như là mộng huyễn

Đại Huệ ông nên biết
Phàm phu đọa kiến chấp
Pháp hữu và pháp vô
Muốn họ lìa kinh sợ
Phải tùy cơ thuyết pháp
Chớ khiến họ khủng bố
Mà lìa pháp Đại Thừa
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Vô thuyết vô Tự tánh,
Vô sự vô Tương tục.
Phàm phu vọng chấp thật,
Như xác chết có giác.
Tất cả pháp bất sanh,
Chẳng như tông ngoại đạo.
Các pháp vốn vô sanh,
Do nhân duyên thành tựu.
Tất cả pháp bất sanh,
Bậc trí chẳng phân biệt.
Việc do lập tông sanh,
Kẻ giác phải diệt trừ.

Ví như mắt bệnh nhặm,
Vọng thấy tướng hoa đốm.
Tánh chấp trước cũng thế,
Do phàm phu vọng tưởng.
Phân biệt hiện Tam Giới,
Sự Tự Tánh chẳng có,
Mà lập sự tự tánh,
Vì tư duy khởi vọng,
Tùy sự lập ngôn giáo,
Vọng tưởng rất lăng tăng.
Phật tử hãy siêu thoát,
Xa lìa các vọng tưởng.

Phi nước tưởng là nước,
Do khát nước vọng sanh.
Phàm phu mê như thế,
Bậc Thánh chẳng thấy vậy.
Bậc Thánh thấy trong sạch,
Chánh định tam giải thoát.
Xa lìa nơi sanh diệt,

Dạo đi cõi vô sanh.
Tu hành vô sở tu,
Cũng chẳng tánh phi tánh.
Tánh phi tánh bình đẳng,
Do đó sanh Thánh quả.

Thế nào tánh phi tánh?
Thế nào pháp bình đẳng?
Tâm tri tâm bất tri,
Trong ngoài và động tịnh.
Nếu người được đoạn dứt,
Ắt thấy tâm bình đẳng.

— Hết trích —



THÁNH TRÍ XA LÌA SỞ TRI

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Như Thế Tôn sở thuyết
Trí huệ hay quán sát
Tiền cảnh duyên các pháp
Chẳng thấy pháp để đắc
Chỉ giả lập phương tiện
Sở nhiếp và năng nhiếp
Đều phi tánh đều không
Thế thì trí chẳng thể
Nào mà nhiếp thọ được
Thuyết phân biệt bất sanh
Cái đó gọi là trí
Vậy cái tên trí này
Là phương tiện giả lập

Vì chẳng giác được tánh
Của tự tướng cộng tướng
Khác hay là chẳng khác
Nên chẳng đắc tướng trí?
Hoặc vì các tánh tướng
Của tự tướng cộng tướng
Đã tự che khuất rồi
Nên chẳng đắc tướng trí?
Hoặc vì hòn núi đá
Địa thủy hỏa phong làm
Chướng ngại nên chẳng đắc
Vì quá xa quá gần
Nên chẳng đắc tướng trí?
Vì quá già quá nhỏ
Mù điếc các căn thiếu
Nên chẳng đắc tướng trí?

Kính bạch Đức Thế Tôn
Nếu chẳng do giác được
Sự khác hay chẳng khác
Của tự tướng cộng tướng
Nên chẳng đắc tướng trí
Thì chẳng nên nói trí
Mà nên nói vô trí
Vì có sự chẳng đắc
Tướng trí cũng vô trí
Chẳng phải là thật trí
Kính bạch Đức Thế Tôn

Chính vì có nhĩ diệm[36]
Nên trí được sanh ra
Chẳng phải là vô tánh
Hợp thành sở tri của
Nhĩ diễm gọi là trí
Do hòn núi vách đá
Địa thủy hỏa và phong
Quá xa hoặc quá gần
Quá già hoặc quá nhỏ
Mù điếc thiếu các căn
Nên chẳng đắc tướng trí
Vậy chính là vô trí
Cũng chẳng phải là trí
Có trí bất khả đắc

Phật bảo ngài Đại Huệ:
-Chẳng phải nghĩa vô trí
Như là ông đã nói
Mà cho là có trí
Ta chẳng hề nói rằng
Phan duyên ẩn như thế
Trí huệ chẳng đắc tướng
Theo phương tiện kiến lập
Giác tự tâm hiện lượng
Tướng hữu và vô hữu
Ở ngoài tánh phi tánh
Biết sự chẳng thể đắc
Vì chẳng đắc nên trí
Nơi nhĩ diệm chẳng sanh
Tùy thuận ba giải thoát
Trí cũng chẳng thể đắc
Nếu người chẳng vọng tưởng
Có cái trí liễu tri
Các tập khí hư ngụy
Tánh phi tánh vô thỉ
Cái tri này phàm phu
Ngoại đạo chẳng thể tri
Phàm phu đối với cảnh
Của tánh tướng vô tánh
Vọng tưởng chẳng thể dứt
Vì chấp trước nhiếp thọ
Chấp tự tâm hiện lượng
Nói ngã và ngã sở
Mà chẳng hiểu biết rằng
Nơi tự tâm hiện lượng
Nhĩ diễm khởi vọng tưởng

Vì vọng tưởng chẳng thể
Quán ngoài tánh phi tánh
Mà lại dựa nương theo
Đoạn kiến của ngoại đạo

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Chẳng trụ sự phan duyên,
Và trí huệ quán sát,
Vô Trí tức Chánh Trí,
Vọng cho là phi trí.
Nơi tánh tướng chẳng khác,
Nếu chấp theo quán sát,
Những chướng ngại xa gần,
Ấy gọi là tà trí.
Do lục căn chẳng đủ,
Nói Trí huệ chẳng sanh.
Thật thì có nhĩ diệm,
Ấy cũng gọi tà trí.

— Hết trích —



PHÀM PHU CHẤP PHƯƠNG TIỆN

Lại nữa này Đại Huệ
Phàm phu chẳng liễu tri
Ngu si mà chấp tướng
Ngoài tánh tự tâm hiện
Bị vọng tưởng hư ngụy
Từ vô thỉ xoay chuyển
Nên chẳng thể đạt đến
Tự Tông Thông Thuyết Thông
Chấp cái thuyết phương tiện
Chẳng phân biệt tứ cú
Tự thông và tướng thông
Bản lai vốn trong sạch

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Đúng như lời Phật dạy
Cúi xin Đức Thế Tôn
Vì chúng con phân biệt
Thuyết thông và Tông Thông
Khiến con và Bồ Tát
Thấu rõ hai thứ thông
Cũng khiến hàng phàm phu
Thanh Văn và Duyên Giác
Trong các đời vị lai
Chẳng mắc vào sai lầm

TÔNG THUYẾT KHÁC KIẾN TƯỚNG PHÀM PHU

Phật liền bảo Đại Huệ:
-Lành thay thật lành thay
Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật lại bảo Đại Huệ
- Các tam thế Như Lai
Có hai thứ pháp thông
Thuyết thông và Tông Thông

Nói Thuyết Thông là tùy
Thích ứng tâm chúng sanh
Mà thuyết pháp trong kinh
Khế lý và khế cơ

Đó gọi là Thuyết Thông

Tự Tông Thông là nói
Người tu hành lìa vọng
Do tự tâm biến hiện
Chẳng đọa nơi kiến chấp
Nhị biên nhất hay dị
Đồng hay là chẳng đồng
Siêu thoát khỏi tất cả
Tâm ý và ý thức
Đối với lại cảnh giới
Của tự giác thánh trí
Lìa kiến chấp nhân duyên
Và kiến chấp tương ưng
Do công hạnh tạo tác
Tất cả hàng ngoại đạo
Thanh Văn và Duyên Giác
Người đọa vào nhị biên
Đều chẳng thể biết được
Là pháp tự Tông Thông
Đại Huệ ông nên biết
Tông thông và Thuyết Thông
Các ông nên tu học

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Ta nói hai thứ Thông,
Tông Thông và Thuyết Thông.
Thuyết thông dạy sơ cơ,
Tông thông là giải thoát

— Hết trích —



THẾ LUẬN CHIÊU CẢM KHỔ

Khi ấy ngài Đại Huệ
Liền bạch với Phật rằng
- Như Thế Tôn có nói
Với lập luận thế gian
Chớ nên gần học tập
Vì nhiếp thọ tham dục
Chẳng nhiếp thọ giáo pháp
Tại sao Phật nói thế?

Phật trả lời Đại Huệ
- Các nghĩa cú ngôn luận
Phàm phu trong thế gian
Do nhân duyên tích tập
Những nhân duyên thí dụ
Giống như là trang nghiêm
Để dụ dẫn dối gạt
Những phàm phu ngu si
Chẳng thể vào chơn thật
Đọa vọng tưởng điên đảo
Phàm phu bị mê hoặc
Đọa tà kiến nhị biên
Tự phá hoại chánh kiến
Luân hồi trong lục đạo
Chẳng thể được giải thoát
Do vọng tưởng chấp trước
Nên chẳng có thể giác
Được tự tâm hiện lượng
Bản lai vốn chẳng lìa
Ngoài tánh của tự tánh
Lập luận của thế gian
Chẳng thể nào thoát khỏi
Sanh lão và bệnh tử
Lo buồn và khổ não
Dối gạt và mê hoặc

Lại nữa này Đại Huệ
- Xưa Thích Đề Hoàn Nhân
Rộng hiểu các luận thuyết
Tự tạo ra thanh luận
Bọn theo thế luận kia
Có một người đệ tử
Hiện thành hình tượng rồng
Đến thiên cung Đế Thích
Lập tông chỉ thế lập

Và hẹn nhau với ngài
Thích Đề Hoàn Nhân rằng
- Ta cùng ông biện luận
Nếu ta thắng ta sẽ
Phá hoại cái bánh xe
Báu ngàn căm của ông
Nếu ông lại thắng ta
Chém đầu ta tạ lỗi
Hẹn xong rồi bèn dùng
Thế pháp mà lật đổ
Thanh luận của Đế Thích
Liền phá hủy bánh xe
Rồi trở về thế gian
Đại Huệ ông nên biết
Rồng là giống súc sinh
Mà cũng có thể dùng
Nghĩa cú và ngôn luận
Của thế gian mê hoặc
Trời và A Tu La
Khiến dính mắc kiến chấp
Huống là loài người ư?
Do đó nên xa lìa
Ngôn luận của thế gian
Làm nhân sanh quả khổ
Chớ nên gần học tập

Lại nữa này Đại Huệ
Bọn thế luận chỉ nói
Cảnh giới thân giác thôi
Đại Huệ ông nên biết
Có trăm ngàn thế luận
Sau khi Phật diệt độ
Được năm trăm năm rồi
Sẽ phá hoại kinh điển
Họ thịnh hành thế gian
Có nhiều ác đệ tử
Ham thọ pháp của chúng
Đại Huệ ông nên biết
Họ dùng đủ nghĩa cú
Nhân duyên và thí dụ
Trang nghiêm để mà thuyết
Việc họ dùng thế luận
Để phá hoại kết tập
Ba tạng kinh diển Phật
Vì tự chấp nhân duyên
Mà chẳng có tự thông

Lại nữa này Đại Huệ
Bọn tà sư ngoại đạo
Chẳng có tự thông luận
Lại lập ra thế luận
Mà rộng thuyết vô lượng
Trăm ngàn các sự môn
Chẳng thể nào tự thông
Chẳng tự biết ngu si
Chấp thế luận là thật

NHƯ LAI CHỈ NÓI TỰ THÔNG

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Nếu ngoại đạo sở thuyết
Nghĩa cú và nhân duyên
Trang nghiêm của thế luận
Do tự đọa chấp trước
Nên chẳng có tự thông
Phật cũng thuyết thế luận
Trời, Người, A Tu La
Từ các phương tụ hội
Thế Tôn cũng rộng thuyết
Vô lượng các nghĩa cú
Há cũng không tự thông
Lọt vào số ngôn thuyết
Trí huệ của ngoại đạo?

Phật trả lời Đại Huệ
- Ta chẳng thuyết thế luận
Chẳng có thuyết khứ lai
Chỉ thuyết bất khứ lai
Đại Huệ ông nên biết
Lai có nghĩa tụ họp
Khứ có nghĩa tan rã
Chẳng khứ và chẳng lai
Là bất sanh bất diệt
Cái nghĩa của Ta thuyết
Chẳng đọa nơi số luận
Vọng tưởng của thế luận
Vì Ta chẳng chấp trước
Thuyết ngoài tánh phi tánh
Và vọng tưởng nhị biên
Nơi tự tâm hiện chẳng
Thể nào mà xoay chuyển
Là cảnh tướng phi tánh

Giác được tự tâm hiện
Thì vọng tưởng chẳng sanh
Vọng tưởng chẳng sanh thì
Vào ba cửa giải thoát
Không vô tướng vô tác
Đó gọi là giải thoát

Lại nữa này Đại Huệ
- Ta nhớ thuở xa xưa
Ta cư trú một nơi
Thế luận Bà La Môn
Đến nơi chỗ ta ở
Chẳng màng ta rảnh không
Bèn hỏi với ta rằng
- Này hỡi ông Cù Đàm
Các pháp sở tác ư?
Ta trả lời ngay rằng
- Này ông Bà La Môn
Nói các pháp sở tác
Thuộc thế luận thứ nhất
Họ liền hỏi tiếp rằng
- Pháp phi sở tác ư?
Ta cũng lại đáp rằng
- Các pháp phi sở tác
Thuộc thế luận thứ hai
Họ bèn hỏi tiếp rằng
- Tất cả pháp thường ư?
Các pháp vô thường ư?
Tất cả pháp sanh ư?
Các pháp bất sanh ư?
Ta liền trả lời rằng:
- Ấy là những thế luận
Từ thứ ba đến sáu

Lại nữa này Đại Huệ
Họ tiếp tục hỏi rằng
- Các pháp là nhất ư?
Các pháp là dị ư?
Các pháp là đồng ư?
Các pháp chẳng đồng ư?
Các pháp do thọ sanh
Mà biến hiện ra ư?
Ta liền trả lời rằng:
- Ấy là những thế luận
Thứ bảy đến mười một
Lại nữa này Đại Huệ

Họ lại hỏi tiếp rằng
- Các pháp vô ký ư?
Các pháp là ký ư?
Các pháp hữu ngã ư?
Các pháp vô ngã ư?
Pháp có đời này ư?
Pháp chẳng đời này ư?
Pháp có đời khác ư?
Pháp chẳng đời khác ư?
Pháp có giải thoát ư?
Pháp không giải thoát ư?
Tất cả là sát na ư?
Tất cả chẳng sát na ư?
Pháp là hư không ư?
Là chẳng phải số diệt?
Pháp là Niết Bàn ư?
Pháp do Cù Đàm tác?
Pháp chẳng phải tác ư?
Pháp có thân trung ấm?
Pháp chẳng thân trung ấm?
Đại Huệ ông nên biết
Ta bèn trả lời họ
- Này ông Bà La Môn
Những câu hỏi như thế
Là thế luận của ông
Chẳng phải thuyết của ta
Ta chỉ thuyết một điều
Các ác nghiệp tập khí
Vọng tưởng và hư ngụy
Từ vô thỉ đến nay
Là nhân của Tam giới
Những người chẳng thể giác
Tri tự tâm hiện lượng
Sanh vọng tưởng phan duyên
Ở bên ngoài tự tánh
Là pháp của ngoại đạo
Do ngã và các căn
Cảnh ba duyên hòa hợp
Mà cái biết sanh khởi
Ta thì chẳng nói thế
Này ông Bà La Môn
Ta chẳng thuyết có nhân
Chẳng thuyết lý vô nhân
Chỉ thuyết tánh vọng tưởng
Năng nhiếp và sở nhiếp
Giả lập pháp duyên khởi

Chẳng phải là các ông
Người chấp ngã tương tục
Mà có thể biết được

Lại nữa này Đại Huệ
Nói Niết Bàn hư không
Và tịch diệt chân thường
Chẳng phải có ba thứ
Chỉ là số mà thôi

Lại nữa này Đại Huệ
Khi ấy Bà La Môn
Lại hỏi tiếp ta rằng
- Si ái nghiệp làm nhân
Mà có Tam giới ư?
Hay là vô nhân ư?
Ta bèn trả lời rằng
- Hai thứ này cũng chỉ
Là thế luận mà thôi
Họ lại hỏi tiếp ta
- Tất cả tánh đều vào
Tự tướng cộng tướng ư?
Ta lại trả lời rằng
- Đây cũng là thế luận
Từ câu hỏi của ông
Đến dòng suối ý thức
Vọng chấp nơi ngoại trần
Tất cả đều thế luận

Lại nữa này Đại Huệ
Bà La Môn lại hỏi
- Các nghĩa cú nhân duyên
Các thí dụ trang nghiêm
Là tông chỉ ngoại đạo
Đều thuộc về thế luận
Vậy còn có pháp nào
Chẳng phải thế luận ư?
Ta liền trả lời rằng
- Này ông Bà La Môn
Tất nhiên là có rồi
Mà không phải ông có
Nó phi tác phi tông
Phi thuyết phi bất thuyết
Phi bất nhân duyên và
Phi thí dụ trang nghiêm
Bà La Môn liền hỏi

- Thế nào phi thế luận
Thế nào phi phi tông
Thế nào phi phi thuyết?
Ta liền trả lời rằng
- Có phi thế luận mà
Hàng ngoại đạo các ông
Chẳng thể nào biết được
Vì vọng tưởng chẳng thật
Và hư ngụy chấp trước
Nói vọng tưởng chẳng sanh
Giác liễu pháp hữu vô
Và tự tâm hiện lượng
Thì vọng tưởng chẳng sanh
Và chẳng nhiễm ngoại trần
Dứt hẳn các vọng tưởng
Gọi là phi thế luận
Đây là pháp tu hành
Chẳng phải ông có vậy
Khi ấy Bà La Môn
Lược thuyết sự nhân thức
Tướng hoặc khứ hoặc lai
Tướng hoặc sanh hoặc tử
Tướng hoặc khổ hoặc vui
Tướng hoặc chìm hoặc nổi
Tướng hoặc ẩn hoặc hiện
Hoặc hòa hợp tương tục
Hoặc ái hoặc nhân ái
Chấp trước đủ thứ tướng
Ta liền trả lời rằng
- Này ông Bà La Môn
So đo như thế đó
Là thế luận của ông
Chẳng phải là ta có
Đại Huệ ông nên biết
Bà La Môn hỏi thế
Ta đáp lại như thế
Họ liền im lặng mà
Chẳng từ giả rút lui
Lại còn suy tư chỗ
Tự thông mà nghĩ rằng
Sa môn thích vượt ra
Bên ngoài của tướng thông
Nói vô sanh vô tướng
Vô nhân lại giác được
Tướng hiện của vọng tưởng
Thì vọng tưởng chẳng sanh

THẾ LUẬN CHẤP NHẬN THAM DỤC

Đại Huệ ông nên biết
Đây là chỗ ông hỏi
- Tại sao nói gần gũi
Thế luận đủ biện luận
Là nhiếp thọ tham dục
Mà chẳng nhiếp thọ pháp
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Nhiếp thọ tham dục pháp
Có nghĩa lý là gì
Phật liền bảo Đại Huệ
- Lành thay thật lành thay
Ông khéo vì chúng sanh
Đời vị lai tư duy
Xin hỏi nghĩa cú đó
Ta sẽ vì ông thuyết
Hãy chú ý lắng nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Đối với nghĩa của tham
Có thủ và có xả
Ham tiếp xúc mùi vị
Dính mắc nơi ngoại trần
Đọa tà kiến nhị biên
Nên luân hồi tương tục
Lại sanh thân ngũ ấm
Sanh lão và bệnh tử
Lo buồn và khổ não
Các thứ nghiệp khổ đó
Đều từ tham ái sanh
Go gần gũi nhiễm tập
Thế luận của ngoại đạo
Ta gọi đó là tham
Là nhiếp thọ tham dục
Mà chẳng nhiếp thọ pháp

NÊN CHẤP NHẬN CHÁNH PHÁP

Lại nữa này Đại Huệ
Thế nào nhiếp thọ pháp
Là khéo léo liễu tri
Rõ tự tâm hiện lượng

Thấy tướng nhân vô ngã
Và pháp cũng vô ngã
Nên vọng tưởng chẳng sanh
Khéo biết từng bậc tiến
Lên chư địa Bồ Tát
Lìa tâm ý ý thức
Được tất cả chư Phật
Ban trí huệ quán đảnh
Được trọn vẹn nhiếp thọ
Pháp thập vô tận cú
Nơi tất cả các pháp
Chẳng mở mang tự tại
Chẳng đọa vào kiến chấp
Và tất cả vọng tưởng
Tất cả các tánh tướng
Tất cả pháp nhị biên
Lại nữa này Đại Huệ
Có nhiều hạng si mê
Ngoại đạo nơi nhị biên
Hoặc thường hoặc là đoạn
Chẳng phải người trí huệ
Chấp thọ vô nhân luận
Thì sanh khởi thường kiến
Chấp ngoại nhân hoại diệt
Và nhân duyên phi tánh
Thì sanh khởi đoạn kiến
Lại nữa này Đại Huệ
Ta chẳng thấy các tướng
Sanh trụ và thành diệt
Nên gọi là nhiếp pháp
Lại nữa này Đại Huệ
Tham dục và pháp đó
Các ông nên tu học
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Tất cả thế gian luận
Là ngoại đạo vọng thuyết.
Vọng thấy tác sở tác,
Thuyết họ chẳng tự thông.
Duy nhất Tự Tông Ta,
Lìa nơi tác sở tác.
Vì các đệ tử thuyết,

Xa lìa những Thế Luận.
Tâm Lượng chẳng thể thấy,
Nhiếp sở nhiếp phi tánh.
Chẳng quán sát hai tâm,
Đoạn thường thảy đều lìa.
Ngoại đạo tâm lưu chuyển.
Ta gọi là Thế Luận.
Người vọng tưởng chẳng chuyển,
Người ấy thấy tự tâm,
Lai thì có sự sanh,
Khứ thì sự chẳng hiện.
Thấu rõ việc khứ lai,
Thì vọng tưởng chẳng khởi.
Hữu thường và vô thường,
Năng tác và sở tác,
Đời này hay đời sau,
Đều là Thế Luận Thông.

– Hết trích –



NIẾT BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Phật nói về Niết Bàn
Pháp nào gọi Niết Bàn
Các tà sư ngoại đạo
Đối với pháp Niết Bàn
Đều vọng tưởng khác nhau

Phật liền bảo Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
Như vọng tưởng Niết Bàn
Của tà sư ngoại đạo
Chẳng tùy thuận Niết Bàn
Hoặc có hàng ngoại đạo
Diệt ấm giới và nhập
Lìa cảnh giới tham dục
Thấy được pháp vô thường
Tâm tâm pháp chẳng sanh
Chẳng ghi nhớ cảnh giới
Quá khứ hiện vị lai
Thọ ấm hết đèn tắt
Như chủng tử bị hoại
Vọng tường liền không sanh
Nghĩ những cảnh giới này
Cho đó là Niết Bàn
Đại Huệ ông nên biết
Chẳng do hoại tánh kiến
Mà gọi là Niết Bàn

Lại nữa này Đại Huệ
Hoặc có hàng ngoại đạo
Từ phương này đến kia
Chấp gọi là giải thoát
Thấy cảnh giới tưởng ấm
Diệt cũng như gió ngưng
Thấy năng giác sở giác
Đoạn diệt bèn cho đó
Chính là đã giải thoát

Hoặc thấy tướng tư tưởng
Là nhân sanh ra khổ
Qua suy nghĩ xong rồi
Chẳng khéo léo liễu tri
Biết tự tâm hiện lượng
Kinh tưởng thấy vô sanh
Bèn sanh tâm ưa thích
Tưởng đó là Niết Bàn

Hoặc lại có ngoại đạo
Biết các pháp trong ngoài
Của tự tướng cộng tướng
Nơi quá khứ hiện vị lai
Có tánh chẳng hoại diệt
Cho đó là Niết Bàn

Hoặc đối với các pháp
Ngã nhơn và chúng sanh
Thọ mạng các pháp ngoại
Tưởng đó là Niết Bàn

Hoặc lại có ngoại đạo
Bị ác kiến thiêu đốt
Chấp trước là có ngã
Kiến tự tánh căn bản
Thấy tự tánh sĩ phu
Giữa hai có ngăn cách
Nói thần ngã sĩ phu
Hay sanh ra tự tánh
Vì do sĩ phu sanh
Cho đó là tự tánh
Như Minh sơ cầu na[37]
Là y theo thân ngã
Ban sơ mà sanh giác
Cầu na dụ vi trần
Cho cầu na tác giả
Chấp trần sanh tứ đại
Cũng như từ sĩ phu
Mà sanh ra tự tánh
Rồi chấp có thần ngã
Chấp trước cõi mười phương
Cho đó là Niết Bàn

Hoặc có hàng ngoại đạo
Nói hết phước phi phước
Hoặc nói các phiền não

Chẳng do tu trí huệ
Mà tự nhiên tự dứt
Hoặc thấy trời tự tại
Là tạo tác sanh tử
Cho đó là Niết Bàn

Hoặc nói các chúng sanh
Chết thọ sanh nơi khác
Lần lượt chịu luân hồi
Tám ngàn kiếp đến nay
Vô nhân mà tự có
Do chấp trước sanh tử
Chẳng có nhân nào khác
Rồi chấp trước vô nhân
Cho đó là Niết Bàn

Hoặc chấp trước cho rằng
Tự tánh sanh tứ đại
Tứ đại lại sanh ý
Ý lại sanh ra trí
Trí sanh ra ngũ phần
Phần sanh ngũ tri căn
Căn sanh ngũ nghiệp căn
Nghiệp căn sanh ngũ đại
Gọi là hai mươi lăm
Minh đế của tự tánh
Hay sanh tất cả pháp
Rồi trở về tự tánh
Lìa tất cả sanh tử
Chấp trước minh đế này
Cho là đắc chơn đế
Tưởng đó là Niết Bàn

Hoặc thấy tướng nhị biên
Nhất dị đồng chẳng đồng
Hòa hợp sanh công đức
Vi trần sanh thế giới
Vi trần là năng tác
Thế giới là sở tác
Gọi đó là công đức
Lại cho là Niết Bàn

Lại nữa này Đại Huệ
Hoặc có hai mươi lăm
Minh đế là chơn thật
Cho cho lục đức luận[38]

Là nhân sanh các pháp
Nói giữ hai pháp này
Là hộ trì quốc độ
Khiến chúng sanh an lạc
Đó tức là Niết Bàn

Hoặc thấy tánh phi tánh
Biết là tánh phi tánh
Thấy có giác này với
Niết bàn có sai biệt
Mà lại là chẳng khác
Tưởng đó là Niết Bàn

Các vọng tưởng so đo
Chấp trước của ngoại đạo
Nơi lý chẳng thành lập
Bậc trí nên từ bỏ

Lại nữa này Đại Huệ
Các vọng tưởng Niết Bàn
Của tà sư ngoại đạo
Tất cả đều đoạn kiến
Chấp nơi thuyết nhị biên
Rồi cho là Niết Bàn

Các Niết Bàn ngoại đạo
Do tự lập luận ra
Bậc trí huệ quán sát
Vọng tưởng của bọn họ
Tâm ý thì khứ lai
Tự trôi giạt lưu động
Hoặc sanh hoặc là diệt
Lập như vô sở lập
Chẳng thật chứng Niết Bàn

NIẾT BÀN CỦA NHƯ LAI

Đại Huệ ông nên biết
Pháp Niết Bàn ta thuyết
Khéo giác tâm hiện lượng
Chẳng chấp ở ngoài tánh
Xa lìa nơi tứ cú
Thấy được chỗ như thật
Chẳng kẹt tự tâm hiện
Và vọng tưởng nhị biên
Năng nhiếp và sở nhiếp

Thảy đều bất khả đắc
Tất cả do đo lường
Mà chẳng thấy sở hành
Với vọng chấp chơn thật
Của phàm phu thế nhân
Thì chẳng nên nhiếp thọ
Người xả bỏ rồi thì
Đắc tự giác thánh trí
Biết nghĩa hai vô ngã
Xa lìa hai phiền não
Trừ dứt sạch hai chướng
Lìa hẳn hai sanh tử
Dần dần lên chư địa
Đến địa vị Như Lai
Các Tam Muội thâm sâu
Lìa tâm ý ý thức
Đều là bóng như huyễn
Gọi đó là Niết Bàn
Ông và các Bồ Tát
Cần phải nên tu học
Chóng xa lìa kiến chấp
Niết bàn của ngoại đạo

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Niết Bàn của ngoại đạo,
Mỗi mỗi sanh vọng tưởng.
Vọng tưởng từ tâm khởi,
Chẳng cách nào giải thoát.
Không dây mà tự trói,
Xa lìa phương tiện khéo.
Dù tưởng là giải thoát,
Thật chẳng thể giải thoát.
Tướng thông của ngoại đạo,
Nhiều loại trí khác nhau.
Vì ngu si vọng tưởng,
Giải thoát chẳng có phần.

Tất cả ngoại đạo kia,
Vọng thấy tác, sở tác.
Chấp hữu, vô lập luận,
Thảy đều chẳng giải thoát.

Phàm phu ham vọng tưởng,
Chẳng nghe pháp chơn thật.
Chơn thật diệt nhân khổ,
Tam giới gồm ba khổ:
Khổ khổ và hoại khổ,
Hành tam ác đạo khổ.
Ví như tượng trong gương,
Dù hiện mà chẳng thật.
Vọng tưởng nơi tâm gương,
Phàm phu sanh nhị kiến.
Chẳng biết tâm và duyên,
Sanh vọng tưởng nhị biên.
Liễu tâm và cảnh giới,
Thì vọng tưởng chẳng sanh.
Tâm thể tức vạn pháp,
Sự hiện mà chẳng hiện.
Xa lìa tướng sở tướng
Như phàm phu phân biệt.

Vọng tưởng sanh Tam giới,
Vọng hiện đủ thứ tướng.
Đều chẳng có nghĩa thật,
Mà kẻ ngu chẳng biết.
Chư kinh nói vọng tưởng,
Chẳng ra ngoài giả danh.
Nếu lìa nơi ngôn thuyết,
Phật nói vô sở thuyết.

– Hết trích –



PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM-QUYỂN BỐN
PHÁP THÂN LÌA TỨ CÚ

Lúc bấy giờ thượng nhân Đại Huệ
Bạch Phật rằng: - Xin Thế Tôn thương
Thuyết về Phật cho chúng sanh
Khiến cho con hiểu tỏ tường Pháp thân
Với tự tánh khéo rành tự giác
Và giác tha cho các chúng sanh
Phật bảo Đại Huệ lời rằng:
- Ông tùy ý hỏi ta bằng lòng đây
Ngài Đại Huệ chắp tay bạch Phật:
- Đức Như Lai chân thật Thế Tôn
Là tác hay chẳng tác chăng?
Là sự là nhân là tướng phải không?
Hay Như Lai phải chăng sở tướng?
Là thuyết ư hay đặng thuyết rồi?
Là giác sở giác tuyệt vời?
Từ ngữ như thế khác hay là đồng?

Phật liền bảo cùng ông Đại Huệ
- Đức Như Lai đối với từ này
Phi nhân phi sự xa rời
Vì đều có lỗi cả hai đều lầm
Nếu là sự vô thường hoặc tác
Nói vô thường phi đắc Như Lai
Ta bảo như thế là sai
Nếu chẳng sở tác sao thời được đây
Vô sở đắc pháp này phương tiện
Pháp chẳng thành biến hiện ra không
Thật như sừng thỏ tương đồng
Như con thạch nữ vì không có gì
Nếu Như Lai vô nhân vô sự
Phi hữu vô phạm đủ sai lầm
Lọt vào tứ cú bình phàm
Đó là ngôn thuyết luận đàm thế nhân
Lìa tứ cú con đường bậc trí
Đó chính là nghĩa lý Như Lai
Đại Huệ nên biết rõ lời
Như ta sở thuyết không sai không lầm

PHÁP THÂN THƯỜNG LẶNG LẼ

Pháp vô ngã chân thường bất biến
Biết nghĩa này thấy tánh cũng vô
Các pháp tự tánh có đều
Chẳng có tha tánh như nhiều ngựa trâu
Như con trâu có đâu tánh ngựa
Con ngựa kia nào lựa tánh trâu
Kỳ thật phi hữu phi vô
Cũng có tự tánh nghĩa mầu bên trong
Tất cả pháp chẳng không tự tướng
Tự tướng nhưng lại đặng ngã vô
Pháp không tự tánh sanh vô
Phàm phu vọng tưởng biết đâu nghĩa này

PHÁP THÂN CHẲNG ĐỒNG CHẲNG KHÁC

Đức Như Lai nói rằng ngũ ấm
Chẳng phải đồng chẳng đặng không đồng
Là đồng có nghĩa vô thường
Là khác phương tiện thành không mất rồi
Cho là hai tức thời có khác
Như sừng trâu dù rất giống nhau
Nhưng so dài ngắn không đều
Các pháp cũng thế so đo không đồng
Đức Thế Tôn nói ấm giới nhập
Cũng không đồng nhưng thật tương đồng
Phật thuyết giải thoát chân không
Nếu khác giải thoát ắt thành tướng thanh
Thì vô thường bởi nhân sắc tướng
Nếu tương đồng khi đặng Bồ Đề
Làm sao phân biệt tỉnh mê
Mà người tu chứng trọn bề biệt phân
Chẳng phải khác hay chăng chẳng khác
Đó là lời chân thật Như Lai
Thường vô thường cũng xa rời
Nhị biên các tướng bặt lời đúng sai
Pháp Như Lai vượt ngoài hư ngụy
Lìa ngữ ngôn suy nghĩ luận bàn
Khi ấy Đức Phật trùng tuyên
Mà nói bài kệ thuyết rằng như sau

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Pháp lìa chư căn lượng,
Vô sự cũng vô nhân.

Đã lìa giác sở giác,
Cũng lìa tướng sở tướng.
Ấm duyên đồng chánh giác,
Nhất dị chẳng thể thấy.
Nếu thật chẳng thể thấy,
Thì làm sao phân biệt?
Phi tác phi bất tác,
Phi sự cũng Phi nhân.
Phi ấm phi lìa ấm,
Cũng chẳng có pháp khác.
Chẳng phải có các tánh,
Như vọng tưởng họ thấy.
Mỗi mỗi pháp cũng thế,
Phi hữu cũng phi vô.

Vì hữu nên nói vô,
Vì vô nên nói hữu.
Nếu vô chẳng thể lập,
Thì hữu làm sao có!
Hoặc nơi ngã, phi ngã,
Lưu luyến theo ngôn thuyết.
Chìm đắm nơi nhị biên,
Tự hoại, hoại thế gian.
Tạo lỗi chướng giải thoát,
Tướng thông ta quán sát.
Chẳng báng Đại Đạo Sư,
Ấy gọi là chánh quán.

– Hết trích –

PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI KHÔNG TÁNH

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Như Thế Tôn sở thuyết
Nhiếp thọ bất sanh diệt
Thế Tôn cũng có nói
Bất sanh bất diệt là
Biệt danh của Như Lai
Tại sao Đức Thế Tôn
Vì vô tánh mà nói
Bất sanh bất diệt là
Biệt danh của Như Lai

Phật trả lời Đại Huệ
- Ta nói tất cả pháp

Bất sanh bất diệt là
Chẳng hiện pháp hữu vô

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Nếu các pháp bất sanh
Nhiếp thọ bất khả đắc
Pháp nhiếp thọ bất sanh
Nếu các pháp bất sanh
Làm sao trong danh tự
Có tên gọi là pháp
Cúi xin Phật thuyết rõ

Phật trả lời Đại Huệ
- Lành thay thật lành thay
Hãy chú ý lắng nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông nói

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Ta nói Đức Như Lai
Chẳng phải là vô tánh
Cũng chẳng phải bất sanh
Nhiếp thọ tất cả pháp
Cũng chẳng phải đợi duyên
Nên bất sanh bất diệt
Cũng chẳng phải vô nghĩa
Lại nữa này Đại Huệ
Ta nói ý sanh thân
Là hiệu của Như Lai
Nói chuyện bất sanh kia
Chẳng phải là cảnh giới
Của tất cả ngoại đạo
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Đến thất trụ Bồ Tát

Lại nữa này Đại Huệ
Nghĩa bất sanh tức là
Biệt hiệu của Như Lai
Lưới báu nhân đà la
Của vua trời Đế Thích
Và Bất Nhân Đà La
Vật có nhiều tên gọi
Nhưng không có nhiều tánh
Chẳng phải không tự tánh

PHÁP THÂN TÊN KHÁC THỂ ĐỒNG

Như thế này Đại Huệ
Ta ở nơi Ta Bà
Có ba a tăng kỳ
Hàng trăm ngàn danh hiệu
Phàm phu thảy đều nghe
Đều xưng danh hiệu ta
Mà chẳng thiệt biết rõ
Biệt danh của Như Lai
Hoặc lại có chúng sanh
Biết ta là Như Lai
Hoặc là Nhất Thiết Trí
Hoặc biết tên là Phật
Hoặc biết Người Cứu Thế
Hoặc biết Người Tự Giác
Hoặc biết là Đạo Sư
Hoặc biết là Quảng Đạo
Biết là Tất Cả Đạo
Hoặc biết là Thiên Nhơn
Hoặc biết ta là Phạn
Hoặc biết ta là Trời
Hoặc biết là Tự Tại
Hoặc biết là Thù Thắng
Là Tiên Nhơn Tóc Vàng
Hoặc biết là Chơn Thật
Hoặc biết là Mặt Trăng
Hoặc biết là Mặt Trời
Hoặc biết là Chúa Tể
Hoặc biết là Vô Sanh
Hoặc biết là Vô Diệt
Hoặc biết là Tánh Không
Hoặc biết là Như Như
Hoặc biết là Chơn Đế
Hoặc biết là Thật Tế
Hoặc biết là Pháp Tánh
Hoặc biết là Niết Bàn
Hoặc biết là Thường
Hoặc biết là Bình Đẳng
Hoặc biết là Bất Nhị
Hoặc biết là Vô Tướng
Hoặc biết là Giải Thoát
Hoặc lại biết là Đạo
Hoặc biết là Ý Sanh
Lại nữa này Đại Huệ

Có ba a tăng kỳ
Hàng trăm ngàn danh hiệu
Chẳng hề có thêm bớt
Thế giới này và khác
Thảy đều biết tên ta
Như mặt trăng trong nước
Chẳng xuất cũng chẳng nhập

Phàm phu chẳng biết ta
Vì đọa nơi nhị biên
Nhưng đều cung kính ta
Và cúng dường lên ta
Mà chẳng khéo léo biết
Từ ngữ và danh cú
Chẳng đặng có tự thông
Không phân biệt tên nghĩa
Chấp văn tự ngôn thuyết
Nơi bất sanh bất diệt
Mà cho là vô tánh
Chẳng biết danh sai biệt
Của Như Lai tuy nhiều
Mà nghĩa vốn là một
Như một đế thích cũng
Có nhiều danh hiệu vậy
Vì chẳng biết tự thông
Hội nhập về căn bản
Đối với tất cả pháp
Theo ngôn thuyết chấp trước

PHÁP THÂN LÌA VĂN TỰ

Đại Huệ ông nên biết
Bọn ngu si nói rằng
- Nghĩa đồng với ngôn thuyết
Nghĩa ngôn thuyết chẳng khác
Vì nghĩa chẳng tự thân
Ngoài ngôn thuyết không nghĩa
Chỉ là ngôn thuyết thôi
Họ bị ác kiến đốt
Tiêu mất đi trí huệ
Lầm ngôn thuyết tự tánh
Ngôn thuyết là sanh diệt
Nghĩa thì chẳng sanh diệt
Đại Huệ ông nên biết
Ngôn thuyết đọa văn tự
Nghĩa không đọa văn tự

Vì lìa tánh phi tánh
Nên chẳng có thọ sanh
Cũng chẳng có tự thân
Đại Huệ ông nên biết
Như Lai chẳng thuyết pháp
Đọa văn tự vì rằng
Văn tự hữu và vô
Đều là bất khả đắc

NƠI NGÔN THUYẾT RỜI NGÔN THUYẾT

Lại nữa này Đại Huệ
Nếu có ai nói rằng
Phật thuyết đọa văn tự
Thì đó là vọng ngữ
Vì lìa pháp văn tự
Cho nên này Đại Huệ
Ta cùng các chư Phật
Và các hàng Bồ Tát
Chẳng hề thuyết một chữ
Lại chẳng đáp một chữ
Vì pháp lìa văn tự
Chứ chẳng phải ta thuyết
Cái nghĩa không lợi ích
Cho tất cả chúng sanh
Ta nói ngôn thuyết là
Vọng tưởng của chúng sanh
Lại nữa này Đại Huệ
Nếu ta chẳng thuyết pháp
Thì giáo pháp sẽ hoại
Chẳng còn có chư Phật
Thanh Văn và Duyên Giác
Cùng các hàng Bồ Tát
Vậy còn ai thuyết pháp

Cho nên này Đại Huệ
Bồ Tát chớ chấp trước
Nơi ngôn thuyết văn tự
Mà phương tiện tùy nghi
Rộng thuyết các kinh pháp
Do chúng sanh phiền não
Hy vọng lại chẳng đồng
Nên ta và chư Phật
Vì hiểu biết khác nhau
Của tất cả chúng sanh
Mà thuyết các giáo pháp

Khiến cho họ xa lìa
Tâm ý và ý thức
Chẳng thuyết chỗ chứng đắc
Của tự giác thánh trí

Lại nữa này Đại Huệ
Nơi tất cả các pháp
Bản lai vô sở hữu
Nếu giác tâm hiện lượng
Thì lìa hai vọng tưởng
Chư đại Bồ Tát dựa
Theo nghĩa lý này mà
Chẳng dựa theo văn tự
Nếu thiện nam tín nữ
Bám nương theo văn tự
Tự hoại đệ nhất nghĩa
Chẳng thể nào tự giác
Cũng không thể giác tha
Đọa ác kiến tương tục
Mà vì chúng thuyết pháp
Chẳng khéo léo liễu tri
Các pháp địa và tướng
Cũng chẳng biết nghĩa cú
Nếu họ khéo léo biết
Các pháp địa và tướng
Lại thông đạt nghĩa cú
Hiểu tánh nghĩa đầy đủ
Dùng sự vui vô tướng
Của chánh pháp tự vui
Kiến lập pháp Đại Thừa
Bình đẳng cho chúng sanh

Lại nữa này Đại Huệ
Người nhiếp thọ Đại Thừa
Thì nhiếp thọ chư Phật
Các hàng đại Bồ Tát
Thanh Văn và Duyên Giác
Vì nhiếp thọ chư Phật
Các hàng đại Bồ Tát
Thanh Văn và Duyên Giác
Thì nhiếp thọ chúng sanh
Thì nhiếp thọ chánh pháp
Nên Phật chủng chẳng dứt
Thì hay liễu tri chỗ
Chứng đắc nhập thù thắng
Ấy là đại Bồ Tát

Thường được ý sanh thân
Tùy nghi mà kiến lập
Pháp Đại Thừa bình đẳng
Dùng sức thập tự tại[39]
Biến hiện nhiều sắc tướng
Thông đạt các phiền não
Và các tướng hy vọng
Của tất cả chúng sanh
Mà thuyết pháp như thật
Nói như thật tức là
Chẳng có sự sai biệt
Như thật bất khứ lai
Mọi hư ngụy đều dứt
Thế nên gọi như thật
Lại nữa này Đại Huệ
Thiện nam và tín nữ
Chẳng nên có nhiếp thọ
Tùy ngôn thuyết chấp trước
Chân thật lìa văn tự

Lại nữa này Đại Huệ
Cũng như có phàm phu
Dùng ngón tay chỉ vật
Mà chỉ quán theo tay
Thì chẳng được nghĩa thật
Nếu phàm phu tùy theo
Ngôn thuyết của ngón tay
Mà nhiếp thọ chấp trước
Chẳng đắc đệ nhất nghĩa
Thật lìa tay ngôn thuyết
Lại nữa này Đại Huệ
Ví như nuôi trẻ nhỏ
Nên cho ăn đồ chín
Không nên cho đồ sống
Nếu cho ăn đồ sống
Có thể khiến trẻ bệnh
Người đuổi theo ngôn thuyết
Vì chẳng biết phương tiện
Của nghĩa pháp chín mùi
Cũng lại như thế đó
Do đó này Đại Huệ
Với pháp bất sanh diệt
Người tu không phương tiện
Là chẳng khéo biết tu
Cho nên hành giả phải
Khéo tu theo phương tiện

Chớ tùy theo ngôn thuyết
Như xem ngón tay mà
Chẳng thấy chỗ ngón chỉ

Cho nên này Đại Huệ
Người tu nên khéo biết
Phương tiện nghĩa chơn thật
Đó là nhân Niết Bàn
Vi diệu và tịch tịnh
Ngôn thuyết là vọng tưởng
Vọng tưởng là sanh tử
Lại nữa này Đại Huệ
Nghĩa chơn thật là từ
Người đa văn mà đắc
Đa văn thấu nơi nghĩa
Chẳng ở nơi ngôn thuyết
Thấu nghĩa thì chẳng theo
Kinh luận của ngoại đạo
Tự thân đã không theo
Không khiến người khác theo
Là đại đức đa văn
Nếu ông muốn cầu nghĩa
Thì thân cận đa văn
Thì thấu được nghĩa lý
Trái với nghĩa này là
Chấp trước nơi ngôn thuyết
Cần nên phải xa lìa

BỐN NHÂN TƯỚNG CỦA NGOẠI ĐẠO

Khi ấy ngài Đại Huệ
Thừa oai thần của Phật
Mà bạch với Thế Tôn
- Pháp bất sanh bất diệt
Của Thế Tôn hiển thị
Chẳng có gì là lạ

1. Vì tất cả ngoại đạo
Đều nói nhân tác giả
Là bất sanh bất diệt
Thế Tôn cũng nói vậy
Hư không phi trạch duyệt
Niết bàn bất sanh diệt

2. Ngoại đạo nói nhân duyên

Sanh khởi ra thế gian
Thế Tôn cũng nói do
Vô minh nghiệp ái làm
Duyên sanh khởi thế gian
Họ nói nhân ta duyên
Chỉ danh từ sai biệt
Nhân duyên cũng như nhau
Thế Tôn và ngoại đạo
Lập luận không sai biệt

3. Ngoại đạo nói vi trần
Thắng diệu và tự tại
Chúng sanh chúa vân vân
Có chín sự bất sanh
Thế Tôn cũng nói rằng
Các tánh bất sanh diệt
Hữu vô bất khả đắc

4. Ngoại đạo cũng nói rằng
Tứ đại chẳng hư hoại
Tự tánh bất sanh diệt
Tứ đại thường châu lưu
Đến luân hồi lục đạo
Chẳng xa lìa tự tánh
Thế Tôn cũng thuyết thế
Nên con nói trên rằng
Chẳng có gì lạ cả

Nay cúi xin Thế Tôn
Vì đại chúng thuyết pháp
Đặc biệt và kỳ lạ
Hơn các pháp ngoại đạo
Nếu pháp chẳng sai biệt
Thì ngoại đạo là Phật
Vì cùng nói như nhau
Các pháp bất sanh diệt
Lại nữa Thế Tôn nói
Một thế giới nhiều Phật
Là chuyện không thể có
Nếu theo sở thuyết trên
Thì trong một thế giới
Phải có nhiều vị Phật
Vì pháp của ngoại đạo
Với pháp Phật không khác

TỰ TÂM HIỆN LƯỢNG VỌNG TƯỞNG KHÔNG SANH

Phật trả lời Đại Huệ
- Ta nói bất sanh diệt
Không đồng bất sanh diệt
Của tà sư ngoại đạo
Vì các hàng ngoại đạo
Chấp có tánh tự tánh
Để đắc tướng bất sanh
Ta chẳng như thế mà
Đọa vào sự hữu vô
Đại Huệ ông nên biết
Pháp mà ta thuyết nói
Xa lìa hữu và vô
Xa lìa pháp sanh diệt
Phi tánh phi vô tánh
Pháp như mộng huyễn hiện
Cho nên phi vô tánh
Nói vô tánh là vì
Sắc tướng chẳng hề có
Tự tánh để nhiếp thọ
Hiện như là chẳng hiện
Nhiếp như là chẳng nhiếp
Do đó nên ta nói
Tất cả tánh vô tánh
Cũng là phi vô tánh
Giác tự tâm hiện lượng
Thì vọng tưởng chẳng sanh
Được an ổn an lạc
Dứt hẳn việc thế gian

NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CHẲNG THẬT

Các phàm phu ngu si
Dùng vọng tưởng làm việc
Chẳng phải như thánh hiền
Biết vọng chẳng là thật
Như thành càn thát bà
Và những người huyễn hóa
Đại Huệ ông nên biết
Trong thành Càn thát bà
Có những người huyễn hóa
Người buôn bán đủ thứ
Các chúng sanh ra vào
Kẻ phàm phu vọng tưởng
Cho có người ra vào

Nhưng thật ra chẳng có
Một ai ra vào cả
Như thế này Đại Huệ
Kẻ phàm phu ngu si
Đọa kiến bất như thật
Khởi vọng tưởng sanh diệt

THẬT TÁNH VỌNG TƯỞNG TỨC CHÂN TỊCH TỊNH

Bất như thật thánh hiền
Thì chẳng phải như vậy
Nhưng tánh và phi tánh
Với vọng tưởng không khác
Nếu khác với vọng tưởng
Chấp trước tánh tự tánh
Thì chẳng thấy tịch tịnh
Nếu chẳng thấy tịch tịnh
Chẳng thể lìa vọng tưởng
Cho nên này Đại Huệ
Chẳng có thấy tướng mà
Thấy vô tướng mới đúng
Thấy tướng là cái nhân
Thọ sanh nên chẳng đúng
Vô tướng thì vọng tưởng
Chẳng sanh chẳng khởi diệt
Ta nói là Niết Bàn
Đại Huệ ông nên biết
Nói Niết Bàn tức là
Thấy được nghĩa chơn thật
Lìa pháp tâm tâm số
Của vọng tưởng chấp trước
Cho đến đắc Như Lai
Vào tự giác thánh trí
Ta nói là Niết Bàn

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lập lại nghĩa này
Mà thuyết bài kệ này:

— Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực —

Diệt trừ Nhân Sanh Luận,
Kiến lập nghĩa bất sanh.
Pháp ta thuyết như thế,
Phàm phu chẳng thể biết.
Tất cả pháp Bất sanh,

Vô tánh vô sở hữu.
Như thành Càn Thát Bà,
Và mộng huyễn vô nhân.
Bất sanh chẳng tự tánh,
Pháp Không có nhân gì?
Vì lìa nơi hòa hợp,
Tánh giác tri chẳng hiện.
Nên pháp Không bất sanh.
Ta nói chẳng tự tánh.
Vì mỗi mỗi hòa hợp,
Dù hiện chẳng thật có.
Phân tích chẳng hòa hợp,
Kiến chấp của ngoại đạo.

Như mộng huyễn hoa đốm,
Và thành Càn Thát Bà.
Mỗi mỗi việc thế gian,
Vô nhân mà tướng hiện.
Hàng phục hữu nhân Luận,
Hiển bày nghĩa vô sanh.
Pháp vô sanh hiển bày,
Thì dòng pháp chẳng dứt.
Vô sanh tức vô nhân,
Các ngoại đạo kinh sợ.

Khi ấy ngài Đại Huệ
Dùng kệ mà hỏi rằng:

CHỈ THẲNG VÔ SANH

Thế nào là Sở nhân?
Do nhân nào có sanh?
Ở nơi nào hòa hợp,
Mà lập vô nhân Luận?

Thế Tôn dùng kệ đáp:
- Quán sát pháp hữu vi,
Chẳng nhân chẳng vô nhân.
Ngoại đạo sanh diệt luận,
Kiến chấp từ đây diệt.

Khi ấy, ngài Huệ
Lại thuyết kệ hỏi rằng:
- Thế nào là vô sanh?
Ấy là vô tánh ư?
Hoặc vì quán các duyên,

Có pháp gọi vô sanh?
Tên chẳng lẽ không nghĩa?
Cúi xin phân biệt thuyết.

Thế Tôn dùng kệ đáp:
- Phi vô tánh vô sanh,
Cũng phi quán các duyên,
Phi hữu tánh đặt tên,
Có tên phi vô nghĩa.
Phi cảnh giới ngoại đạo,
Thanh Văn và Duyên Giác.
Cho đến hàng Thất Trụ,
Đây gọi tướng vô sanh.

Xa lìa các nhân duyên,
Cũng lìa tất cả việc.
Vì duy tâm kiến lập,
Tưởng, sở tưởng đều lìa.
Sắc thân tùy nghiệp chuyển,
Ta nói là vô sanh.

Vô tánh vô ngoài tánh,
Cũng chẳng tâm nhiếp thọ.
Dứt tất cả kiến chấp,
Ta nói là vô sanh.
Phân biệt nhiều nghĩa Không,
Phi Không nên nói Không.
Vô sanh nên nói Không,

PHÁP DO NHÂN DUYÊN SANH

Vô Tự tánh như thế.
Do nhân duyên hòa hợp,
Thì có sanh có diệt.
Lìa các số nhân duyên,
Vốn chẳng có sanh diệt.
Lìa bỏ số nhân duyên,
Thì chẳng có tánh khác.
Nếu nói nhất và dị,
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Tánh hữu, vô bất sanh,
Phi hữu cũng phi vô.
Ngoại trừ số chuyển biến,
Thảy đều bất khả đắc.

Chỉ có số thế tục,

Duyên nhau thành xiềng xích.
Lìa nhân duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích,
Nghĩa Sanh bất khả đắc.
Tánh vô sanh chẳng khởi,
Lìa các lỗi ngoại đạo.
Chỉ nói duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích,
Mà có tánh sanh khác.
Ấy là Vô Nhân Luận,

Phá hoại nghĩa xiềng xích.
Như đèn hiển sắc tướng,
Xiềng xích hiện cũng thế.
Nếu lìa nghĩa xiềng xích,
Lại còn có các tánh.
Tánh ấy đều vô tánh,
Như tánh của hư không.
Lìa xiềng xích cũng thế,
Bậc trí chẳng phân biệt.
Vô sanh chẳng pháp khác,
Là pháp của thánh hiền.
Người đắc pháp vô sanh,
Là chứng Vô Sanh Nhẫn.

Giả sử trong thế gian,
Người quán sát xiềng xích.
Lìa tất cả xiềng xích,
Do đó đắc Chánh định.
Nghiệp ái tham, sân, si,
Là xiềng xích nội tâm.
Đất sình, cây dùi lửa,
Là chủng tử bên ngoài.
Trong ngoài duyên nhau sanh.
Giả sử có tánh khác,
Chẳng phải nghĩa xiềng xích,
Pháp ấy chẳng thành tựu.
Nếu Sanh chẳng tự tánh,
Ai làm nghĩa xiềng xích.
Vì lần lượt sanh nhau,
Nên gọi nghĩa Nhân duyên.

Phàm phu vọng tưởng sanh,
Pháp địa, thủy, hỏa, phong.

Lìa số chẳng pháp khác,
Là cái thuyết vô tánh.

Như thầy thuốc chữa bệnh,
Vì bệnh có sai biệt,
Nên lập đủ thứ luận,
Để trị mỗi mỗi bệnh.
Ta vì các chúng sanh,
Đoạn dứt phiền não họ.
Tùy trình độ cao thấp,
Thuyết Độ Môn cho họ.
Gốc phiền não chẳng khác,
Mà có đủ thứ pháp.
Đây thuyết pháp Nhất thừa,
Cũng gọi là Đại thừa.

– Hết trích –



BẢY THỨ VÔ THƯỜNG CỦA NGOẠI ĐẠO

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Tất cả hàng ngoại đạo
Khởi vọng tưởng vô thường
Thế Tôn cũng thuyết rằng
Tất cả hành vô thường
Đó là pháp sanh diệt
Nghĩa này là thế nào
Là tà hay là chánh
Có mấy thứ vô thường

Phật liền bảo Đại Huệ
- Tất cả hàng ngoại đạo
Có bảy thứ vô thường
Chẳng phải pháp ta thuyết
Thế nào gọi là bảy
Nói tạo rồi lui bỏ
Đó chính là vô thường
Hoặc nói bình xứ hoại
Mà cho là vô thường
Hoặc nói ngay sắc thể
Như thế là vô thường
Giữa quá trình biến chuyển
Đó mới là vô thường
Tan hoại chẳng gián đoạn
Như sữa thành tô lạc
Chuyển biến chẳng thể thấy
Tất cả tánh chuyển biến
Vô thường hoại như thế
Hoặc nói tánh vô thường
Tánh vô tánh vô thường
Pháp bất sanh vô thường
Đem kiến chấp vô thường
Vào tất cả các pháp

1. Đại Huệ ông nên biết
Tạo tội rồi liền bỏ
Ngoại đạo gọi vô thường
Thuyết của ta nói rằng
Lìa kẻ tạo vô thường
Thì chẳng phải tứ đại
Vì tứ đại bất sanh
Đó là nghĩa tánh thường
Pháp khác với tứ đại

Tự tướng đều khác nhau
Thì chẳng có sai biệt
Chẳng có pháp để đắc
Vì sai biệt ấy đều
Chẳng thể tạo ra nữa
Hai phân biệt chẳng tạo
Không bản nguyên vô thường
Không bản nguyên tánh thường
Vô thường tức là thường

2. Ngoại đạo tà sư nói
Hình xứ hoại vô thường
Ta nói rằng tứ đại
Và tứ đại tạo sắc
Là các pháp chẳng hoại
Cứu cánh cũng chẳng hoại
Đại Huệ ông nên biết
Nói cứu cánh tức là
Phân cho đến vi trần
Quán sát sự tiêu hoại
Của các pháp tứ đại
Và tứ đại tạo sắc
Thấy hình xứ dài ngắn
Khác biệt bất khả đắc
Thì chẳng phải tứ đại
Nên tứ đại chẳng hoại
Hiện hình xứ hoại là
Đọa lạc nơi số luận

3. Ngoại đạo lại nói rằng
Ngay sắc thể vô thường
Là hình xứ vô thường
Chẳng phải là tứ đại
Nếu tứ đại vô thường
Chẳng phải thuyết thế tục
Vì ngôn thuyết thế tục
Bản chất vốn phi tánh
Thấy tất cả các tánh
Chỉ có trong ngôn thuyết
Chẳng thấy tự tướng sanh
Là đọa nơi thế luận

4. Ngoại đạo lại nói rằng
Chuyển biến là vô thường
Ta nói sắc thể hiện
Là khác với chơn tánh

Chẳng phải tứ đại khác
Vàng làm ra trang sức
Hiện chuyển biến khác nhau
Nhưng tánh vàng không khác
Đồ trang sức khác nhau
Tánh chuyển biến cũng thế

5. Lại nữa này Đại Huệ
Cho rằng tánh vô thường
Là tự tâm vọng tưởng
Chấp phi thường vô thường
Tại sao ta nói thế
Vì tự tánh bất hoại
Mà cho là vô thường
Đại Huệ ông nên biết
Tất cả tánh vô tánh
Đều là sự vô thường
Ngoài sự vô thường ấy
Chẳng có gì có thể
Khiến pháp tánh vô tánh
Như gậy ngói và đá
Dù có tướng khác biệt
Phá hoại rồi thì thấy
Chẳng có gì là khác
Là sự tánh vô thường
Chẳng phải năng tác và
Sở tác có sai biệt
Đây là sự vô thường
Vì năng tác sở tác
Chẳng có gì sai khác
Tất cả tánh vô nhân
Tánh vô nhân là thường
Đại Huệ ông nên biết
Tánh vô tánh hữu nhân
Phàm phu chẳng thể biết
Nếu các pháp phi nhân
Bất tương tự sanh khởi
Cũng như là cây lý
Lại sanh ra cây đào
Cây đào sanh cây xoài
Nếu sanh khởi thì nói
Các tánh thảy vô thường
Nói như vậy điên đảo

Việc bất tương tự này
Năng tác và sở tác

Chẳng hề có sai biệt
Mà lại thấy có khác
Nếu nói tánh vô thường
Đọa tánh tướng có nhân
Tác có tác cho nên
Các tánh chẳng cứu cánh
Nếu tất cả tánh mà
Đọa tướng có năng tác
Thì năng tác vô thường
Sở tác cũng vô thường
Năng sở đều vô thường
Thì tánh chẳng vô thường
Vô thường sanh vô thường
Lại tức là thường vậy

Nếu chấp tánh vô thường
Thì hoại nghĩa tam thế
Sắc quá khứ vô thường
Ắt chẳng thể lìa hoại
Sắc đã bị hoại rồi
Thì vị lai bất sanh
Nếu sắc là bất sanh
Thì tướng sắc hiện tại
Cũng đồng như bị hoại
Sắc do tứ đại tụ
Lại có tánh sai biệt
Đại và đại tạo sắc
Tự tánh chẳng bị hoại
Lìa khác và chẳng khác
Tất cả hàng ngoại đạo
Đối với nghĩa chẳng hoại
Đại và đại tạo sắc
Nơi tất cả Tam giới
Chẳng biết tánh chẳng hoại
Nên mới có sanh diệt
Nếu lìa đại tạo sắc
Thì tất cả ngoại đạo
Dựa vào đâu suy nghĩ
Tánh của vô thường ư?
Tướng tự tánh bất hoại
Thì tự tướng bất sanh

6. Lại nữa này Đại Huệ
Tánh vô tánh vô thường
Là xa lìa tứ đại
Và tứ đại sở tạo

Khi tự tướng bị hoại
Thì tứ đại tự tánh
Trở nên bất khả đắc
Đó tức là bất sanh

7. Nói bất sanh vô thường
Là phi thường vô thường
Pháp hữu vô bất sanh
Phân tích đến vi trần
Thì chẳng thể nào thấy
Ấy là nghĩa bất sanh
Hoặc còn gọi phi sanh
Tướng vô thường bất sanh
Chẳng giác được nghĩa này
Đọa sanh nghĩa vô thường
Của tà sư ngoại đạo

Kẻ ngoại đạo vọng tưởng
Có kiến chấp vô thường
Tương tự như thế đó
Như lúc tứ đại cháy
Mà tự tướng chẳng cháy
Tướng tự tướng thiêu hoại
Tạo sắc phải đoạn dứt
Mà thật thì chẳng thế

PHÁP NHƯ LAI PHI THƯỜNG PHI VÔ THƯỜNG

Lại nữa này Đại Huệ
Pháp mà ta thường nói
Phi thường phi vô thường
Tại sao lại như thế?
Vì ngoài tánh chẳng thể
Nào quyết định được
Nói Tam giới duy tâm
Chẳng nói tướng sanh diệt
Tứ đại hòa sai biệt
Do tứ đại tạo sắc
Sanh vọng tưởng phân biệt
Có hai thứ mê lầm
Năng nhiếp và sở nhiếp
Biết cả hai đều vọng
Lìa hai thứ kiến chấp
Tướng ngoài tánh phi tánh
Nếu giác được vọng tưởng
Của tự tâm hiện lượng

Do tự tướng tác hành
Sanh khởi phân biệt có
Sở tác nghiệp tướng gọi
Là vọng tưởng khởi sanh
Chẳng phải là không có
Tư tưởng tác hành mà
Gọi là vọng tưởng vậy
Lìa vọng tưởng của tâm
Xa lìa tánh vô tánh
Tất cả pháp thế gian
Và pháp xuất thế gian
Siêu việt xuất thế gian
Phi thường phi vô thường
Chẳng biết tâm hiện lượng
Đọa ác kiến nhị biên
Tất cả hàng ngoại đạo
Do tự mê vọng tưởng
Chẳng biết rằng ba thứ
Pháp tướng thế gian và
Pháp tướng xuất thế gian
Thắng pháp xuất thế gian
Dựa theo ngôn ngữ mà
Vọng tưởng thuyết các pháp
Như Lai nói cảnh giới
Phi thường phi vô thường
Phàm phu chẳng thể hiểu
Vì họ chẳng giác được
Tự tâm hiện lượng vậy

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Lìa sự bắt đầu tạo,
Và hình xứ khác biệt.
Nói tánh Sắc vô thường,
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Các tánh chẳng thể hoại,
Tự trụ tánh tứ đại.
Ngoại đạo tưởng vô thường,
Là chìm nơi kiến chấp.
Pháp hoặc sanh hoặc diệt,
Tánh tứ đại tự thường.
Tại sao bọn ngoại đạo

Lại sanh tưởng vô thường?
Năng nhiếp và sở nhiếp,
Tất cả duy tâm tạo.
Theo hai tâm lưu chuyển,
Vô ngã và ngã sở.
Nói gốc cây Phạm Thiên (ngã),
Nhánh lá khắp thế gian (ngã sở).
Theo pháp Ta sở thuyết,
Chỉ do tâm họ tạo.

– Hết trích–

HÀNH TƯỚNG BÁT ĐỊA

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết tướng diệt tận định
Các thứ lớp tương tục
Của tất cả Bồ Tát
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Nếu khéo biết thứ lớp
Tương tục diệt tận định
Khiến con và Bồ Tát
Chẳng vọng xả sự vui
Pháp môn diệt tận định
Chẳng đọa sự ngu si
Của tất cả ngoại đạo
Thanh Văn và Duyên Giác
Phật liền bảo Đại Huệ:
-Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông nói
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo
Phật liền bảo Đại Huệ
- Từ sơ đến lục địa
Bồ Tát đắc nhơn vô ngã
Chứng nhập diệt tận định
Với Thanh Văn Duyên Giác
Thì chứng đắc không khác
Nơi định có xuất nhập
Chưa thể niệm niệm nhập
Đến thất địa Bồ Tát
Nhập vào diệt tận định
Lìa các tướng hữu vô

Vào Niết Bàn chẳng trụ
Khác Nhị Thừa nhiếp thọ
Sự vui của chánh định
Cho chánh định là thiện
Duyên theo pháp hữu vi
Mà nhập diệt tận định
Đọa vào nơi cảnh giới
Năng nhiếp và sở nhiếp
Và có hành có giác
Nên thất địa Bồ Tát
Niệm niệm diệt tận định
Mà chẳng khởi nghĩ rằng
Diệt tận định là thiện
Pháp tướng chẳng sai biệt
Chẳng phân pháp hữu vô
Pháp thiện pháp bất thiện

Lại nữa này Đại Huệ
Quả bát địa Bồ Tát
Xa lìa các tạng thức
Đối với tất cả pháp
Các tướng diệt cho đến
Tâm ý và ý thức
Hư vọng phân biệt của
Thanh Văn và Duyên Giác
Đều hoàn toàn tận diệt
Từ sơ đến thất địa
Các sở tu quán hạnh
Thấy tất cả các pháp
Nơi Tam giới chỉ do
Tâm ý và ý thức
Sợ hiện nơi tâm lượng
Lìa ngã và ngã sở
Cũng đều chuyển diệt luôn
Ngoại đạo nơi tự tâm
Khởi vọng tưởng phân biệt
Hư vọng tu tập thấy
Ở ngoài pháp có tướng
Thì đọa tướng ngoài tánh
Là hai thức chấp trước
Của phàm phu ngoại đạo
Dùng tụ tâm nhiếp tâm
Thấy năng nhiếp sở nhiếp
Bèn nói là đoạn diệt
Chẳng biết do tập khí
Hư ngụy từ vô thỉ

Sở huân mà đoạn diệt
Các chủng tánh Như Lai

Lại nữa này Đại Huệ
Bát địa Bồ Tát đắc
Tam Muội các tổng trì
Với Thanh Văn Duyên Giác
Dù hơi có giống nhau
Nhưng Bồ Tát khác chỗ
Có chánh giác gia trì
Có sự vui Tam Muội
Mà chẳng nhập Niết Bàn
Nếu chẳng có chánh giác
Như Nhị Thừa tự yên
Chẳng thể trọn Bồ Đề
Mà tự chứng Niết Bàn
Lìa bỏ các chúng sanh
Chẳng vì chúng thuyết pháp
Dẫn dắt các chúng sanh
Vào tri kiến Như Lai
Khiến Phật chủng đoạn dứt
Chư Thế Tôn vì muốn
Khiến Nhị Thừa nối tiếp
Gieo trồng hạt giống Phật
Nên thị hiện vô lượng
Công đức bất tư nghì
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Ham vui của Tam Muội
Chẳng chuyển tâm Đại Thừa
Mê chấp chứng Niết Bàn

Lại nữa này Đại Huệ
Sở dĩ ta nhấn mạnh
Bộ phận quả thất địa
Là muốn các hành giả
Khéo léo tu phương tiện
Xa lìa các tướng lầm
Tâm ý và ý thức
Kiến chấp ngã ngã sở
Nhiếp thọ nhơn vô ngã
Pháp vô ngã đều khắp
Biện tài tứ vô ngại
Đắc sức quyết định nơi
Tam Muội môn tổng trì
Từ đạo phẩm tương tục
Lần tiến lên bát địa

Cho đến quả thập địa
Vì e các Bồ Tát
Chẳng khéo léo liễu tri
Tự tướng và cộng tướng
Sự thứ lớp tương tục
Của chư địa quả thánh
Đọa ác kiến ngoại đạo
Nên kiến lập thứ lớp
Chư địa các quả thánh
Đại Huệ ông nên biết
Trừ tự tâm hiện lượng
Thật không pháp sanh diệt
Chư địa lớp tương tục
Đoạn dứt các hạnh mê
Hoặc rơi vào Tam giới
Vì phàm phu chẳng giác
Nên ta và chư Phật
Thuyết chư địa thứ lớp
Thuyết đoạn dứt hạnh mê
Và trầm luân Tam giới

Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát Đệ bát địa
Vì muốn diệt ham trụ
Sự vui nơi Tam Muội
Của Thanh Văn Duyên Giác
Biết họ chẳng khéo giác
Trong tự tâm hiện lượng
Của tự tướng cộng tướng
Bị mê say rượu của
Tập khí và sở chướng
Đọa kiến chấp mê lầm
Nhiếp nhơn pháp vô ngã
Vọng tưởng là Niết Bàn
Chẳng phải là trí huệ
Tịch diệt của tự giác
Lại nữa này Đại Huệ
Bồ Tát thấy sự vui
Của Tam Muội tịch diệt
Do bổn nguyện đại bi
Thương xót các chúng sanh
Phân biệt và liễu tri
Pháp thật vô tận cú
Chẳng trụ vọng Niết Bàn
Vì họ biết rõ rằng
Vốn đã là Niết Bàn

Nên vọng tưởng chẳng sanh
Lìa năng nhiếp sở nhiếp
Của vọng tưởng mê lầm
Liễu tự tâm hiện lượng
Nơi tất cả các pháp
Vì vọng tưởng chẳng sanh
Nên chẳng đọa mê lầm
Nơi tâm ý ý thức
Tướng vọng tưởng chấp trước
Ngoài tánh của tự tánh
Đối với tu Phật pháp
Chẳng có nhân bất sanh
Theo trí huệ mà sanh
Chứng đắc tự giác địa

Như người ở trong mộng
Dùng phương tiện qua sông
Nhưng chưa qua đã thức
Thức rồi bèn suy nghĩ
Là chánh hay là tà
Hoặc phi chánh phi tà
Người ấy do tưởng nhớ
Những tập khí kiến văn
Giác tri từ vô thỉ
Nên ở trong hình xứ
Đọa vào tướng hữu vô
Thành có giấc mơ hiện
Nơi tâm ý ý thức
Nên suy nghĩ như thế

Này Đại Huệ như thế
Bồ Tát nơi bát địa
Thấy chỗ vọng tưởng sanh
Từ sơ đến thất địa
Thấy các pháp như huyễn
Dùng phương tiện độ thoát
Cái tâm mê vọng tưởng
Năng nhiếp sở nhiếp xong
Dùng phương tiện Phật pháp
Khiến người mê chứng đắc
Đại Huệ ông nên biết
Đây chính là phương tiện
Chẳng đoạn dứt Niết Bàn
Của hàng đại Bồ Tát
Lìa tâm ý ý thức
Đắc vô sanh pháp nhẫn

Đại Huệ ông nên biết
Nơi đệ nhất nghĩa không
Có thứ lớp tương tục
Vọng tưởng vô sở hữu
Chính là pháp tịch diệt

Khi đó Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Tam thế Chư Phật thuyết,
Tâm lượng vô sở hữu.
Bậc Trụ địa Bồ Tát,
Được đến địa vị Phật.
Tâm lượng nơi Tạng Thức,
Thất Địa chưa diệt sạch.
Bát Địa mới diệt hết.
Hai Địa Thất và Bát,
Đều gọi là Trụ địa.
Phật địa gọi Tối Thắng,
Trí tự giác trong sạch.
Chỗ tự tại Tối Thắng,
Chiếu soi như lửa hồng,
Quang minh khắp nơi nơi,
Sáng lòa chẳng chói mắt.
Giáo hóa lúc hiện tại,
Hoặc giáo hóa lúc trước,
Đến đây diễn Nhất thừa,
Đều vào Địa Như Lai.
Nhất thừa lập chư Địa,
Thật thì chẳng thứ lớp.
Thập Địa như Sơ Địa,
Sơ Địa như Bát Địa,
Cửu Địa như Thất Địa,
Thất Địa như Bát Địa,
Nhị Địa như Tam Địa,

Tứ Địa như Ngũ Địa,
Tam Địa như Lục Địa,
Thông nhau chẳng thứ lớp.

– Hết trích –



CHÁNH GIÁC THƯỜNG TRỤ

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Như Lai Chánh Đẳng Giác
Là thường hay vô thường?
Phật trả lời Đại Huệ
- Như Lai Chánh Đẳng Giác
Phi thường phi phi thường
Vì cả hai đều lỗi
Nói thường lỗi năng tác
Các ngoại đạo đều nói
Thường là có kẻ tác
Thường do tác mà thành
Thì chẳng phải chơn thường
Phật đối với chơn thường
Còn chẳng thấy tướng thường
Huống là do tạo tác
Mà đạt thành thường ư
Do đó nên nói lỗi
Nếu nói Phật vô thường
Lỗi sở tác vô thường
Ngoại đạo cho ngũ ấm
Là có tướng sở tác
Nhưng cả hai tướng thấy
Năng thấy và sở thấy
Của ngũ ấm đều chẳng
Tự tánh nên đoạn diệt
Mà Phật chẳng đoạn diệt
Lại nữa này Đại Huệ
Sở tác đều vô thường
Như cái bình y áo
Đều có lỗi vô thường
Thế thì các công đức
Phương tiện để độ sanh
Nhất thiết trí sở tác
Đều trở thành vô nghĩa
Vì vốn có sở tác
Nếu có nghĩa ắt rằng
Các sở tác thế gian
Thảy đều so đồng như
Sở tác của Như Lai
Vì chẳng sai biệt vậy
Cho nên Như Lai nói
Phi thường phi vô thường

CHÁNH GIÁC THƯỜNG HIỆN BÀY

Lại nữa này Đại Huệ
Như Lai thật chẳng phải
Như là hư không thường
Nếu như hư không thường
Thành ngoan không vô tri
Mà tự giác thánh trí
Thì đầy đủ linh giác
Nói như hư không thường
Có cái lỗi vô nghĩa
Lại nữa này Đại Huệ
Ví như là hư không
Phi thường phi vô thường
Lìa thường và vô thường
Nhất dị đồng chẳng đồng
Cho nên bất khả thuyết
Như Lai phi thường vậy
Lại nữa này Đại Huệ
Dựa vào các việc khác
Biết Như Lai là thường
Vì trí sở đắc thường
Nên Như Lai cũng thường

CHÂN GIÁC THƯỜNG BÌNH ĐẲNG

Lại nữa này Đại Huệ
Như Lai hoặc ra đời
Hoặc là chẳng ra đời
Pháp cố định thường trụ
Thanh Văn và Duyên Giác
Chư Như Lai thường trụ
Chẳng hề có gián đoạn
Cũng chẳng phải vô tri
Như hư không thường trụ
Phàm phu chẳng thể hiểu
Lại nữa này Đại Huệ
Trí sở đắc của Phật
Do bát nhã sở huân
Chẳng như chỗ tâm ý
Ý thức của ngoại đạo
Ấm giới nhập sở huân
Đại Huệ ông nên biết
Tam giới do vọng tưởng
Chẳng phải thật sở sanh
Như Lai thì chẳng từ

Vọng tưởng chẳng thật sanh
Đại Huệ ông nên biết
Vì hai pháp đối đãi
Nên có thường vô thường
Chẳng phải pháp bất nhị
Pháp bất nhị tịch tịnh
Pháp chẳng hai tướng sanh

Cho nên Đức Như Lai
Phi thường phi vô thường
Đại Huệ ông nên biết
Sanh ngôn thuyết phân biệt
Có lỗi thường vô thường
Cái giác phân biệt diệt
Thì xa lìa kiến chấp
Thường vô thường phàm phu
Kiến chấp của phàm phu
Hư vọng phân biệt pháp
Có thường và vô thường
Phi thường phi vô thường
Huân tập pháp sanh diệt
Dẫu có đắc trí huệ
Cũng chẳng thể tịch tịnh
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Nói đủ thứ vô nghĩa
Sanh lỗi thường, vô thường.
Từ đó kiến lập Tông,
Có nhiều nghĩa hỗn tạp.
Nếu chẳng sanh phân biệt,
Lìa hẳn thường, vô thường.
Đẳng quán lượng tự tâm,
Ngôn thuyết bất khả đắc.

– Hết trích –



HỎI VÔ NGÃ THÌ AI SANH DIỆT

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin Đức Thế Tôn
Vì chúng con thuyết giải
Nói về sự sanh diệt
Của ấm giới và nhập
Nếu những việc ấy mà
Vốn không có tự tánh
Tức là không có ngã
Thì lấy ai sanh diệt
Phàm phu nương sanh diệt
Chẳng thể biết Niết Bàn
Nên chẳng thể hết khổ

Phật trả lời Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ liền bạch Phật
- Con cúi xin thọ giáo

NHƯ LAI TẠNG THANH TỊNH

Phật liền bảo Đại Huệ:
-Như lại Tạng chính là
Cái nhân thiện bất thiện
Phổ biến tạo chúng sanh
Ví như nhà ảo thuật
Biến hiện người huyễn hóa
Lìa ngã và ngã sở
Ngoại đạo chẳng biết do
Ba duyên căn cảnh thức
Hòa hợp mà sanh khởi
Chấp có kẻ tạo tác
Ấy là do ác kiến
Và tập khí hư ngụy
Từ vô thỉ sở huân
Gọi đó là tạng thức
Sanh vô minh trụ địa
Cùng với thức thứ bảy
Sanh các pháp nhiễm tịnh
Như biển nổi làn sóng
Thường khởi chẳng dứt được
Nếu lìa lỗi vô thường
Và lìa nơi thần ngã

Chấp thường luận ngoại đạo
Thì tự tánh vô nhiễm
Bổn lai vốn trong sạch

NHƯ LAI TẠNG DIỆT CÁC THỨC

Còn có các thức kia
Thì có sanh có diệt
Nơi ý thức niệm niệm
Tạo cái nhân vọng tưởng
Chấp lấy các cảnh giới
Đủ hình xứ danh tướng
Chẳng biết rằng sắc tướng
Do tự tâm sở hiện
Chẳng lìa sự khổ vui
Chẳng đi đến giải thoát
Bị danh tướng trói buộc
Tham sanh rồi sanh tham
Nếu nhân duyên các căn
Nhiếp thọ bị diệt tận
Thì tương tục chẳng sanh
Nếu lìa tâm vọng tưởng
Chẳng thọ sự khổ vui
Hoặc nhập diệt tận định
Hoặc nhập cõi Tứ Thiền
Hoặc khéo tu chơn đế
Chỉ chứng lý thiên không
Người tu cho giải thoát
Ham trụ nơi Niết Bàn
Chẳng lìa và chẳng chuyển
Như Lai tạng thức tạng[40]

Ngoại đạo do thức bảy
Chấp trước thức thứ tám
Làm thần ngã thì sẽ
Lưu chuyển không bị diệt
Do các thức phan duyên
Chẳng phải cảnh tu hành
Của Thanh Văn Duyên Giác
Chẳng giác được vô ngã
Có tự tướng cộng tướng
Nhiếp thọ mà sanh khởi
Ấm giới nhập ba duyên
Nếu thấy Như Lai tạng
Thì năm pháp tự tánh
Và nhơn pháp vô ngã

Thảy đều bị tiêu diệt

NHƯ LAI TÀNG TỰ GIÁC

Các từng địa thứ lớp
Tương tục mà tiến lên
Chẳng bị các kiến chấp
Của ngoại đạo lay động
Ấy gọi là trụ nơi
Bồ Tát bất động địa
Đắc mười thứ đạo môn
An vui của Tam Muội
Do trí huệ giác của
Các Tam Muội sở trì
Quán sát nơi Phật pháp
Bất tư nghì thật tế
Hướng tự giác thánh trí
Chẳng cùng lối tu hành
Của Thanh Văn Duyên Giác
Và tà sư ngoại đạo
Đắc mười thứ chủng tánh
Xa lìa Tam Muội hạnh
Vào nơi ý sanh thân
Của Như Lai trí thân
Cho nên này Đại Huệ
Bồ Tát muốn thẳng tiến
Nên tẩy sạch danh tướng
Như lai tạng thức tạng

Lại nữa này Đại Huệ
Nếu chẳng có danh tướng
Thức tạng Như Lai tạng
Thì chẳng có sanh diệt
Nhưng các bậc phàm phu
Hiền thánh đều sanh diệt
Người tu hành chứng đắc
Được tự giác thánh trí
Thì chẳng xả phương tiện
Mà hiện pháp lạc trụ
Lại nữa này Đại Huệ
Như lai tạng thức tạng
Này là do tâm tưởng
Của Thanh Văn Duyên Giác
Dù tự tánh thanh tịnh
Nhưng khách trần che lấp
Nên vẫn thấy bất tịnh

Chẳng phải thấy Như Lai
Đại Huệ ông nên biết
Cảnh hiện tiền của Phật
Như xem Yêm Ma La
Trong lòng bàn tay vậy

Đại Huệ ông nên biết
Ta ở nơi nghĩa này
Dùng thần lực kiến lập
Khiến Thắng Man Phu Nhân
Và chư đại Bồ Tát
Được trí sáng đầu đủ
Diễn thuyết và tuyên dương
Như Lai tạng thức tạng
Và sự cùng sanh của
Bảy thứ thức nêu trên
Vì Thanh văn chấp trước
Thấy nhơn pháp vô ngã
Nên Thắng Man Phu Nhân
Thừa oai thần Như Lai
Thuyết cảnh giới của Phật
Chẳng phải là cảnh giới
Của Nhị Thừa ngoại đạo
Như Lai tạng thức tạng
Chỉ có Phật Bồ Tát
Y nơi nghĩa lợi trí
Có cảnh giới trí này
Nên ông và Bồ Tát
Nên siêng năng tu học
Như lại tạng thức tạng
Chớ nên chỉ nghe suông

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Như Lai Tạng thâm sâu,
Mà cùng với bảy thức,
Sanh hai thứ nhiếp thọ,
Bậc trí nên xa lìa.
Vô thỉ huân tập khí,
Như tượng hiện tâm gương.
Người quán sát như thật,
Hữu sự như vô sự.

Kẻ ngu quán mặt trăng,
Quán chỉ (ngón tay) chẳng quán trăng.
Chấp trước theo văn tự.
Chẳng thấy nghĩa chơn thật.
Tâm làm nghề ảo thuật,
Ý là người giúp nghề.
Ngũ thức bạn diễn viên,
Vọng tưởng là khán giả.

– Hết trích –



NĂM PHÁP HAI VÔ NGÃ

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin vì chúng thuyết
Năm pháp tự tánh thức
Hai thứ pháp vô ngã
Cứu cánh phân biệt tướng
Khiến con và Bồ Tát
Nơi tất cả các địa
Tương tục phân biệt pháp
Vào tất cả Phật pháp
Cuối cùng sẽ tựu thành
Tự giác địa Như Lai
Phật trả lời Đại Huệ
- Hãy chú ý lắng nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo

Phật lại bảo Đại Huệ
- Nay ta sẽ thuyết giảng
Năm pháp tự tánh thức
Hai thứ pháp vô ngã
Và phân biệt trí tướng
Năm pháp tự tánh là:

1. Danh
2. Tướng
3. Vọng tưởng
4. Chánh trí
5. Như như

Nếu tu theo pháp này
Vào tự giác thánh trí
Của mười phương Như Lai
Xa lìa những kiến chấp
Đoạn thường và hữu vô
Liền trụ nơi chánh định
Hiện nhiếp thọ pháp lạc
Lại nữa này Đại Huệ
Nếu chẳng biết năm pháp
Hai thứ pháp vô ngã
Ngoài tánh tự tâm hiện
Là phàm phu vọng tưởng
Chẳng phải là thánh hiền

DANH TƯỚNG DO VỌNG TƯỞNG

Đại Huệ liền hỏi Phật
- Thế nào là sanh khởi
Vọng tưởng của phàm phu
Chẳng phải là thánh hiền?

Phật trả lời Đại Huệ:
-Kẻ phàm phu chấp trước
Danh tướng của thế tục
Nên tùy tâm lưu chuyển
Hiện đủ thứ tướng mạo
Chấp ngã và ngã sở
Chấp hy vọng diệu sắc
Rồi trở thành vô tri
Bị vô tri chướng ngại
Nên sanh ra nhiễm trước
Tham sân si nghiệp tụ
Sanh vọng tưởng tự trói
Như con tằm nhả tơ
Làm kén tự trói vậy
Chúng sanh đọa sanh tử
Trầm luân nơi lục đạo
Như bánh xe chẳng ngừng
Vì tâm bị ngu si
Chẳng biết từ tự tâm
Mà vọng tưởng sanh khởi
Tướng sanh trụ dị diệt
Bản chất như huyễn hóa
Như bụi trần lăng xăng
Như mặt trăng trong nước
Chẳng do nơi tự tại
Thời tiết và vi trần
Sự thắng diệu mà sanh

CHUYỂN VỌNG THÀNH TRÍ

1. Nói danh là phàm phu
Theo dòng nước danh tướng
Khởi tất cả vọng tưởng
Đặt ra đủ tên gọi
Ta nói đó là danh

2. Nói tướng do nhãn thức
Chiếu soi thành ra sắc
Nhĩ tỷ thiệt thân ý

Và ý thức phân biệt
Thanh hương vị xúc pháp
Ta nói đó là tướng

3. Vọng tưởng là giả lập
Nhiều danh hiển thị tướng
Do vọng tưởng suy nghĩ
Vọng lập các tên gọi
Voi ngựa xe nam nữ
Gọi đó là vọng tưởng

4. Nói chánh trí là tìm
Danh tướng bất khả đắc
Cũng như khách đi đường
Chẳng có nơi sở trụ
Các phân biệt chẳng sanh
Chẳng đoạn cũng chẳng thường
Chẳng đọa nơi ngoại đạo
Thanh Văn và Duyên Giác
Ấy gọi là chánh trí

5. Lại nữa này Đại Huệ
Nói Như như chính là
Bồ Tát dùng chánh trí
Chẳng lập theo danh tướng
Cũng chẳng phải không lập
Lìa kiến lập phủ định
Và nhị biên đối đãi
Thì danh tướng chẳng sanh
Gọi đó là Như như

Lại nữa này Đại Huệ
Trụ nơi Như như rồi
Đắc cảnh vô sở hữu
Chứng quả hoan hỷ địa
Lìa hẳn các ác kiến
Của tà sư ngoại đạo
Trụ bậc xuất thế gian
Pháp tướng đã thành thục
Phân biệt các tướng huyễn
Của tất cả các pháp
Tự giác các pháp tướng
Xa lìa các vọng tưởng
Thấy tánh tướng khác biệt
Tiến lên pháp vân địa
Sức thần thông Tam Muội

Được mở mang khắp nơi
Chứng đắc Như Lai địa
Đắc Như Lai địa rồi
Viên chiếu hiện biến hóa
Thành tựu cho chúng sanh
Chẳng trụ nơi chúng sanh
Như bóng trăng trong nước
Đủ thập vô tận cú
Khế cơ mà thuyết pháp
Pháp thân lìa sở tác
Nhập Như như sở đắc

BA TỰ TÁNH GOM VÀO NĂM PHÁP

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Thế nào ba tự tánh[42]
Gom vào thành năm pháp
Chúng có tự tướng chăng?

Phật trả lời Đại Huệ
- Ba thứ pháp tự tánh
Tám thức hai vô ngã
Đều gom vào năm pháp
Đại Huệ ông nên biết
Nói danh và tướng là
Vọng tưởng của tự tánh
Dựa vọng tưởng sanh tâm
Hoặc là sanh tâm pháp
Gọi là đồng thời sanh
Như ánh sáng mặt trời
Chiếu soi muôn sai biệt
Thức thứ sáu phân biệt
Thức thứ bảy chấp trì
Các duyên khởi lẫn nhau
Là duyên khởi tự tánh
Lại nữa này Đại Huệ
Nói chánh trí Như như
Là tánh chẳng thể hoại
Gọi là thành tự tánh

TÁM THỨC GOM VÀO NĂM PHÁP

Lại nữa này Đại Huệ
Vọng tưởng tự tâm hiện
Tám thứ thức khác nhau

Tạng thức thức thứ tám
Ý là thức thứ bảy
Ý thức thức thứ sáu
Và các tiền ngũ thức
Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân
Nếu diệt hẳn tướng ngã
Và diệt luôn ngã sở
Năng nhiếp và sở nhiếp
Các vọng tưởng chẳng thật
Hai vô ngã sanh khởi
Cho nên này Đại Huệ
Nói năm pháp này là
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Bồ Tát và Như Lai
Bậc tự giác thánh trí
Chư địa lớp tương tục
Tất cả Phật pháp thảy
Đều bao gồm trong đó

PHẬP PHÁP GOM VÀO NĂM PHÁP

Lại nữa này Đại Huệ
Nay ta tóm tắt lại
Năm pháp tướng danh vọng
Như như và chánh trí
Nghĩa tướng là xứ sở
Hình tướng và sắc tướng
Hiện ra tướng khác biệt
Nên gọi đó là tướng
Nghĩa danh là đặt tên
Dựa vào theo hình tướng
Như bình tên là bình
Y áo tên y áo
Chẳng phải là cái khác
Thế nên gọi là danh
Vọng tưởng là giả lập
Nhiều tên thị hiện tướng
Như phân biệt các bình
Các y áo vân vân
Hiện trong tâm tâm pháp
Gọi đó là vọng tưởng
Như như là danh này
Với tướng kia bất giác
Các pháp cũng chẳng thể
Lần lượt sinh ra nhau
Lìa vọng tưởng chẳng thật

Cuối cùng bất khả đắc
Thật chỉ là Như như
Ta và các Như Lai
Tùy thuận theo chúng sanh
Mà phổ biến thuyết pháp
Giả lập các phương tiện
Hiển bày nghĩa như thật
Khiến họ vào chánh giác
Hiểu phi đoạn phi thường
Vọng tưởng chẳng sanh khởi
Thuận tự giác thánh trí
Pháp tướng này ngoại đạo
Thanh Văn và Duyên Giác
Chẳng thể nào đắc được
Ấy gọi là chánh trí
Đại Huệ ông nên biết
Gọi chung là năm pháp
Thật ra ba tự tánh
Tám thức hai vô ngã
Tất cả Phật pháp thảy
Đều trong năm pháp này
Cho nên này Đại Huệ
Theo phương tiện tu học
Cũng dạy các người khác
Theo đúng chánh pháp này
Chớ nên theo pháp khác
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà thuyết bài kệ rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Năm pháp ba tự tánh
Cùng với tám thứ thức
Và hai thứ vô ngã
Thảy nhiếp trong Đại Thừa
Tướng, Danh và Vọng tưởng
Thuộc về pháp thế gian
Như Như cùng Chánh Trí
Thuộc pháp xuất thế gian
Hai tánh chẳng thể hoại
Nên gọi Thành Tự Tánh.

– Hết trích –

PHÁP THÂN KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Khi ấy ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Đức Phật đã tuyên bố
Có hằng sa chư Phật
Phật quá hiện, vị lai
Lại cũng thuyết như thế
Tất cả đều tín thọ ư?
Hoặc còn nghĩa nào khác
Cúi xin Phật rũ lòng
Thương xót mà giải thích

Phật trả lời Đại Huệ:
-Chớ như nói tín thọ
Tam thế chư Như Lai
Chẳng phải như hằng sa
Tại sao ta nói thế
Nuôi hy vọng thế gian
Dùng thí dụ chẳng thể
Vì phàm phu ngoại đạo
Vọng tưởng và chấp trước
Nuôi dưỡng các ác kiến
Đọa nơi cõi sanh tử
Trầm luân vô cùng tận
Muốn khiến họ nhàm chán
Cõi sanh tử luân hồi
Siêng tu hành giải thoát
Mà giả lập phương tiện
Nên nói với họ rằng
Chư Thế Tôn dễ thấy
Chẳng như ưu đàm bát
Là thiên hoa khó gặp
Như lập ra hóa thành
Chỉ là một phương tiện
Thỏa mãn mong cầu họ
Có khi quán căn cơ
Mà nói với chúng rằng
Như Lai rất khó gặp
Như là hoa Ưu Đàm
Thật ra hoa Ưu Đàm
Chẳng có ai đã thấy
Nay thấy và sẽ thấy
Mà Như Lai thì khắp
Thảy thế gian đều thấy
Chẳng kiến lập tự thông

Mà nói Phật ra đời
Giống như hoa Ưu Đàm
Lại nữa này Đại Huệ
Vì kiến lập tự thông
Vượt hy vọng thế gian
Phàm phu chẳng thể tin
Cảng tự giác thánh trí
Chẳng có thể thí dụ
Vì chơn thật Như Lai
Siêu việt tướng thấy biết
Của tâm ý ý thức
Nên chẳng thể thí dụ
Đại Huệ ông nên biết
Nhưng ta nói thí dụ
Như Lai như hằng sa
Thì chẳng có lỗi lầm

PHÁP THÂN TỰ TÁNH TRONG SẠCH

Lại nữa này Đại Huệ
Ví như cát sông Hằng
Mặc cho tất cả cá
Ba ba đến sư tử
Voi ngựa người và thú
Dẫm đạp nhưng cát ấy
Cũng chẳng khởi nghĩ rằng
Chúng đó nhiễu loạn ta
Mà phát sanh vọng tưởng
Tương tự như thế đó
Tướng tự giác thánh trí
Dụ là dòng sông hằng
Sức thần thông tự tại
Dụ là cát sông hằng
Ngoại đạo người và thú
Dụ cho kẻ nhiễu loạn
Như Lai chẳng do đó
Khởi niệm sanh vọng tưởng
Vì Như Lai tịch diệt
Chẳng sanh khởi niệm tưởng
Do bản nguyện nên Phật
Dùng Tam Muội khiến chúng
Đoạn dứt tham sân si
Mà được sự an lạc
Chẳng có sự nhiễu loạn
Như Lai Chánh Đẳng Giác
Tự tánh vốn trong sạch

Chẳng hề có cấu bẩn
Cũng như cát sông hằng
Chẳng có sai biệt vậy

PHÁP THÂN KHÔNG HOẠI

Ví như cát sông Hằng
Là tự tánh của địa
Khi hỏa kiếp đến thiêu
Hết tất cả địa đại
Địa đại chẳng xả tánh
Địa đại và hỏa đại
Cùng sanh nơi tứ đại
Nhưng phàm phu vọng tưởng
Cho địa đại bị thiêu
Mà thật chẳng bị thiêu
Vì hỏa với địa đồng
Một nhân trong tứ đại
Như thế này Đại Huệ
Như hằng sa chẳng hoại
Vì cùng Như Lai ở
Trong một pháp thân vậy
Vì pháp thân Như Lai
Cùng khắp cả hư không

PHÁP THÂN KHÔNG HẠN LƯỢNG

Lại nữa này Đại Huệ
Ví như cát sông Hằng
Chẳng hề có hạn lượng
Ánh sáng của Như Lai
Cũng lại như thế đó
Chẳng hề có hạn lượng
Thành tựu cho chúng sanh
Nên phổ chiếu cõi Phật
Đại Huệ ông nên biết
Ví như cát sông Hằng
Ngoài cát cầu cát khác
Trọn không thể nào được
Như thế này Đại Huệ
Như Lai Chánh Đẳng Giác
Chẳng có sanh và diệt
Vì đoạn dứt nhân duyên
Của tương tục sanh diệt

PHÁP THÂN KHÔNG TĂNG GIẢM

Lại nữa này Đại Huệ
Ví như cát sông Hằng
Thêm bớt chẳng thể biết
Như thế này Đại Huệ
Trí huệ của Như Lai
Thành tựu cho chúng sanh
Chẳng thêm cũng chẳng bớt
Vì chẳng phải sắc thân
Sắc thân thì có hoại
Pháp thân của Như Lai
Chẳng phải là sắc thân
Nên chẳng thể hư hoại

BI NGUYỆN KHẮP PHÁP GIỚI

Như ép cát sông Hằng
Chẳng thể ra được dầu
Cũng thế Như Lai độ
Các khổ não chúng sanh
Do Tam Muội bản nguyện
Mà khởi tâm đại bi
Chẳng xả nơi pháp giới
Dù chúng sanh chưa chứng
Bức bách Phật cỡ nào
Cũng chẳng nổi sân hận

PHÁP THÂN TUỲ THUẬN NIẾT BÀN

Đại Huệ ông nên biết
Ví như cát sông Hằng
Trôi lăn theo dòng nước
Cát chẳng thể không nước
Mà có thể tự trôi
Pháp của Như Lai thuyết
Trôi theo dòng Niết Bàn
Cũng lại như thế đó
Pháp chẳng lìa Niết Bàn
Như cát chẳng lìa nước
Niết bàn là bản tế
Của luân hồi sanh tử
Vốn có tướng tịch diệt
Nên chẳng thể biết được
Biết còn chẳng thể được
Làm sao nói đoạn dứt

BIẾT VỌNG ĐƯỢC GIẢI THOÁT

Đại Huệ bạch Phật rằng
- Nếu bản tế sanh tử
Chẳng thể nào biết được
Thì tại sao giải thoát
Của tất cả chúng sanh
Lại có thể biết được
Phật trả lời Đại Huệ
- Cái nhân của vọng tưởng
Và tập khí hư ngụy
Từ vô thỉ bị diệt
Thì liền hiểu biết được
Ngoài nghĩa tự tâm hiện
Thân vọng tưởng giải thoát
Giải thoát là bất diệt
Cũng tức là tịch diệt
Tịch diệt chẳng ngằn mé
Cho nên là vô biên
Chẳng phải vô sở hữu
Như vọng tưởng ngoại đạo
Gọi nhiều tên khác biệt
Vô lượng và vô biên
Theo bậc trí quán sát
Nội tâm và ngoại cảnh
Lìa nơi các vọng tưởng
Chúng sanh không khác biệt
Trí nhĩ diệm tịch tịnh
Vì chẳng biết vọng tưởng
Đều do tự tâm hiện
Nên vọng tưởng sanh khởi
Hễ biết được rồi thì
Tất cả đều tịch diệt
Gọi đó là giải thoát
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Quán sát chư Đạo sư,
Cũng như cát sông Hằng.
Chẳng hoại chẳng khứ Lai,
Cũng chẳng có cứu cánh.
Ấy tức là bình đẳng,
Quán sát chư Như Lai.

Cũng như cát sông Hằng,
Thảy lìa tất cả lỗi.
Tùy lưu mà tánh thường,
Ấy là chánh giác Phật.

– Hết trích –

CHỈ NGHĨA SÁT NA

Lúc bấy giờ Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng:
- Cúi xin vì đại chúng
Thuyết tướng sát na hoại
Của tất cả các pháp

Kính bạch Đức Thế Tôn
Thế nào tướng sát na
Của tất cả các pháp
Phật trả lời Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết

Đại Huệ ông nên biết
Các pháp có thể là
Thiện bất thiện vô ký
Hữu vi và vô vi
Thế gian xuất thế gian
Có tội và vô tội
Hữu lậu và vô lậu
Có thọ và bất thọ
Này Đại Huệ lược thuyết
Tâm ý và ý thức
Các tập khí là nhân
Của năm thứ thọ ấm
Cũng là tập khí của
Tâm ý và ý thức
Huân tập và nuôi dưỡng
Khiến phàm phu vọng tưởng
Pháp thiện và bất thiện

Đại Huệ ông nên biết
Như người tu Tam Muội
Tam Muội được chánh thọ
Bèn hiện pháp lạc trụ
Được gọi là thánh hiền

Thuộc pháp thiện vô lậu

Đại Huệ ông nên biết
Nói thiện và bất thiện
Tất cả có tám thức
Ấy là Như Lai tạng
Còn gọi là thức tạng
Tâm ý và ý thức
Và các tiền ngũ thức
Chẳng phải như ngoại đạo
Đại Huệ tiền ngũ thức
Và tâm ý ý thức
Hay phân biệt cảnh trần
Tướng thiện hay bất thiện
Tâm động thì duyên khởi
Duyên hội thì tâm sanh
Rồi lần lượt chuyển biến
Tiền ngũ thức chuyển theo
Thức thứ sáu thì có
Phân biệt thiện và ác
Chuyển theo thức thứ bảy
Thì có tánh chấp trước
Chuyển theo thức thứ tám
Thì lại có chủng tử(43)
Bảy thức trước tương tục
Thì sinh khởi tướng hoại
Thức thứ tám lưu chú
Thì chủng tử không hoại
Nhưng tất cả tám thức
Một thể chẳng có khác
Nên bảy thức sanh diệt
Thức thứ tám theo đó
Mà phải bị sanh diệt
Vì chẳng biết cảnh trần
Do tự tâm biến hiện
Vốn chưa từng sanh diệt
Mà chúng sanh thấy vọng
Sanh tưởng chấp trước lấy
Theo thứ lớp diệt sanh
Sanh xong rồi lại diệt
Thấy hình tướng sai biệt
Do ý thức nhiếp thọ
Tiền ngũ thức tương ưng
Sanh sát na chẳng trụ
Nên gọi đó sát na

NHƯ LAI TẠNG PHI SÁT NA

Lại nữa này Đại Huệ
Sát na là tạng thức
Ở trong Như Lai tạng
Đồng sanh ra tập khí
Và ý thức sát na
Nếu tập khí vô lậu
Thì chẳng phải sát na
Sát na này chẳng phải
Phàm phu có thể biết
Hàng ngoại đạo mê lầm
Chấp trước sát na luận
Chẳng biết tất cả pháp
Sát na phi sát na
Chấp đoạn kiến tức là
Phá hoại pháp vô vi

Đại Huệ ông nên biết
Nhị thừa dứt phiền não
Thức thứ bảy chẳng chuyển
Chẳng thọ sự khổ vui
Mà chẳng phải cái nhân
Của Niết Bàn tịch diệt
Đại Huệ ông nên biết
Nói Như Lai tạng là
Có thọ sự khổ vui
Cùng với cái nhân kia
Hoặc sanh hoặc là diệt
Ngoại đạo say đắm rượu
Tứ trụ địa vô minh(44)
Phàm phu chẳng biết là
Do vọng tưởng huân tập
Tâm thấy có sát na

Lại nữa này Đại Huệ
Như vàng ròng kim cương
Xá lợi Phật đặc biệt
Trọn chẳng thể bị hoại
Đại Huệ ông nên biết
Chứng tự giác thánh trí
Đắc chánh pháp vô gián
Chẳng có tướng sát na
Hoặc sanh hoặc là diệt
Nếu có tướng sát na
Thì bậc thánh không thánh

Mà bậc thánh luôn thánh
Như vàng ròng kim cương
Trải qua vô số kiếp
Mà chất lượng chẳng giảm
Bởi phàm phu chẳng khéo
Hiểu pháp thuyết vi diệu
Và ẩn mật của Ta
Đối với tất cả pháp
Trong và ngoài lầm tưởng
Có sát na sanh diệt

BA LOẠI BA LA MẬT

Bấy giờ ngài Đại Huệ
Lại bạch với Phật rằng
- Thế Tôn vẫn thường nói
Đủ sáu Ba La Mật
Thì được thành Chánh Giác
Cúi xin Phật thuyết giảng

Phật trả lời Đại Huệ
- Ba la mật có ba:
Thế gian xuất thế gian
Siêu việt xuất thế gian
Đại Huệ ông nên biết

THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN BA LA MẬT

Ba La Mật Thế gian
Chấp trước ngã và ngã sở
Nhiếp thọ thuyết nhị biên
Chỗ đủ thứ thọ sanh
Sắc thanh hương vị xúc
Bố thí Ba La Mật
Trì giới và nhẫn nhục
Tinh tấn và thiền định
Trí huệ cũng như thế
Phàm phu đắc thần thông
Sanh cõi trời phạm thiên
Lại nữa này Đại Huệ
Nói xuất thế gian là
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Đọa nhiếp thọ Niết Bàn
Dù hành Ba La Mật
Mà ham trụ sự vui
Niết bàn của chính mình

SIÊU VIỆT BA LA MẬT PHI SÁT NA

Siêu việt xuất thế gian
Là giác được vọng tưởng
Nhiếp thọ tự tâm hiện
Biết tự tâm bất nhị
Nên chẳng sanh vọng tưởng
Đối với sự nhiếp thọ
Thảy đều chẳng có phần
Chẳng chấp trước sắc tướng
Của tự tâm biến hiện
Nhưng vì khiến tất cả
Chúng sanh được an lạc
Mà tùy duyên giáo hóa
Bố thí Ba La Mật
Tạo phương tiện khéo léo
Tùy duyên mà giữ giới
Thì vọng tưởng chẳng sanh
Trì giới Ba La Mật
Nơi thân tâm bị nhục
Mà vọng tưởng chẳng sanh
Biết năng nhiếp sở nhiếp
Cả hai đều chẳng thật
Nhẫn nhục Ba La Mật
Ngày đêm hằng tinh tấn
Lại siêng năng tu hành
Tùy thuận các phương tiện
Mà vọng tưởng chẳng sanh
Tinh tấn Ba La Mật
Vọng tưởng đều dứt sạch
Chẳng trụ nơi Niết Bàn
Của Thanh Văn Duyên Giác
Thiền định Ba La Mật
Trí quán sát tự tâm
Vọng tưởng vốn phi tánh
Chẳng đọa chấp nhị biên
Chuyển thân này thù thắng
Mà chẳng hề đoạn dứt
Đắc tự giác thánh trí
Bát nhã Ba La Mật

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Tánh Không chẳng sát na,
Phàm phu vọng chấp có.
Như dòng sông, tim đèn,
Và chủng tử nẩy mầm.
Dời đổi rất nhanh chóng,
Đều do hành ấm chuyển.
Nghĩa sát na Ta thuyết,

Tịch tịnh lìa sở tác.
Sát na dứt phiền não,
Tất cả pháp chẳng sanh.
Có sanh thì có diệt,
Chẳng có kẻ ngu thuyết.
Tánh tương tục chẳng dừng,
Do vọng tưởng huân tập.
Bởi vô minh làm nhân,
Vọng tâm từ đó sanh.
Khi sắc tướng chưa sanh,
Có gì để phân biệt?

Thấy sanh diệt tương tục,
Theo đó chấp tâm khởi.
Nếu chẳng trụ nơi Sắc,
Theo duyên gì để sanh?
Sanh từ vật khác sanh,
Thì nhân sanh chẳng thật.
Chẳng thật thì chẳng thành,
Sao có sát na hoại?

Người tu hành chánh định,
Như kim cương, xá lợi.
Việc đời còn chẳng hoại,
Huống là đắc chánh pháp!
Như Lai cụ túc trí,
Cùng tỳ kheo bình đẳng.
Sao còn thấy sát na?
Tất cả cảnh huyễn hóa,
Sắc tướng chẳng sát na,
Nơi sắc tướng chẳng thật,
Xem cho là chơn thật.

– Hết trích –

SÁU CHỖ NGHI

Khi ấy ngài Đại Huệ
Bạch với Đức Phật rằng
- Tại sao Đức Thế Tôn
Thọ ký A La Hán
Sẽ thành Chánh Đẳng Giác
Bằng với các Bồ Tát
Hoàn toàn không sai biệt
Nếu Phật vì độ sanh
Mà chẳng nhập Niết Bàn
Thì ai đến Phật đạo?
Tại sao Phật lại nói
Từ lúc mới thành Phật
Cho đến nhập Niết Bàn
Ở nơi khoảng giữa
Chẳng có thuyết một lời
Chẳng có đáp một chữ?
Nói Như Lai thường định
Không niệm lự quán sát
Là vô ngôn vô thuyết
Thì chẳng thể giáo hóa
Sao lại nói hóa Phật
Phân thân làm Phật sự?
Thức sát na chẳng trụ
Tại sao lại biến hoại?
Nói Như Lai thường định
Tại sao lại cần có
Kim cang theo hộ vệ?
Bản tế của tịch diệt
Vốn xa lìa phiền não
Tại sao hiện đủ thứ
Quả báo ma nghiệp ác
Như Chiên Giá Ma Nạp
Giả như là có thai
Tôn Đà Lợi giết con
Để hủy báng Như Lai
Khất thực không được gì
Đành ôm bát trở về
Đắc nhất thiết chủng trí
Sao Phật bị lỗi này?

TRỪ NGHI THỌ KÝ A LA HÁN

Phật trả lời Đại Huệ
- Ông hãy chú ý nghe

Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo

Phật liền bảo Đại Huệ
- Thuyết vô dư Niết Bàn
Để khuyến dụ phàm phu
Tiến lên bậc Bồ Tát
Khuyên các bậc tu hành
Trong cõi này cõi kia
Những người ham Niết Bàn
Của Thanh Văn Duyên Giác
Khiến lìa Thanh Văn thừa
Mà tiến lên Đại Thừa
Nên hóa Phật thọ ký
Cho các hàng Thanh Văn
Chẳng phải Phật thọ ký
Nhưng thọ ký Thanh Văn
Và Bồ Tát chẳng khác
Đại Huệ ông nên biết
Chẳng khác là Nhị Thừa
Chư Như Lai mười phương
Đoạn dứt phiền não chướng
Cùng mùi vị giải thoát
Chẳng phải dứt trí chướng
Đại Huệ ông nên biết
Nói trí chướng chính là
Thấy các pháp vô ngã
Thù thắng và thanh tịnh
Nói phiền não chướng là
Do trước kia tu tập
Mà thấy nhơn vô ngã
Dứt phiền não chướng thì
Chuyển được thức thứ bảy
Diệt ý thức hành
Nếu pháp chướng giải thoát
Chuyển được sự huân tập
Trong tạng thức tiêu diệt
Cứu cánh đạt thanh tịnh

TRỪ NGHI CHẲNG NÓI MỘT CHỮ

Vì pháp bản trụ nên
Trước sau đều phi tánh

TRỪ NGHI KHÔNG SUY XÉT NÓI PHÁP

Vì bản nguyện vô tận
Nên Phật vô niệm lự
Vô quán sát thuyết pháp
Vì tập khí huân tập
Bốn trụ địa vô minh
Trụ địa dứt rồi thì
Hai thứ phiền não dứt
Lìa hai thứ sanh tử
Giác nhơn pháp vô ngã
Cũng đoạn dứt hai chướng

TRỪ NGHI THÀNH PHẬT THỨC SÁT NA HOẠI

Lại nữa này Đại Huệ
Vì lìa nhân sát na
Tập khí của bảy thức
Là pháp thiện vô lậu
Thì chẳng còn luân hồi
Lại nữa này Đại Huệ
Khi nói Như Lai tạng
Là phàm phu ngoại đạo
Chấp trước nơi tánh không
Chấp không nên loạn ý
Dù đắc được không huệ
Nhưng không là vô tri
Vô tri chẳng có huệ
Theo vui khổ lưu chuyển
Nếu giác không chẳng không
Ấy là nghĩa sát na
Chơn thật Như Lai tạng
Hàng phàm phu ngoại đạo
Chẳng thể nào giác được
Lại cho là Niết Bàn

TRỪ NGHI KIM CANG HỘ VỆ

Lại nữa này Đại Huệ
Nói kim cang lực sĩ
Thường theo ta hộ vệ
Ấy là hóa Phật thôi
Chẳng phải chơn Như Lai
Lại nữa này Đại Huệ
Chơn Như Lai là lìa
Tất cả mọi căn lượng

Nghĩa là mọi căn lượng
Của phàm phu Nhị Thừa
Và tà sư ngoại đạo
Thảy đều bị diệt hết
Đắc hiện pháp trụ lạc
Vô gián pháp trí nhẫn
Chẳng phải cần kim cang
Đi theo mà hộ vệ

TRỪ NGHI CÁC NGHIỆP BÁO

Tất cả các hóa Phật
Chẳng từ nghiệp sanh ra
Hóa Phật chẳng phải Phật
Mà lại chẳng lìa Phật
Như thợ gốm làm đồ
Đồ gốm chẳng phải đất
Nhưng cũng chẳng lìa đất
Theo tướng sở tác của
Chúng sanh mà thuyết pháp
Chẳng phải chỗ tự thông
Thuyết cảnh giới tự giác
Lại nữa này Đại Huệ
Các phàm phu dựa theo
Thức thứ bảy chuyển diệt
Mà sanh khởi đoạn kiến
Do chẳng giác tạng thức
Lại sanh khởi thường kiến
Đều tự tâm vọng tưởng
Chẳng hiểu biết bản tế
Nếu tâm vọng tưởng diệt
Thì liền được giải thoát
Tất cả lỗi tập khí
Của bốn trụ địa và
Vô minh trụ địa thảy
Đều sẽ được đoạn dứt
Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà nói bài kệ rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực–

Như Lai chẳng nhập diệt.
Tất cả Phật sở ký,
Lìa các lỗi nhiễm tịnh.
Vì khuyến dụ hạ căn,

Nên thuyết pháp ẩn lấp.
Vì bậc vô gián Trí,
Thuyết vô Dư Niết Bàn.
Chư Phật giả lập trí,
Tùy cơ phân biệt thuyết.
Nếu chư thừa phi thừa,
Thì chẳng có Niết Bàn.
Dục, sắc, hữu, kiến ái,
Gọi là bốn Trụ địa.
Do ý thức sanh khởi,
Chủng tử trụ tạng thức.
Căn, trần, sáu thứ thức,
Đoạn diệt nói vô thường.
Hoặc thấy có Niết Bàn,
Lại cho là thường trụ.

– Hết trích –



HỎI VỀ TỘI PHƯỚC ĂN THỊT

Khi ấy ngài Đại Huệ
Dùng kệ mà hỏi rằng:

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Các bậc Bồ Tát kia,
Lập chí cầu Phật Đạo.
Rượu thịt và ngũ tân,
Ăn uống như thế nào?
Cúi xin Phật thương xót,
Vì đại chúng giải thích.
Do phàm phu tham dục,
Ham ăn đồ hôi thúi.
Sở thích như cọp sói,
Đồ gì mới nên ăn?
Ăn thứ nào có lỗi?
Cúi xin vì con nói.
Người ăn hoặc không ăn,
Có những tội phước gì?

– Hết trích –

Đại Huệ thuyết kệ xong
Lại bạch với Phật rằng
- Cúi xin Đức Thế Tôn
Vì chúng con thuyết giảng
Công đức và tội lỗi
Ăn thịt không ăn thịt
Con và các Bồ Tát
Nơi hiện tại vị lai
Sẽ vì những chúng sanh
Hay ham thích ăn thịt
Mà phân biệt thuyết pháp
Khiến họ hướng từ tâm
Khi đắc từ tâm rồi
Với trụ địa phiền não
Tâm thanh tịnh thấu hiểu
Chóng đắc được cứu cánh
Quả vô thượng Bồ Đề
Thanh Văn và Duyên Giác
Nơi địa tự chứng rồi
Cũng được tiến lên mau
Thành vô thượng Bồ Đề
Bọn ngoại đạo tác ác

Lập luận chấp đoạn thường
Điên đảo và so đo
Còn có được pháp giá
Không cho phép ăn thịt
Huống là Đức Thế Tôn
Đã thành tựu chánh pháp
Cứu hộ khắp thế gian
Mà ăn thịt chúng sanh?

TỘI LỖI CỦA ĂN THỊT

Phật liền bảo Đại Huệ
- Lành thay thật lành thay
Hãy chú ý lắng nghe
Và khéo léo ghi nhớ
Ta sẽ vì ông thuyết
Đại Huệ bạch Phật rằng
- Con cúi xin thọ giáo

Phật liền bảo Đại Huệ
- Có vô lượng nhân duyên
Khiến chẳng nên ăn thịt
Nay ta sẽ vì ông
Mà sơ lược giải thích

Tất cả các chúng sanh
Từ xa xưa đến nay
Lần lượt theo nhân duyên
Làm lục thân quyến thuộc
Suy nghĩ thịt này là
Người thân từ kiếp trước
Do đó không nên ăn

Thịt lừa, la, lạc đà
Chồn, chó, trâu và ngựa
Người và thú vân vân
Hàng thịt bán lẫn lộn
Do đó không nên ăn

Như thợ săn đồ tể
Cầm thú ngửi thấy mùi
Liền sanh tâm kinh sợ
Chó thấy oán ghét sủa
Do đó không nên ăn

Vì khiến người tu hành

Chẳng sanh khởi từ tâm
Do đó không nên ăn

Phàm phu ham hôi thối
Có tiếng tăm xấu xa
Do đó không nên ăn

Vì khiến người trì chú
Chẳng thể nào thành tựu
Do đó không nên ăn

Vì người ưa sát sanh
Thấy hình sắc chúng sanh
Liền khởi tâm phân biệt
Ham đắm nơi mùi vị
Do đó không nên ăn

Kẻ ham thích ăn thịt
Bị chư thiên chê bỏ
Do đó không nên ăn

Vì khiến miệng hôi hám
Do đó không nên ăn

Vì khiến nhiều ác mộng
Do đó không nên ăn

Vì đến chỗ rừng hoang
Cọp sói ngửi được mùi
Gây ra nhiều nguy hiểm
Do đó không nên ăn

Khiến ăn uống thất thường
Do đó không nên ăn

Vì khiến người tu hành
Chẳng sanh chán xa lìa
Do đó không nên ăn

Ta vẫn thường nói rằng
Khi ham muốn ăn thịt
Nghĩ đây là thịt con
Hoặc nghĩ là thuốc độc
Do đó không nên ăn

Cho Phật tử ăn thịt

Là không có chỗ đúng
Lại nữa này Đại Huệ
Xưa có vua tên là
Sư Tử Đô Đà Ta
Ăn đủ các thứ thịt
Cho đến ăn thịt người
Dân chúng chịu không nổi
Tụ tập để mưu phản
Vua liền bị lật đổ
Người ăn thịt có lỗi
Do đó không nên ăn

Lại nữa này Đại Huệ
Người làm nghề sát sanh
Vì tham lam tài lợi
Mà buôn bán cá thịt
Bọn ngu si ăn thịt
Dùng tiền làm lưới bẫy
Mà bắt lấy mồi thịt
Người sát sanh ăn thịt
Hoặc dùng các tài vật
Hoặc dùng câu lưới bẫy
Bắt lấy các chúng sanh
Trên trời hoặc dưới nước
Hoặc là đi trên bờ
Đủ các loài giết hại
Mua bán để cầu lợi
Gieo nhân thì chịu quả
Sẽ bị thọ ác báo
Đại Huệ ông nên biết
Ta dạy các Phật tử
Hãy nên dùng pháp thực
Không dạy nên ăn thịt
Cho đến không mong cầu
Không nghĩ tưởng cá thịt
Do đó không nên ăn

Lại nữa này Đại Huệ
Phương tiện nói giá pháp
Cho ăn năm tịnh nhục[44]
Hoặc là đến mười thứ
Nay ở trong kinh này
Xóa bỏ các phương tiện
Bất cứ là lúc nào
Bất cứ chủng loại nào
Phàm thuộc thịt chúng sanh

Thảy đều nên đoạn dứt
Đại Huệ ông nên biết
Như Lai Chánh Đẳng Giác
Còn chẳng ăn phi thời
Và các thứ tạp thực
Huống là ăn cá thịt
Không tự ăn hoặc là
Khuyến khích người khác ăn
Dùng đại bi dẫn đầu
Xem tất cả chúng sanh
Như con một của mình
Do đó không nên ăn

Khi ấy Đức Thế Tôn
Muốn lặp lại nghĩa này
Mà thuyết bài kệ rằng

– Kệ của tỳ kheo Thích Duy Lực –

Tất cả thịt chúng sanh,
Xưa kia là quyến thuộc.
Hoặc hôi thúi hỗn tạp,
Sanh trưởng nơi bất tịnh.
Hoặc ngửi mùi kinh sợ,
Uống rượu với giết hại,
Và ngũ tân vân vân,
Tu hành nên xa lìa.
Rượu thịt sanh buông lung,
Buông lung sanh mê đắm.
Mê đắm sanh tham dục,
Do đó không nên ăn.
Do ăn sanh tham dục,
Tham dục khiến tâm mê.
Say mê nuôi ái dục,
Sanh tử chẳng giải thoát.
Vì lợi giết chúng sanh,
Dùng tài bắt cá thịt.
Hai thứ gây ác nghiệp,
Chết đọa ngục kêu la.
Ta thường dạy Phật tử,
Nên dùng những pháp thực.
Chẳng dạy ăn chúng sanh,
Chẳng vô nhân tự có.
Ăn thịt gây thù oán,
Do đó không nên ăn.
Giết hại, ăn chúng sanh,

Người tu nên xa lìa.
Mười phương chư Như Lai,
Đều quở trách việc này.
Nếu người tin nhân quả,
Chớ ăn nuốt lẫn nhau.
Chết đọa loài cọp sói,
Thọ sanh thường ngu si.
Đồ tể và thợ săn,
Khiến cầm thú kinh sợ.
Ắt phải chịu ác quả,
Có tánh ham ăn thịt,
Phải đọa loài súc sinh,
Cũng như mèo chồn kia.
Trong các Kinh Đại Thừa,
Như Phược Tượng, Đại Vân.
Cho đến Kinh Niết Bàn,
Và Kinh Lăng Già này.
Ta đều khuyến người tu,
Nên đoạn dứt ăn thịt.
Bồ Tát và Thanh Văn,
Chư Phật đều quở trách.
Người giết hại ăn thịt,
Ăn thịt chẳng hổ thẹn.
Đời đời thường ngu dốt,
Trước nói kiến văn nghi.
Đã dứt tất cả thịt,
Người vọng tưởng chẳng biết.
Thọ sanh loài ăn thịt,
Do lỗi họ tham dục.
Chướng ngại sự giải thoát.
Rượu thịt và ngũ tân,
Thảy đều chướng Thánh đạo.
Chúng sanh đời vị lai,
Ngu si mới ăn thịt.
Hoặc có người chấp trước,
Ăn tịnh nhục vô tội,
Vì Phật đã cho ăn.
Họ lại quên lời Phật,
Ghi trong nhiều kinh điển.
Có lời nói như thế:
Ăn thịt như ăn con.
Cũng như uống thuốc độc.
Khiến người tu chán lìa.
Thường theo hạnh khất thực,
An trụ nơi từ tâm.
Những ác thú cọp sói,

Có thể cùng dạo chơi.
Nếu ăn loài máu thịt,
Chúng sanh đều kinh sợ.
Cho nên người tu hành,
Từ tâm chẳng ăn thịt.
Ăn thịt mất trí huệ,
Trái hẳn chánh giải thoát.
Nghịch tướng mạo bậc Thánh,
Do đó không nên ăn.
"Được sanh dòng Phạm Chí,
Và các chỗ tu hành,
Nhà giàu sang trí huệ,
Đều do chẳng ăn thịt".
Là lời ta thường thuyết.

– Hết trích –



CHÚ THÍCH

1. Ngũ thức: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân; ngũ trần: sắc thanh hương vị xúc.

2. Năm pháp của Tự tánh: Tướng, danh, vọng tưởng, chánh trí và Như như.

3. Hai thứ vô ngã:
Nhân (người) vô ngã
Pháp vô ngã.

4. Trị địa: trị tâm địa như khai thác đất hoang.

5. Tăng thượng duyên: Là 1 trong 4 duyên theo giáo lý của tông Duy thức. Có nghĩa là "nhân duyên liên quan đến sự thiếu vắng hay có mặt của điều kiện cho phép", là tất cả mọi nhân duyên góp thêm vào nhân duyên chính để tạo thành sự hiện hữu (hữu lực 有 力), cùng những điều kiện dù không góp phần trực tiếp vào nguyên nhân, cũng đều thuộc về tính chất của vô lực (無 力). Do vậy, đối với mọi trường hợp, khi một vật sinh khởi, có vô số yếu tố tác động và chi phối. Những yếu tố này được gọi là nguyên nhân vượt qua các điều kiện ảnh hưởng trực tiếp hoặc Tăng thượng duyên.

6. Tự tướng và cộng tướng: (共相) Phạm: Sàmànya-lakwaịa.
Cộng tướng. Đối lại với Tự tướng. Chỉ cho tướng chung. Cũng chỉ tướng không phải hạn ở tự tướng, mà còn có nghĩa cộng thông với các pháp khác. Nếu là tự thân chỉ có cái thể tướng đặc thù, thì gọi là Tự tướng. Thực ra thì tự thể của các pháp, chỉ có trí chứng mới có thể biết, không thể dùng lời nói để thí dụ, nên gọi là Tự tướng. Còn đem tâm phân biệt để an lập thi thiết năng thuyên, sở thuyên của các pháp dùng lời nói để diễn tả, tìm hiểu thể nghĩa của các pháp làm chỗ cho trí phân biệt duyên theo, thì là Cộng tướng.

7. Tánh tướng: 性相 Phật thiết lập phương tiện đem bản thể của Tâm địa mệnh danh là "tánh", như Phật tánh, Tự tánh, Thật tánh, Không tánh … mà đem những tư tưởng chấp thật gọi là Tướng, nói: "Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng", rồi chia làm bốn cấp để sáng tỏ nghĩa tướng: Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng. Nhưng sau khi kiến tánh rồi thì chẳng phân biệt tánh với tướng, mà gọi bản thể của Phật tánh là Thực tướng.

8. Ba Thứ Lượng: Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng.
Nghĩa chữ Lượng là sự hiểu biết đúng với mức độ của nghĩa lý.
Hiện Lượng: Là sự vật hiện hữu trước mắt đang thấy, được hiểu biết, gọi là hiện lượng, cũng như thấy đang mưa biết là mưa.
Tỷ Lượng: Là do thí dụ so sánh mà biết, cũng như sáng mới thức dậy, thấy ngoài sân sau vườn, mặt đất ướt đều hết, biết là đêm qua có mưa, gọi là tỷ lượng.
Thánh Ngôn Lượng: Nghĩa là không thấy mưa, không thấy mặt đất ướt, chỉ nghe chỉ nghe bậc Thánh nói đêm qua có mưa, vì tin lời nói của bậc Thánh không có nói dối, gọi là Thánh ngôn lượng.

9. Năm phần Luận: Là ba chi Tôn, Nhơn, Dụ, và Hợp với Kết, tức là năm phần Luận, cũng gọi là Nhân Minh Luận, người Tây phương gọi là Logic, dùng để chứng minh sự vật có đúng lý hay không.

10. Tham vô tham: chỗ chẳng thể chấp thật mà chấp cho là thật.

11. Nhiếp thọ: Có sự thọ nhận.

12. Ba tương tục: Thế giới tương tục, chúng sanh tương tục và nghiệp quả tương tục.

13. Ba thứ lạc trụ là nói ba Tam Muội: Không Tam Muội, Vô Tướng Tam Muội, Vô Tác Tam Muội.
Không là đối hai mươi lăm cõi chẳng thấy có một pháp thật.
Vô tác là đối hai mươi lăm cõi chẳng khởi nguyện cầu.
Vô tướng là không có mười tướng: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng.
Thật tướng cũng có ba thứ vui: một thọ vui, hai vắng lặng vui, ba giác tri vui. Như Lai thường trụ không có đổi dời, gọi là Thật tướng.

14. Hoa Chiêm Bắc: ý dịch là Kim Sắc Hoa Thọ (金色花樹), Hoàng Hoa Thọ (黃花樹), tên khoa học là Michelia champaka. Cây của nó cao, lá có tỏa ánh sáng dịu, nở hoa màu vàng và có hương thơm. Da cây, lá, hoa và quả của nó được dùng làm hương liệu và dược liệu.



15. Nhiếp thọ: Còn gọi là “nhiếp thủ” (Parigraha), còn dịch là Nhiếp Hộ, nguyên nghĩa là tiếp nhận, chăm sóc, quan tâm, thâu tóm, không bỏ sót. Từ ngữ này thường được dùng để chỉ sự quan tâm chăm sóc của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh, nhằm hướng dẫn họ đến con đường giải thoát.

16. Tất đàn: tiếng Phạn là siddhanta; siddhanta phiên âm là tất đàn, có khi còn được phiên âm là “Tất Đàm”, và dịch là “Tác Thành Tựu”, có nghĩa là làm cho công việc thuyết pháp của Đức Phật được thành tựu. Chữ siddhanta, Hán dịch là "thành tựu", nghĩa là nhờ dựa vào phương pháp này, mà Đức Phật thuyết pháp và thành tựu được sự nghiệp hoằng hóa, giáo hóa chúng sinh, đưa chúng sinh từ mê lầm đến giác ngộ, từ sinh tử đến Niết Bàn, từ phàm lên Thánh, từ mê lầm đến sự hiểu biết cao thượng

17. Tư tưởng: có hai thứ - Thế lưu bố tưởng là thấy trâu nói là trâu, thấy ngựa nói là ngựa. Chấp trước tưởng, tức là thấy cái gì đều chấp (giữ chặt) cái đó cho là có thật. Phàm phu do vô minh, cái thấy bị tình cảm sai khiến nên điên đảo, còn thánh nhân trí tuệ sáng suốt, đối với mọi cảnh giới đều không mê chấp cho là có thật. Cho nên nói tướng mê hoặc là “Thường”, cũng là “Như”, đều thuộc nghĩa này vậy.

18. Vô kiến - đoạn kiến: loại tà kiến cho rằng thế gian sẽ có lúc bị tiêu diệt hoàn toàn, con người chết rồi là mất hẳn, hoàn toàn không còn gì nữa, cho nên không có nhân quả luân hồi, cũng không có quả báo thiện ác.

19. Vô ký: Tính không thiện không ác.

20. Kiến chấp: Kiến là nhận thức. Nhận thức của mình đã sai lầm, nhưng vẫn khư khư cố chấp, như vậy gọi là kiến chấp. Kinh Bách Du kể truyện ngụ ngôn một người cha trong cơn hỏa hoạn tìm thấy trong nhà cháy một đống xương khô, ngỡ là xác con mình, thế rồi đem đống xương đó về nhà khóc

lóc, thờ cúng. Về sau, đứa con thất lạc chạy về, gõ cửa gọi cha, nhưng người cha nhất định không tin, cho rằng đó là ma quỷ hiện hình, quấy phá. Kiến chấp cũng là như vậy. Cố chấp rằng mình đã nắm chân lý trong tay, trong khi chân lý đến ngay trước cửa nhà vẫn không nhận ra, không chịu mở cửa. Một tên gọi khác của kiến chấp là kiến thủ.

21. Ký Luận có bốn thứ: Phật Thích Ca vì phá chấp của ngoại đạo, có bốn cách đáp sự vấn nạn họ:
Nhất Hướng: Khẳng Định đáp.
Phản Cật Vấn: Hỏi ngược lại.
Phân biệt: Bất Định đáp (đáp cả hai mặt).
Chỉ Luận: Tức là lương cửu, im lặng đáp.

22. Số Luận: Do môn đồ của Ngoại Đạo Tóc Vàng kiến lập, nói Số là số lượng để đo lường trí huệ, từ Số mà sanh khởi Luận, Luận cũng hay sanh ra Số, nên gọi là Số Luận. Người tạo ra Số Luận và người học Số Luận gọi là Số Luận Sư.

23. Câu sanh: mới sanh đã có sẵn

24. Bốn câu trước của bài kệ là chỉ các thứ thiền phàm phu, ngoại đạo và Tiểu thừa, đã được giải ở trên.

25. Thập vô tận cú: Cũng là mười thứ bất nhị của Như Lai. Chư Phật có mười thứ quyết định bất nhị:
Tất cả chư Phật khéo thuyết lời thọ ký bất nhị.
Hay tùy thuận tâm niệm chúng sanh, khiến họ thỏa nguyện bất nhị.
Khéo biết tam thế tất cả Phật và Phật sở giáo hóa tất cả chúng sanh thể tánh bình đẳng bất nhị.
Hay biết thế pháp và pháp tánh của chư Phật chẳng sai biệt, quyết định bất nhị.
Khéo biết tam thế chư Phật đồng một thiện căn bất nhị.
Hay thấu rõ tất cả pháp, diễn thuyết nghĩa lý bất nhị.
Đầy đủ trí huệ của tam thế chư Phật bất nhị.
Biết tất cả sát na nơi tam thế bất nhị.
Biết tam thế tất cả cõi Phật vào trong mộy cõi bất nhị.
Biết lời nói của tất cả tam thế chư Phật tức là lời nói của một Phật bất nhị.

26. Tục Đế Đệ Nhất Nghĩa, Ngoại đạo chấp thành ba: ngoại đạo nói Đệ Nhất là từ ban sơ sanh giác, Đệ Nhị từ giác sanh ngã tâm, Đệ Tam từ ngã tâm sanh ngũ trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng biết căn bản của duyên khởi, lại cho là vô nhân sanh, thành ra ở ngoài Nhị đế chơn và tục.

27. Phi thừa: Bài kệ ở cuối quyển hai nói Vô Thừa và Chẳng Kiến Lập Thừa, nên ta nói "Nhất thừa", đã chỉ rõ ba thứ ý sanh thân kia. Hai thứ ý sanh thân trước thuộc về Đại thừa, một thứ ý sanh thân sau thuộc về Phi Thừa, nên bài kệ này chỉ tụng về Chủng Loại vô Hành Tác Ý Sanh Thân, duy có Nhất thừa này, chẳng có thừa khác, nên nói Nhất thừa tức là Phi Thừa vậy. Phi thừa chẳng phải Đại Thừa, nhưng phải nhờ nghĩa Đại Thừa để hiển bày nghĩa Phi Thừa, cũng là nghĩa của bài kệ này vậy.

28. Ba cửa Giải Thoát: Tại sao chẳng thể chứng đắc pháp Ngũ Vô gián? Vì pháp đã Không, Vô tướng, Vô nguyện thì năng sở đều bặt, dĩ nhiên không có kẻ năng chứng để chứng cái pháp sở chứng, thì làm sao có sự chứng đắc ư?

29. Thần Lực Biến Hóa: cũng như năm trăm vị tỳ kheo trong hội Linh Sơn, đã đắc bốn thứ thiền định và năm thứ thần thông, nhưng chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, nhờ sức thần thông của Túc Mạng Trí, mãi mãi tự thấy quá khứ giết cha hại mẹ và tạo nhiều tội nặng khác, nên trong tâm tự hoài nghi, do đó chẳng thể chứng nhập pháp thâm sâu. Cho nên, Văn Thù Bồ Tát thừa oai thần Phật, bèn dùng tay cầm gươm bén bức bách Như Lai (dụ cho ác tâm làm thân Phật chảy máu, cũng là một phương tiện để độ năm trăm vị tỳ kheo). Khi ấy, Thế Tôn bảo Văn Thù Bồ Tát rằng: Thôi, thôi! Chớ nên phản nghịch hại ta; Ta ắt sẽ bị hại, ấy là khéo bị hại. Tại sao? Vì Văn Thù Bồ Tát xưa nay đã chẳng có tướng nhân ngã. Chỉ vì trong tâm họ (năm trăm vị tỳ kheo) thấy có nhân ngã, khi nội tâm sanh khởi ngã, thì sẽ bị hại (người tu ắt phải phá ngã chấp), nên gọi là hại. Khi ấy, năm trăm vị tỳ kheo tự ngộ bản tâm như mộng, như huyễn, nơi mộng huyễn chẳng có nhân ngã, cho đến chẳng có cái năng sanh, sở sanh của cha mẹ, do đó, năm trăm vị tỳ kheo đồng thanh tán thán rằng:
- Văn Thù bậc Đại Trí, thấu tận đáy các pháp, khéo dùng phương tiện bức bách Như Lai, thị hiện dùng gươm bén (năng hại) và thân Phật (sở hại) đều do tâm tạo, một tướng chẳng có hai, vô tướng ắt vô sở sanh, thì làm sao có sự giết hại kia!
Nay nói thần lực biến hóa của Như Lai, là dùng phương tiện khiến những kẻ tạo tội vô gián đều được giải thoát, cũng chứng tỏ "Nhất thiết duy tâm tạo" vậy.

30. Pháp Tâm, Tâm Số: Tâm là tâm vương, gồm tám thứ thức, chấp cho là ngã. Tâm Số gồm năm mươi mốt thứ, như tham, sân, si v.v. cho là sở hữu của ngã, chấp là ngã sở.

30 a. Vô Sư Trí còn được gọi bằng nhiều tên: Căn bản trí, Bát Nhã Trí, Vô Phân Biệt Trí, Chơn Trí, Thật Trí, Trực Giác Bát Nhã ... Từ thường dùng nhất là Trí Tuệ Bát Nhã. Mỗi người có hoàn cảnh chánh báo và y báo khác nhau, nhưng tất cả đều bình đẳng ở trí tuệ này. Nhà Thiền diễn tả bằng hình ảnh "từ hông ngực lưu xuất" hoặc bằng từ "Thời trí", nghĩa là vốn sẵn đủ, là diệu dụng của tự tánh. Khi cần, các vị Thiền sư ngộ đạo sử dụng ngay vốn sẵn đủ ấy một cách linh hoạt và khế cơ khế lý, nên tùy duyên mà có muôn vàn phương pháp khai thị cho người.

31. Ba sự hòa hợp:
Căn bản duyên của thức thứ tám.
Tác ý, tức tự thể của thức thứ sáu.
Chủng tử, tức do thức thứ sáu huân tập mà thành.

32. Tịch tịnh thắng tiến nhẫn: Trong Kinh Nhơn Vương nói năm thứ nhẫn là: Điều Phục Nhẫn, Tín Nhẫn, Thuận Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn Và Tịch Diệt Nhẫn.

33. Chín thứ Chuyển Biến Luận Của Ngoại Đạo:
Hình Xứ chuyển biến: Là nói chúng sanh luân hồi trong lục đạo, mỗi mỗi hình tướng và xứ sở chuyển biến chẳng đồng.
Tướng chuyển biến: Là tướng của tứ đại ngũ ấm sanh, trụ, diệt chuyển biến chẳng đồng.
Nhân chuyển biến: Do chủng tử làm nhân, nhân diệt thì quả sanh, chuyển biến chẳng đồng.
Thành chuyển biến: Là nói do nhân duyên thành tựu các pháp, có thành có hoại, chuyển biến chẳng đồng.
Kiến chuyển biến: Nói các pháp tùy thời gian biến đổi, trước thấy thì đúng, sau thấy thì sai, chuyển biến chẳng đồng.
Tánh chuyển biến: Nói các pháp chuyển lạ thành quen, chuyển đắng thành ngọt, chuyển biến chẳng đồng.

Duyên Phân Minh chuyển biến: Nói mười hai nhân duyên sanh diệt chẳng ngừng, phân minh chuyển biến chẳng đồng.
Sở Tác Phân Minh chuyển biến: Do duyên sở tác thành quả, có sanh rồi lại diệt, chuyển biến chẳng đồng.
Sự chuyển biến: Nói căn, thân, khí giới (vũ trụ vạn vật) các pháp hữu vi cuối cùng đều phải biến hoại.
Chín thứ chuyển biến này hoặc từ vô thành hữu, hoặc từ hữu thành vô, do đó vọng sanh phân biệt lập ra Chuyển Biến Luận.

33a. Thập vô tận cú: (十無盡句) Cũng gọi Thập bất khả tận pháp, Thập vô tận pháp. Chỉ cho 10 pháp vô tận (không bao giờ cùng tận). Đó là:
Chúng sinh giới vô tận: Tất cả chúng sinh không cùng tận.
Thế giới vô tận: Thế giới trong 10 phương không cùng tận.
Hư không giới vô tận: Tất cả hư không trong 10 phương trùm khắp đến cõi sắc phi sắc mà không cùng tận.
Pháp giới vô tận: Thế giới chân như không cùng tận.
Niết bàn giới vô tận: Phật độ chúng sinh rồi thì vào cõi Niết bàn, vào rồi lại ra, ra rồi lại vào, cứ thế mãi mãi không cùng tận.
Phật xuất hiện thế giới vô tận: Phật ra đời, thuyết pháp độ sinh, phương tiện khéo léo, thần thông trí tuệ không cùng tận.
Như lai trí giới vô tận: Trí tuệ của Như Lai có năng lực biết rõ pháp giới mà tâm mình duyên theo là không cùng tận.
Tâm sở duyên vô tận: Chỉ cho cảnh giới mà trí tuệ của Phật chiếu soi là không cùng tận.
Phật trí sở nhập cảnh giới vô tận: Trí của Phật chính là chân tính, thường biết rõ ràng, có khả năng nhập vào cảnh giới không cùng tận.
Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển vô tận: Nương nơi thế gian, pháp và trí xoay vần lẫn nhau dung nhiếp 9 vô tận nói trên, mối quan hệ giữa thế gian, pháp và trí này là vô tận.

34. Ba duyên hòa hợp: Tức là căn, cảnh, thức. Căn là lục căn, cảnh là lục trần. Thức là lục thức. Tất cả pháp đều do ba thứ nhân duyên này hòa hợp sanh khởi.

35. Nhân minh nhập chánh lý ghi nhận có ba mươi lỗi.

36. Nhĩ diệm (爾焰) Phạm: Jĩeya. Cũng gọi là Nhĩ viêm. Hán dịch: Sở tri, Cảnh giới, Trí mẫu, Trí cảnh.
Pháp ngũ minh: Thanh minh, Công xảo minh, Y phương minh, Nhân minh và Nội minh đều là các cảnh giới có năng lực sinh ra trí tuệ, gọi là Nhĩ diệm. Thắng man bảo quật quyển thượng, phần cuối (Đại 37, 16 trung) nói: Nhĩ viêm nghĩa là trí mẫu, vì có năng lực sinh ra trí tuệ; cũng gọi là Trí cảnh, vì pháp Ngũ minh hay sinh ra Trí hiểu biết, cho nên Trí mẫu là trí soi rọi, gọi là Trí cảnh.

37. Minh Sơ: Thuật ngữ, Số Luận sư lập hai mươi lăm đế, đế thứ nhất là Minh Đế, vì Minh Đế là ban sơ của các pháp, nên gọi là Minh Sơ.
Cầu Na: Dịch là y chỉ, là thật thể của tứ đại mà sanh ra các đức dụng của sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v. Còn ở Thập Cú Nghĩa Luận thì nói gồm hai mươi bốn đức. Ngoài ra, Số Luận nói gồm có ba đức: Vui, buồn và ám muội.

38. Lục đức luận: thật, đức, nghiệp, tứ đại, hòa hợp, đồng dị.

39. Thập Tự Tại Lực: Nói tắt là Thập Lực, là mười thứ sức tự tại của Như Lai. Ấy là:
Chỗ tri giác chẳng phải chỗ trí lực. Sự biết nghĩa lý của các vật là do sức tự tại của tự tâm tự biết, chẳng phải do trí lực mà biết.
Sức tự tại biết nhân quả nghiệp báo của tất cả chúng sanh nơi tam thế.
Sức tự tại biết các thứ thiền định giải thoát Tam Muội.
Biết mỗi mỗi tri giải trí lực của tất cả chúng sanh.
Biết mỗi mỗi cảnh giới chẳng đồng cuả chúng sanh thế gian.
Biết phổ biến tất cả pháp đúng như thật tế.
Biết mỗi mỗi hành và nhân của các pháp thế gian hữu lậu và các pháp xuất thế gian vô lậu từ Ngũ giới Thập Thiện cho đến Niết Bàn.
Thiên nhãn vô ngại, thấy biết nghiệp duyên Thiện ác và sanh tử của tất cả chúng sanh.
Biết Túc mạng và vô lậu Niết Bàn của tất cả chúng sanh.
Biết tất cả tập khí mê vọng, dứt hẳn chẳng sanh, đúng như thật tế, gọi là Thập Tự Tại Lực.

40. Như Lai tạng: Chân như khi còn ở trong phiền não thì gọi là Như Lai tạng, khi Chân như đã thoát khỏi phiền não gọi là pháp thân.

41. A Lại Da thức (chữ Hán: 阿賴耶識, tiếng Phạn: ālayavijñāna, tiếng Tạng: kun gzhi rnam par shes pa chữ Tạng: ཀུན་གཞི་རྣམ་པར་ཤེས་པ་) là thuật ngữ phiên âm, dịch ý là Tạng thức (zh.藏識). Là một khái niệm quan trọng của Duy thức tông (sa. vijñānavāda), một trong hai nhánh chính của Phật giáo Đại thừa (sa. mahāyāna). Trong trường phái này, thuyết về A Lại Da thức nói về 8 thức là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt Na Thức, A Lại Da thức. A Lại Da thức được xem là thức căn bản của mọi hiện tượng, nên còn gọi là Hàm Tàng thức. Thức này chứa đựng mọi sự trải nghiệm của đời sống mỗi con người và nguồn gốc tất cả các hiện tượng tinh thần.

42. Ba tự tánh: biên kế sở chấp tánh, y tha khởi tánh, và viên thành thật tánh.
1/ Biến kế sở chấp tánh: còn gọi là Phân biệt tánh, Vọng kế tự tánh, Vọng phân biệt tánh, Vọng tưởng tự tánh, Tự tánh giả lập (parikalpita-svabhava).
Thí dụ, vì một kinh nghiệm tiêu cực nào đó trong thời thơ ấu mà bây giờ tôi đã quên, tôi ghét màu đỏ. Trái lại có người rất thích nó. Thích hay ghét màu đỏ, đó là sự phân biệt chủ quan, sai lầm, giả lập, không khách quan. Sự phân biệt sai lầm, hư vọng và chấp chặt này nằm trong Biến kế sở chấp tánh. Suy rộng ra, một thế giới quan của một người bình thường chưa thấy cái chân thật cũng là Biến kế sở chấp tánh.
Luận Thành Duy Thức nói về Biến kế sở chấp tánh:
Do các thứ vọng tưởng phân biệt. Mọi vật được tưởng tượng ra. Những cái được hình thành do vọng tưởng này đều không có tự tánh.
King Lăng Già (bản dịch của DT Suzuki, 1959) nói:
"Đại Huệ! Biến kế sở chấp tánh (vọng tưởng tự tánh) sanh khởi từ tướng (nimitta). Đại Huệ, nó sanh khởi từ tướng như thế nào?Trong duyên khởi tự tánh, những cái có thực xuất hiện theo nhiều cách, như có các tướng, các dấu hiệu, các hình dáng … Khi các đối vật, hình tướng và dấu hiệu này được bám chấp cho là thật, thì sự gắn dính này xảy ra theo hai cách. Các bậc giác ngộ tuyên bố cốt lõi của biến kế sở chấp là bám luyến vào những tên gọi và những đối vật. Bám luyến những đối vật nghĩa là dính chặt với vật bên trong và vật bên ngoài (như là có thật). Bám luyến những tên gọi là nhận thấy trong những đối vật bên trong và bên ngoài có những đặc tính của cá thể và tổng thể và xem chúng đích thực thuộc về những đối vật."

Cái không có thật mà cho là có thật, cho là có những tính chất bất biến thế này thế nọ, đó là vọng tưởng, vọng phân biệt, giả lập, biến kế. Rồi theo nó mà bám chấp, bám luyến, gắn bó, dính chặt. Đó là những đều chúng ta có thể hiểu về Biến kế sở chấp.
Nhưng Biến kế sở chấp này có thể càng ngày càng lớn, càng nặng nề, vì được tích tập thêm, luôn tập thêm nhờ sự liên tục của thức. Một dấu vết nào in lên tâm thức, được lập đi lập lại, thì ngày càng sâu càng khó xóa. Kết quả là tâm thức càng ngày càng bị điều kiện hóa, bị bó hẹp, giam nhốt trong những kiến chấp, thành kiến, phân biệt cực đoan, thậm chí đưa đến cái xấu ác – nhưng tất cả đều là vọng tưởng giả lập. Nhưng ngược lại, Biến kế sở chấp này cũng có thể càng ngày càng nhẹ bớt, những hàng rào trói buộc của nó càng lỏng thưa, đến độ chúng ta có thể thoát khỏi nó, tự do khỏi nó. Với Phật giáo, giải thoát không phải là đi đâu cả, mà ra khỏi những hàng rào trói buộc trong tâm, trong đó Biến kế sở chấp là hàng rào thứ nhất và thô nặng nhất.
Màu đỏ mà tôi thương hay ghét như đã nói trên đâu phải là sự thật tuyệt đối (chân đế), nó chỉ là sự thật tương đối (tục đế). Con chó nằm dưới chân tôi đây chỉ thấy hai màu đen trắng, làm gì có màu đỏ. Tôi thấy màu đỏ là do hệ thống mắt và hệ thần kinh được tổ chức theo một cách thuộc về loài người của tôi thôi. Ngày nay các nhà khoa học đã nói rằng trong thế giới, các nguyên tử không làm gì có màu sắc, hương vị ... Hơn nữa, tôi thấy cái gì là do các photon đi đến mắt, tác động vào hệ thần kinh của tôi, photon có thể nhiều hoặc ít, bước sóng có thể khác nhau, nhưng photon làm gì có màu. Thế thì màu đỏ tôi thích hay ghét là "vọng thấy biệt nghiệp" của tôi, và thấy màu đỏ chung như tất cả mọi người là "vọng thấy đồng phận" loài người của tôi (theo Kinh Lăng Nghiêm). Dĩ nhiên cả hai đều không phải là cái thấy đúng, cái thấy tuyệt đối, mà chỉ là cái thấy tương đối, tạm thời, giả lập, thuộc về nghiệp, thuộc về thế giới sanh tử. Cũng chính vì cái thấy này không thật, tương đối, giả lập, như huyễn mà chúng ta mới có cơ may thoát khỏi sanh tử, vì sanh tử cũng không thật, tương đối, giả lập, như huyễn vì sanh tử do cái vọng thấy mà tạo ra. Nếu sanh tử mà thật một cách tuyệt đối thì làm sao phá vỡ nó để giải thoát?
Nhưng nhìn toàn bộ con đường, chúng ta cũng phải cám ơn cái vọng thấy này, cái Biến kế sở chấp tánh này: nó đã gây cho chúng ta khổ đau, để nhờ đó mà tìm cách giải thoát khỏi nó. Nếu không, chúng ta cũng chỉ là đất đá vô tri.
Trong kinh luận Đại thừa, có nhiều ví dụ để chỉ tính Biến kế sở chấp này: như mộng huyễn bọt ảnh, như sương cũng như chớp, như hoa đốm giữa hư không, mặt trăng thứ hai, mắt nhậm thấy tóc rủ trước mặt, đi dưới thuyền mà cho là bờ chạy, như lông rùa sừng thỏ, như dợn nắng trên sa mạc mà tưởng là nước …

2/ Y tha khởi tánh: (Paratantra-svabhava), còn gọi là Duyên khởi tánh, Tương thuộc tánh. Y tha khởi: nương vào cái khác mà khởi sanh khởi. Suzuki dịch Y tha khởi tánh là cái biết ở phương diện tương đối (paratantra). Đây là tính chất duyên sanh tương thuộc của hiện hữu. Luận Thành Duy Thức nói:
Tự tánh y tha khởi:
Do phân biệt các duyên mà sanh
Viên thành thật nơi đó
Thường xa lìa tánh Biến kế trước.
Kinh Lăng Già nói: "Y tha khởi tánh sanh khởi từ sự phân chia của chủ thể và đối tượng".
Y tha khởi tánh này có hai phần:
Phần nhiễm: là "do phân biệt các duyên mà sanh", "sanh khởi từ sự phân chia của chủ thể và đối tượng". Chúng ta chú ý chữ sanh và sanh khởi này. Đối với Phật giáo cái thấy có sanh, có sanh khởi thì chưa hòan toàn là thật, còn vô minh. Trạng thái hết vô minh để giải thoát được gọi là Vô sanh pháp nhẫn. Do đó trong phần Ba vô tánh của Duy thức (tướng vô tánh đối lại với biến kế sở chấp tánh, sanh vô tánh đối lại với y tha khởi tánh, và thắng nghĩa vô tánh đối lại viên thành thật tánh) để đưa ba tính

chất này về thực tại tối hậu là tánh Không, Y tha khởi tánh được chuyển hóa thành "sanh vô tánh": tất cả các pháp đều vô sanh.
Phần tịnh: tức là "ở nơi y tha khởi này" mà không còn những phân biệt vi tế khiến thấy có sanh, thì đây là tính chất thanh tịnh vô lậu của Y tha khởi. Đây cũng chính là Viên thành thật tánh.
Một thí dụ: khi không còn thấy hoa đốm giữa hư không, thì chỗ nào trước kia thấy hoa đốm, bây giờ thấy là hư không, là không gian của bầu trời.

3/ Viên thành thật tánh: (Parinispana-svabhava), còn gọi là Viên thành tự tánh, Đệ nhất nghĩa đế thể tánh, Tự tánh tuyệt đối.
Thành Duy Thức nói:
Viên thành thật nơi đó (nơi y tha khởi)
Thường xa lìa biến kế trước
Nên nó và y tha
Không khác không chẳng khác
Như tánh vô thường không khác không chẳng khác với các pháp vô thường
Thấy tánh Viên thành này mới thấy tánh Duyên khởi kia.
Dựa vào ba tánh này
Lập ba vô tánh kia
Nên Phật mật ý nói
Tất cả pháp vô tánh (không có tự tánh, là tánh Không).
Một là tướng vô tánh
Hai là sanh vô tánh
Ba, do xa lìa cái trước
Tánh chấp lấy ngã pháp.
Đây là sự thật tối hậu (chân lý tuyệt đối) của tất cả các pháp
Cũng tức là Chân Như (Bhutatathata)
Bởi vì nó không biến đổi, tánh thường như vậy
Đây là thực tánh của Duy Thức.
Kinh Giải Thâm mật nói: "Viên thành thật tánh là Chân Như bình đẳng của tất cả các pháp".

Kinh Lăng Già nói: "Viên thành thật tánh được chứng ngộ khi người ta xua tan những ý niệm phân biệt về hình tướng, tên gọi, đặc tính và sự chấp thật. Đó là sự chứng ngộ bên trong bằng trí huệ bậc thánh. Viên thành thật tánh này là thể tánh của Như Lai tạng".
Như vậy, Viên thành thật tánh là Chân Như, tánh Không, Như Lai tạng tánh, Phật tánh, Pháp thâ n…
Theo quan điểm Đại thừa, cái này vốn có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Đó cũng là quan điểm của Kim Cương thừa: "Bản tánh giác ngộ của chúng sanh, ý niệm này là một điều rất quan trọng chung cho Du già hành tông (Duy thức tông) và Mật tông Tây Tạng, nhấn mạnh vào bản tánh giác ngộ của con người. Các hệ phái Du già hành tông và Mật tông đều nhấn mạnh sự thực là mỗi một con người đều vốn đã giác ngộ. Vô minh và mê muội chỉ là yếu tố phụ thuộc hoặc ngoại sanh tạm thời, tự trong bản chất con người chẳng có chút nào yếu tố tiêu cực đ …. Bản tánh giác ngộ sáng suốt ấy trong kinh văn Du Già Hành Tông gọi là Như Lai tạng. Nói chung, Như Lai tạng được hiểu là Phật tánh" (Traleg Rinpoche, Ảnh hưởng của Du Già Hành Tông trong Mật Tông Tây Tạng, trang 166, trong Du già Hành Tông, Thích Nhuận Châu soạn dịch, Văn Thành xuất bản, 2005).

43. Tám thức: Sáu thức đầu (nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý) được sinh ra là nhờ sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Nhãn căn tiếp xúc với sắc sinh ra nhãn thức - nghĩa là cái biết của mắt; nhĩ căn tiếp xúc với âm

thanh sinh ra nhĩ thức - tức là cái biết của tai; lưỡi tiếp xúc với vị sinh ra thiệt thức - nghĩa là cái biết của lưỡi; mũi ngửi mùi hương sinh ra tị thức - cái biết của mũi; thân giác xúc sinh ra thân thức - cái biết của thân; Ý thức là sự phân biệt, hiểu biết, phê phán do ý căn tiếp xúc với pháp trần mà phát sinh.

Mỗi thức có chức năng hoạt động và phạm vi hoạt động riêng biệt, mũi không thể nghe được âm thanh, mắt không thể ngửi được mùi hương ... Do căn khác nhau duyên vào cảnh không đồng như âm thanh mùi vị khác nhau sinh ra hiểu biết khác nhau. Riêng ý thức liên kết được năm thức, tự tạo ra một cảnh riêng, cảnh do tâm nương vào bóng ảnh của năm thức để tạo cảnh. Ở đây thức là chủ thể nhận thức, trần là đối tượng nhận thức.
Trong 6 thức đầu, ý thức rất lanh lẹ và khôn ngoan hơn hết, nên trong bài thơ Bát thức có câu rằng:"Độc hữu nhất cá tối linh ly" (riêng có một cái thức rất lanh lẹ). Suy nghĩ làm việc phải, thức này đứng đầu; còn tính toán tạo tác việc ác, thì nó cũng hơn cả. Bởi thế nên trong Duy thức nói: "Công vi thủ, tội vi khôi" (Nói về "Công" thì thức này hơn hết, còn luận về "Tội" thì nó cũng đứng đầu). Thức này cũng có công năng chấp Ngã và chấp Pháp.

Khi chứng quả vị Phật, 5 thức đầu - nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân - chuyển làm "Thành sở tác trí". Lúc bấy giờ nó có diệu dụng hoá hiện ra 3 loại thân để giáo hoá và dứt trừ các khổ sinh tử luân hồi cho chúng sinh. Còn ý thức chuyển thành "Diệu quan sát trí" và có diệu dụng chiếu soi căn cơ của chúng sinh trong Đại thiên thế giới, rồi tùy cơ thuyết pháp hoá độ hàm linh.

Mạt Na thức
Ngoài sáu thức thông dụng trên còn có hai thức rất thâm tế, vi diệu và cực kỳ quan trọng, đó là Mạt Na thức và A Lại Da thức (hay là Tàng thức). Mạt Na phát sinh từ Tàng thức và nó cũng quay lại, nắm lấy Tàng thức, coi đó là cái Ngã riêng biệt và độc lập của nó. Đa số các khổ đau của chúng ta đều là kết quả từ nhận thức sai lầm này của Mạt Na. Mạt Na thức có công năng truyền tất cả các "hạt giống" vào Tàng thức, đưa các "hạt giống" khởi ra hiện hành. Căn cứ vào đó, ý thức (thức thứ sáu) mới hiểu biết, phân biệt, phán đoán… nên thức thứ bảy (Mạt Na thức) có thể coi là ý căn của thức thứ sáu.

Tàng thức
Tàng thức (A Lại Da thức) không phải chỉ là kho chứa hạt giống mà nó cũng là những hạt giống trong kho. Ngoài ra, thức thứ tám này còn có công năng là chấp trì, từ vô thủy làm chỗ nương tựa một cách bình đẳng cho hết thảy pháp. Bởi vì, A Lại Da chấp trì các chủng tử và làm chỗ nương cho các pháp hiện hành, cho nên do chủng tử mà biến ra các pháp hiện hành và do chấp trì mà làm chỗ nương cho các pháp hiện hành ấy. Thức này chấp trì tất cả pháp thuận với luân hồi lưu chuyển, nên khiến các hữu tình phải lưu chuyển trong sinh tử. Các hoặc, nghiệp, và sinh (tứ sinh noãn, thai, thấp, hóa) đều là lưu chuyển và nương nơi thức này. Thức này có tác dụng làm chỗ y trì cho sự lưu chuyển.

44. Trụ địa vô minh: Dục ái, sắc ái, hữu ái và kiến ái vô minh.

45. Năm thứ Tịnh nhục: tự chết, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng vì mình giết, cầm thú ăn dư.

46. Lượng :(量) Phạm: Pramàịa. Theo nghĩa hẹp, Lượng chỉ cho tiêu chuẩn và căn cứ để nhận thức sự vật, còn theo nghĩa rộng thì chỉ cho hình thức, quá trình, kết quả của tác dụng nhận thức và tiêu chuẩn để xét đoán sự chân ngụy của trí thức. Tại Ấn độ từ xưa đến nay, trong phạm trù nhận biết, thông thường đều đem cái đối tượng mà mình lượng biết để luận chứng thêm về mặt nhận thức, gọi chung

là Lượng. Chủ thể của sự lượng biết này gọi là Năng lượng, hoặc Lượng giả (Phạm:Pramàtf); còn sự vật bị lượng biết thì gọi là Sở lượng (Phạm: Prameya); kết quả, hoặc biết rõ kết quả của sự lượng biết, gọi là Lượng tri (Phạm: Pramiti) hoặc Lượng quả. Ba loại Lượng trên được gọi chung là Tam lượng. Thí dụ về Tam lượng và những phần tương đương của Ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa và Duy thức được biểu đồ như sau.
Vì phải dựa vào nhiều phương pháp bất đồng để lượng biết đối tượng nên sinh ra nhiều lượng quả khác nhau, đại để có 4 loại: hiện lượng, tỉ lượng, thánh giáo lượng và phi lượng

hiện lượng (phạm: pratijakwapramàịa): sự nhận biết bằng trực giác, khi ta dùng ngũ quan mà nhận thức cảnh vật chung quanh, như mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi v.v... thì biết ngay, không cần suy xét, gọi là hiện lượng.

tỉ lượng (phạm:anumàna- pramàịa): sự nhận biết bằng suy xét, so sánh, tính lường, tức là tầng trên của hiện lượng. hiện lượng mới chỉ là cảm nhận thấy, nghe, như thấy khói nói khói, thấy mây nói mây; còn tỉ lượng là tác dụng phân biệt của tri thức khói ấy do đâu mà có, mây kia rồi sẽ ra sao v.v.... nói cách khác, đó là sự so sánh giữa cái này, cái kia, rồi suy ra một cái lý, một sự thực, một lời giải. chẳng hạn như thấy khói thì biết là có lửa, thấy mây trắng thì biết sẽ không có mưa, cái biết ấy gọi là tỉ lượng.

thánh giáo lượng (phạm:àgama, zabda), cũng gọi chính giáo lượng, chí giáo lượng, thanh lượng, thánh ngôn lượng. nghĩa là tin rằng lời dạy của bậc thánh là đúng chân lý, không sai lầm, rồi nương vào đó làm tiêu chuẩn để lượng biết các ý nghĩa.

phi lượng, cũng gọi tự lượng: tức là hiện lượng và tỉ lượng sai lầm. như trong lúc hấp tấp thấy sợi dây cho ngay là con rắn, đó là tự hiện lượng. lại như từ đàng xa thấy đám bụi, hoặc sương mù liền cho đó là khói v.v., đó là tự tỉ lượng. ngoài hiện lượng, tỉ lượng và thánh giáo lượng ra, nếu thêm thí dụ lượng (phạm: upamàna) thì thành tứ lượng. nếu lại thêm nghĩa chuẩn lượng (phạm: arthàpatti) thì thành ngũ lượng. nếu lại thêm vô thể lượng (phạm: abhàva) thì thành lục lượng. ngoài ra, còn có tùy sinh lượng (phạm: saôbhava), tưởng định lượng (phạm:pratibhà), truyền thừa lượng (phạm:aitihya), thân chấn lượng (phạm: cewỉà) v.v. lập trường quan điểm cũng như sự thiên trọng của các học phái ở Ấn Độ thời xưa đối với các loại lượng luận phần lớn đều tùy theo tông nghĩa của mỗi phái mà khác nhau. chẳng hạn như ngoại đạo thuận thế chỉ thừa nhận hiện lượng; học phái thắng luận thừa nhận hiện lượng và tỉ lượng; kì na giáo, học phái số luận và du già phái thừa nhận hiện lượng, tỉ lượng và thánh giáo lượng; học phái chính lý thừa nhận hiện lượng, tỉ lượng, thánh giáo lượng và thí dụ lượng; phái Cô Lỗ (phạm:guru) thuộc hệ phái Di Mạn Sa thì thừa nhận thêm nghĩa chuẩn lượng; phái phạ đạt (phạm:bhàỉỉa) thuộc hệ phái Di Mạn Sa và học phái Phệ Đàn Đa cũng thừa nhận thêm vô thể lượng, tức là phái này thừa nhận cả 6 lượng. còn phật giáo thì thường dùng hiện lượng, tỉ lượng, thánh giáo lượng và thí dụ lượng. về phương diện nhân minh thì các bậc thầy của cổ nhân minh phần nhiều dùng 3 lượng là hiện lượng, tỉ lượng và thánh giáo lượng. đến thời đại luận sư trần na thế kỉ vi thì trong luận thức nhân minh, ngài chỉ dùng hiện lượng và tỉ lượng mà thôi. [x. kinh Giải Thâm Mật q.5; luận Đại Tì Bà Sa q.71; luận Đại Thừa A Tì Đạt Ma tạp tập q.16; luận Nhân Minh Nhập Chính Lí; luận Thành Duy Thức q.2; Nhân Minh Nhập Chính Lí luận Sớ q.thượng]. (xt. tam lượng, lượng luận).

